

Tháng Tư Đen, 2021



Bài Tình Thơ Tháng Tư

Tháng Tư trong trái tim của mọi người dân Việt dù ở hải ngoại hay ở tại quê nhà vẫn là những kỷ niệm đau buồn khó quên dù đã 46 năm qua.

Những người già nằm xuống, những đứa trẻ lớn lên, cuộc đời bao thay đổi đổi thay nhưng tình yêu quê hương vẫn còn đó.

Mời quý bạn xem lại những hình ảnh thân thương của Sài Gòn ngày xưa mà suốt đời chúng ta vẫn nhớ mãi.

Youtube Sài Gòn Của Tôi (Saigon of Mine)

https://www.youtube.com/watch?v=uPBq_6bJ3MY

Xin mời đọc tâm tình của người viết về Tháng Tư đau buồn qua bài thơ dưới đây

Bài Tình Thơ Tháng Tư

Tháng Tư đến mùa xuân nơi xứ lạ
Khắp nẻo đường hoa nở vạt màu tươi
Trên phố đông rộn rã tiếng chào cười
Thiên hạ sống rộn ràng mừng nắng ấm.

Tháng Tư cũ quê tôi buồn sâu đậm
Bởi nhà tan nước mắt, khóc chia ly
Bạn tù đầy, người đau khổ ra đi
Kẻ bỏ xác nơi rừng sâu, biển lạnh.

Ôi! Vận nước thịnh suy ta khó tránh
Cuộc hồng trần! Ôi! Tan hợp, hợp tan
Bao mươi năm! Sầu, khổ, hận vô vàn
Biển vẫn mặn! Nỗi đau thương còn đó.

Mây vẫn trôi, trời vẫn còn mưa gió
Nhưng cuộc đời: bao thay đổi, đổi thay
Nhiều bạn xưa vĩnh biệt cõi trần này
Người còn sống đã mắt mờ, tóc bạc.

Bao mươi năm! Cuộc đời dầu đổi khác
Nhưng tấm lòng yêu nước, nhớ quê hương
Và nỗi buồn của kẻ sống tha hương
Vẫn còn đó trong lòng người dân Việt.

Gặp nhau đây với niềm đau tha thiết
Nhìn cò vàng, đọc thơ cũ nhạc xưa
Ta cùng nhau tìm lại chút vị thừa
Nhớ kỷ niệm, nhớ anh hồn tử sĩ.

Xin chúc Bạn vẫn vững tâm bền chí
Sống xứ người nhưng ta vẫn Việt Nam
Người Việt Nam: tình cảm, dũng chí làm
Điều lợi ích cho người, cho Dân Tộc.

Sương Lam

Thế là đã 46 năm trôi qua kể từ ngày vận nước đổi thay. Thời gian trôi qua nhanh quá và có những thay đổi, đổi thay trong cuộc sống đã làm cho chúng ta vui vẻ hoặc đau buồn. Có những người thân quen ngày xưa bây giờ phải nghìn trùng xa cách cả một đại dương và cũng có những người đã ra đi không bao giờ còn được gặp lại nhau. Những đứa trẻ lớn lên, học hành thành đạt nơi xứ người đem lại sự hãnh diện cho cộng đồng người dân Việt tại hải ngoại.

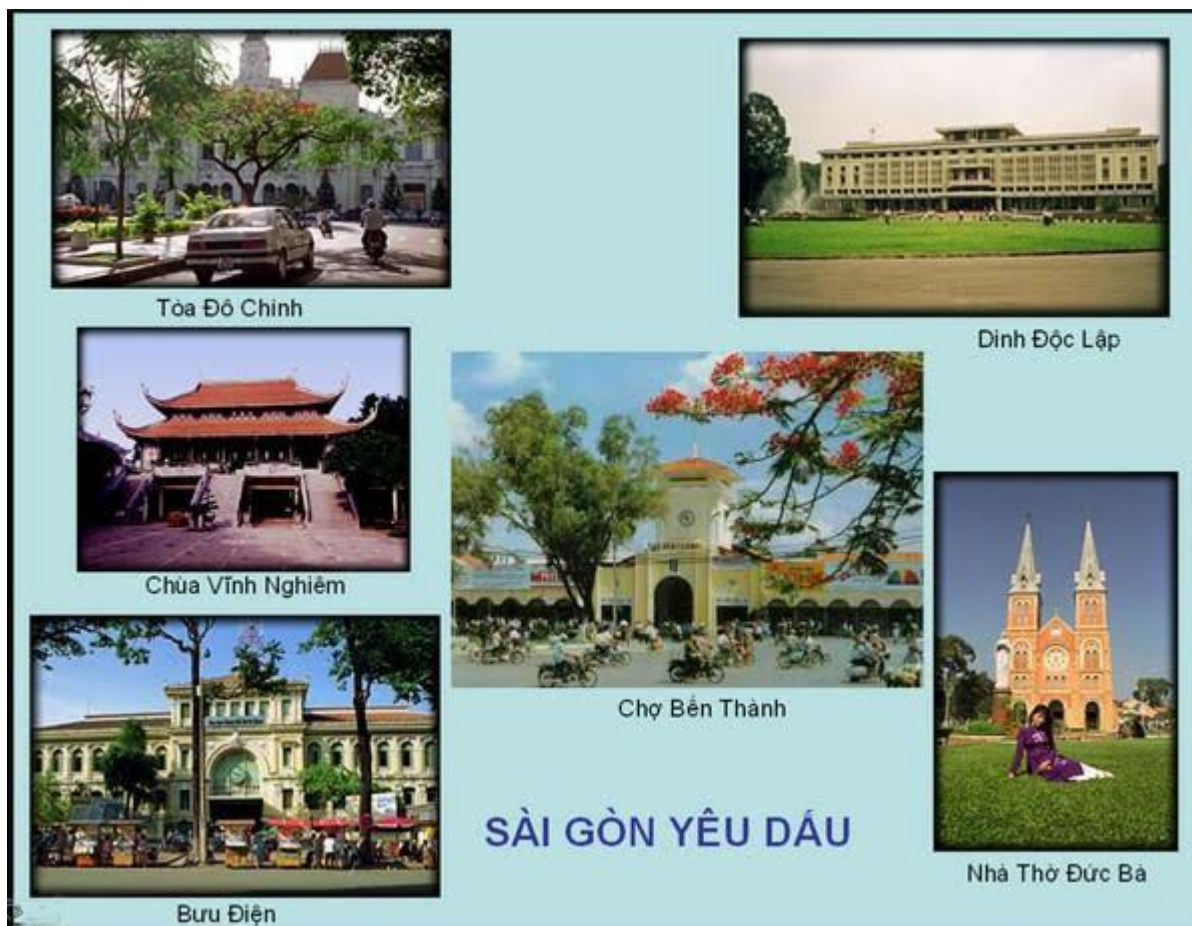
Bao nhiêu chiến sĩ đã hy sinh để bảo vệ màu cờ vàng ba sọc đỏ, bao nhiêu gia đình đã ly tán, bao nhiêu người đã tử nạn trong biển sâu rừng vắng trên bước đường tìm tự do, bao nhiêu sự cực khổ gian nan trong cuộc sống nơi xứ người đã vẽ lên bức tranh quốc hận đau thương. Bởi thế vào tháng Tư hằng năm, bạn và tôi, xin hãy dành một phút tưởng niệm đến những người đã khuất cho lý tưởng tự do, bạn nhé!

Ngày tưởng niệm! Chẳng đợi kêu mời rước
Ngày đau buồn! Dân Việt khắp năm châu
Một phút thôi! Xin kính cẩn cúi đầu
Để truy niệm đến những người đã khuất.

Saigon cũ già từ trong u uất
Nơi xứ người, Tôi, Bạn nhớ Quê hương
Tháng Tư Buồn! Người ở lại quê hương
Hòn vong quốc! Ai buồn hơn ai nhỉ?

(Trích trong *Portland Tháng Tư Buồn*- Thơ Sương Lam)

Xin mời xem lại những hình ảnh thân thương của Sài Gòn ngày cũ mà thấy đau buồn khi nhớ về những kỷ niệm quý yêu đã mất.



Xin cảm ơn nhà thơ Hoàng Nguyên Linh, nhạc sĩ Võ Tá Hân, ca sĩ Ngọc Quy đã đưa chúng tôi về kỷ niệm ngày xưa qua youtube đầy tình cảm này.

THÁNG TƯ BUỒN - Nhạc Võ Tá Hân - Thơ Hoàng Nguyên Linh - Ca sĩ Ngọc Quy

https://www.youtube.com/watch?v=COJLI4_PWE

Từ những kinh nghiệm trong quá khứ, chúng ta đã học được một bài học về sự biết ơn. Người viết xin được chia sẻ với quý bạn những giòng tư tưởng và hai mẩu chuyện Thiên dưới đây để làm kết luận cho bài tâm tình hôm nay, bạn nhé.

Sống Trong Thế Giới Biết Ôn.

- * Xin biết ơn những người khiển trách ta, vì các người giúp ta tăng trưởng định tuệ.
- * Xin biết ơn những người làm ta vấp ngã, vì các người khiến năng lực của ta mạnh mẽ hơn.
- * Xin biết ơn những người bỏ rơi ta, vì các người đã dạy cho ta biết tự lập.
- * Xin biết ơn những người phản bội và đâm sau lưng ta, vì các người đã tiêu trừ nghiệp chướng cho ta.
- * Xin biết ơn những người lường gạt ta, vì các người tăng tiến kiến thức cho ta.
- * Xin biết ơn những người làm hại ta, vì các người đã tôi luyện tâm trí của ta.
- * Xin biết ơn tất cả những người khiến ta được Kiên Định Thành Tựu.

Câu chuyện Thiên thứ nhất: **Câu chuyện con lừa**

Một ngày nọ, con lừa của một ông chủ trang trại sẩy chân rơi xuống một cái giếng. Lừa kêu la tội nghiệp hàng giờ liền. Người chủ trang trại cố nghĩ xem nên làm gì. Cuối cùng ông quyết định: con lừa đã già, dù sao thì cái giếng cũng cần được lấp lại và không ích lợi gì trong việc cứu con lừa lên cả. Ông nhờ vài người hàng xóm sang giúp mình. Họ xúc đất và đổ vào giếng. Ngay từ đầu, lừa đã hiểu chuyện gì đang xảy ra và nó kêu la thảm thiết.



Nhưng sau đó lừa trở nên im lặng. Sau một vài xẻng đất, ông chủ trang trại nhìn xuống giếng và vô cùng sửng sốt. Mỗi khi bị một xẻng đất đổ lên lưng, lừa lắc mình cho đất rơi xuống và bước chân lên trên. Cứ như vậy, đất đổ xuống, lừa lại bước lên cao hơn. Chỉ một lúc sau mọi người nhìn thấy chủ lừa xuất hiện trên miệng giếng và lóc cóc chạy ra ngoài.

Cuộc sống sẽ đổ rất nhiều thứ khó chịu lên người bạn. Hãy xem mỗi vấn đề bạn gặp phải là một hòn đá để bạn bước lên cao hơn. Chúng ta có thể thoát khỏi cái giếng sâu nhất chỉ đơn giản bằng cách dùng bao giờ đầu hàng.

(Nguồn: sưu tầm trên internet)

Câu chuyện Thiên thứ hai: **Thiên Sinh và Con Bọ Cạp**

Một thiên sinh ngắm nhìn dòng suối hiền hòa, bỗng nhiên trông thấy một con bọ cạp rớt xuống suối. Vị thiên sinh này đưa tay vớt nó và nhẹ nhàng để nó lên mặt đất. Con bọ cạp theo phản ứng tự nhiên là cong đuôi chích bất cứ ai đụng đến nó. Mặc dù bị nó chích rất đau, nhưng ông không hề tức giận, vì đã làm được một việc mà ông thích làm là cứu sống được con bọ cạp. Sau đó, ông đứng lên đi, nhưng đi được vài bước, thì ông quay lại nhìn con bọ cạp, thấy nó lại té xuống suối nữa. Ông vội vàng chạy lại vớt nó, rồi cẩn thận đặt nó lên mặt đất. Lần thứ hai cũng như lần đầu, ông cũng bị nó chích nữa. Trông thấy cảnh tượng này, một sư huynh



đứng bên cạnh bực mình, nói lớn: “Con bọ cạp vô ơn bạc nghĩa như vậy, cắn hoài, cứu nó làm gì cho mệt. Kệ xác nó”. Ông thân nhiên trả lời rất hay: “Chích là thói quen của con bọ cạp, giúp nó là thói quen của tôi”. Đó chính là thói quen của lòng từ bi. Chúng ta giúp đỡ người khác bằng một thái độ không mong họ phải biết ơn, đền ơn. Người như vậy mới làm nên đạo cả.

Nhưng triết lý của câu chuyện không ở góc độ này, mà muốn nói điều quan trọng hơn. Đó là nếu chúng ta muốn làm Phật sự, muốn dấn thân vào đời, muốn giúp đỡ mọi người, nếu không chịu đựng được những cú chích của con bọ cạp, cú chích của những lời thị phi, của lời hăm hại, của sự đày đọa, của những gian lao thử thách, thậm chí là việc sát hại, chúng ta sẽ không bao giờ thành công được. Vì thế, thiếu vắng lòng từ bi, lòng khoan dung, lòng kham nhẫn mà làm nhiều

Phật sự chừng nào, lòng sân hận, buồn phiền của chúng ta càng dễ lớn chừng đó. Đôi lúc chúng ta làm Phật trở thành ma sự là vì vậy. Tâm huyết quá lớn, nhưng không có sự tu tập để chuyển hóa được nghịch cảnh, để thăng hoa đời sống tâm linh và đạo đức, thì sự sân hận, uất ức và sự si mê sẽ có cơ hội lớn mạnh, len vào tâm trí chúng ta để trở thành những thói quen mới. Đó là thói quen xấu trước những hoàn cảnh không thuận duyên. Triết lý của câu chuyện ở chỗ đó.

Chúng ta thấy bò cạp có thói quen chích. Nhân tình thế thái trong cuộc đời cũng như vậy. Đôi lúc chúng ta nhiệt tình với người nào đó quá mức, chúng ta giúp đỡ, xây dựng, giáo dưỡng người đó càng nhiều thì càng làm họ bị trói buộc, cho nên nhà Nho nói rằng giáo đa thành oán. Thói quen của sự phản bội, của nhân tình thế thái là những thứ dễ làm chúng ta chán nản lắm và nếu như không có lòng chịu đựng được những cú chích của nhân tình thế thái thì tốt hơn, chúng ta đừng bao giờ dấn thân hành Bồ tát đạo. Chúng ta tu tập hạnh Độc giác, tức giác ngộ rồi nhập Niết bàn còn tốt hơn; vì làm quá độ chẳng những không có lợi cho người khác, còn hại đến bản thân và đời sống nội tâm của ta rất nhiều.
(Nguồn: sưu tầm trên internet)

Chúc các bạn một ngày vui, nhiều sức khỏe và mọi sự an lành đến với các bạn.

Người giữ vườn Một Cõi Thiên Nhân

Sương Lam

(Tài liệu và hình ảnh sưu tầm trên mạng lưới internet, qua điện thư bạn gửi-MCTN 560-ORTB 985-4282021)

MẮNG!

Chị mắng: *Thằng vô ơn*
Phường thượng thặng cả chón
Xưa phản chiến, lon ton
*Nay lại **phi**... chính trị!*

Vô tướng lại bắt tài.
*Xưa trốn: **phi**... nước đại*
Chạy, quăng dép đứt quai
Xin “tỵ nạn... chính trị.”

✱

Ca tụng đảng man di
Việt gian bất khả trị
Tư cách chẳng ra gì
Sống không cần lý trí.

Tro tro đến lạ kỳ
Về ăn chơi thả cửa
*Cửa đóng sao chẳng... **phi***
Xin tỵ nạn Wuhan?”

Ý Nga, 26.4.2021

KHÔNG THỂ GÓP “CÓ” THÀNH... “KHÔNG”!

(Chúng ta không ngại Việt Cộng, chỉ ngại Việt gian đang ngồi quanh anh chị em.)

*

Cãi nhau thấy điều chán sống
Người đông mà việc không xong
"Chiến hũu" thôi hết âm nòng
Khoe chi lưng dài, vai... động?

Chi vì những tên thiên Cộng
Khích bác, đâm thọc Cộng Đông
Chiến “hũu” quên cả Non Sông
Làm sao nhìn xa, trông rộng?

Chao ơi là lu với... **hũ!**
Ý Nga, 27.4.2021

THÁNG TƯ KỂ CHUYỆN TRẠI TỶ NẠN

1. NGHÈO MÀ VUI

Bữa đó, vừa mới nhập trại Panatnikhom được vài ngày, bốn đứa chúng tôi đang nằm tán dóc trong nhà thì nghe tiếng bước chân rầm rầm ngoài cửa. Chúng tôi nhìn ra thì thấy bác nhà trưởng và một số người khác đứng lố nhố, những bộ mặt vô cùng nghiêm trọng, nặng nề còn hơn trong “Cái Đêm Hôm Ấy, Đêm Gì?” của Phùng Gia Lộc. Họ nhìn quanh “nhà” rồi nhìn chúng tôi như “đánh giá, tìm hiểu, dò xét”, rồi một người lên tiếng:

- Đây có phải là nhà cô Hảo, trước đây bán thịt heo ở chợ Xóm Mới không?

Trời ạ, sao mà giống như công an khu vực đi khám hộ khẩu tạm trú tạm vắng, hỏi cung lý lịch thời cộng sản thế? Đây là trại tỵ nạn mà! Chẳng lẽ vượt biên tới trại rồi mà vẫn chưa thoát sao?

Chúng tôi xanh mặt, lắp bắp:

- Dạ đúng! Có việc gì không mấy chú?

Bấy giờ chú nhà trưởng mới nhoẻn miệng cười:

- Mấy cô làm gì mà... căng thẳng thế! Chẳng là hôm nay trại phát thịt heo, nhờ cô Hảo ra chia thịt giùm lô mình, được không?

Chúng tôi thờ phào nhẹ nhõm:

- Trời! Vậy mà mấy chú làm tụi con tưởng mình sắp bị “đánh tư sản” hoặc sắp bị “đầu tó” ấy chứ!

- Tự mấy cô ám ảnh, chứ ai làm gì đâu nà! Mà cô Hảo có giúp chia thịt cho lô mình được không?

- Dạ được, mà ủa, vậy trước đây khi tụi con chưa nhập trại thì ai lo phần chia thịt?

- Thì tui là nhà trưởng tui phải làm. Nhưng không có tay nghề, thành ra thịt bị nát bầy, chả ra đâu vào đâu, nhờ cô vui lòng giúp.

Chị Hảo đứng lên, chúng tôi bước theo sau. Không biết các bà bán thịt heo khác thì sao, chứ chị Hảo có dáng đi rất từ tốn, thông thả và đĩnh đạc. Ra tới giữa lô nhà, đám đông vây quanh tảng thịt tự động dãn ra, nhường lối cho chị Hảo tiến vào với những cặp mắt đầy ngưỡng mộ. Bác nhà trưởng trình trọng trao cho chị Hảo con dao phay, chị đón lấy và ngồi xuống thao tác. Dân trong nghề có khác, chỉ một loáng là thịt ra đủ loại, từ chân giò, móng, ba rọi, sườn non, nạc dăm... chia đều cho mấy chục phần. Còn dư một mớ xương heo, bác nhà trưởng hăng hái nhảy ra giữa lô thông báo:

- Tui thấy bịch xương này không đủ chia cho cả lô, thôi thì xin tặng cho cô Hảo vì đã giúp chúng ta, bà con thấy sao?

Đám đông vui vẻ vỗ tay đồng ý. Tôi sung sướng nghĩ đến nồi canh xương chiều nay, thì chị Hảo chờ dứt tiếng vỗ tay mới chậm rãi mỉm cười:

- Thừa bà con cô bác, bốn đứa chúng cháu còn trẻ tuổi, sức dài vai rộng, lại có thân nhân nước ngoài tiếp tế, nên xin được nhường phần xương này cho bác nào lớn tuổi neo đơn, hoặc gia đình nào có con nhỏ mà không có thân nhân viện trợ. Quyết định vậy đi nhe!

Chẳng chờ mọi người phản ứng, chị bước đi về, ba đứa tôi nối đuôi theo chị, hình như mặt mũi nở ra “đầy tự hào” trong khi mọi người còn ngơ ngác, chưa nói được lời cảm ơn.

Tôi chẳng tiếc nồi canh xương nữa, (dù biết bữa cơm chiều nay vẫn là cơm Cao Ủy vì chưa liên lạc được thân nhân nước ngoài), nhưng trong lòng bỗng vui dạt dào, đời tỵ nạn “nghèo mà... có chút máu điền” thật là... tuyệt vời!

2. CHUYỆN ĐỘNG TRỜI... GIỜ MỚI KỂ

Bỗng một hôm, cách vài lô nhà của chúng tôi, xuất hiện một “căn nhà khủng” được bao bọc kín mít, cửa sổ cửa cái không bao giờ mở. Gọi đó là “căn nhà khủng” vì bình thường một lô nhà

được chia cho khoảng 40-50 dân tỵ nạn, rồi mạnh ai mua miếng nilon về ngăn riêng ra mà ở, nhưng lô đất đó chỉ có một căn, bên trong chứa mấy người, họ là ai, chẳng ai biết được. Sáng hôm đó, rất tinh cờ, tôi vừa đi ngang qua căn nhà ấy thì cánh cửa bỗng hé mở, một chàng thanh niên đeo máy chụp hình bước ra, đụng mặt tôi, anh ta mỉm cười. Tôi thấy nụ cười thân thiện, dễ mến nên tiến đến, tò mò nhìn vào trong nhà (rất nhanh, nên anh ta không kịp cản). Trong đó có một người đàn ông đứng tuổi, cỡ xấp xỉ sáu mươi, tóc muối tiêu, đeo cặp kiếng trắng. Trong nhà, chỉ có cái giường gỗ, cái bàn gỗ và mấy thùng cạc- tông chứa đồ. Thấy tôi, người đàn ông hơi bất ngờ, nhưng cũng mỉm cười gật đầu chào. Người thanh niên lúc ấy vội vàng nói: “Ba tôi đó” rồi kéo tôi bước ra đường cái, bắt chuyện:

- Nhà cô ở khu nào?

- Khu này chớ đâu, gần bưu điện. Còn nhóm tàu của anh nhập trại lúc nào mà im ru vậy, và số PST (thẻ căn cước tỵ nạn) là mấy?

Anh ta bối rối:

- Tôi... tôi... chưa có số PST!

- Vậy anh đến từ trại nhỏ nào?

Anh ta ngạc nhiên:

- Trại nhỏ là sao?

- Anh ngây thơ thiệt không đó? Dân mình đi vượt biên, cập bờ biển nào thì được lính Thái hay cảnh sát Thái vùng đó giam giữ vài tuần, chờ làm thủ tục giấy tờ với Cao Ủy rồi mới được chuyển lên trại Panatnikhom này. Nơi đầu tiên mình đến là trại nhỏ, anh hiểu chưa? Mà nè, vậy anh từ trên trời rơi xuống đây hả?

Anh ta hiểu ra, bật cười, rồi lại áp úng:

- Ủ... tôi từ trên trời xuống đó! Tôi đến đây từ Bangkok!

Nói xong, biết đã lỡ lời, anh ta chuyển ngay đề tài:

- Cô à, tôi đang tập chụp hình, nếu cô đồng ý thì tôi sẽ chụp hình cho cô, gọi là thực tập miễn phí, đôi bên cùng có lợi, chịu không?

- Miễn phí thì tôi chịu. Nhưng phải chờ lần sau để tôi đi mượn bộ đồ đẹp, và còn trang điểm sơ sơ, chớ ai lại chụp hình với bộ đồ Cao Ủy này?

Câu chuyện tới đó thì chia tay, tôi chưa kịp hỏi tên anh ta và anh ta cũng chưa kịp biết tên tôi thì chưa đầy một tuần sau, căn nhà đó biến mất như chưa từng có mặt nơi này. Mọi thứ đã được dọn đi, chỉ còn trơ lại lô đất xi măng trống trọi. Tôi đem chuyện này kể tỉ mỉ cho mấy anh cùng làm chung trên bưu điện. Nói kết những chi tiết của tôi kể, và các tin tức mà một anh trong bưu điện nghe rỉ tai từ một người làm trong Ban An Ninh trại, chúng tôi đã tìm ra sự thật. Những người trong căn nhà đó, hay nói đúng hơn là người bố của chàng thanh niên, là một “tội phạm kinh tế” trong vụ đại án “Nước Hoa Thanh Thương” của đại gia Nguyễn Văn Mười Hai đang rúng động cả Sài Gòn. Chẳng hiểu thế lực nào đã giúp họ bay qua Bangkok, mua chuộc được Bộ Nội Vụ Thailand, đưa họ vào trại tỵ nạn Panatnikhom, là nơi ẩn náu an toàn để trốn lệnh truy nã của nhà cầm quyền Việt Nam. Rồi họ cũng sẽ dễ dàng vượt qua cuộc thanh lọc tỵ nạn (do Bộ Nội Vụ Thailand quyết định) và đường hoàng lên máy bay đi định cư nước thứ ba!

Tự dung tôi bỗng rùng mình. Chẳng lẽ nào... chẳng lẽ nào... vì cái tật tò mò nhiều chuyện của tôi mà gia đình họ đã cảm thấy bị “bại lộ tông tích” nên đã phải vội vã di chuyển đến nơi khác (hoặc trại tỵ nạn khác trong vùng Đông Nam Á) an toàn hơn, hy vọng sẽ không có mấy “bà tám” như tôi?

Nghĩ tới đó, mồ hôi hột của tôi vã ra như tắm. May mà tôi là “bà tám” ở trại tỵ nạn Thailand, chứ nếu xảy ra tại Việt Nam, sớm muộn gì tôi cũng bị thủ tiêu để bịt đầu mối, ví dụ như một vụ đụng xe hay biết đâu là một vụ... té lầu chớ chẳng chơi.

Hú hồn!

KIM LOAN

Edmonton, Tháng 4.2021



Hoa Thiên Lý

Tôi rộn ràng chờ đợi chuyến bay về thăm Việt Nam với vợ chồng cô cháu gái, cô có một cái tên rất đẹp là Nguyễn thị Hoa Thiên Lý, dù cô chỉ là một cô gái quê ít học. Khi cô được sinh ra, trước nhà có giàn hoa Thiên Lý, nên tên cô được đặt theo loài hoa ấy.

Cách đây vài năm, tôi từ Mỹ về thăm quê quán ở miền Bắc để nhận diện họ hàng. Cha tôi bảo thế! Nếu không, một ngày nào đó cha chết đi thì chúng mày mất hết cả cội nguồn.

Tôi đã học thuộc những tên tuổi, liên quan họ hàng, dây mơ rễ má với cha tôi, về quê trình diện, và được họ hàng chào đón thân tình.

Quê nhà tôi thuộc tỉnh Hà Nam, ngôi làng Nhật Tựu nghèo nàn, có cây cầu xi măng cũ kỹ, và dòng sông ngay đầu chợ, nước không sâu, đục lờ đờ chẳng biết chảy về đâu?

Tôi có rất nhiều anh chị em họ, ngày đầu tiên về quê, tôi lôi trong va li ra bao nhiêu là quà để tặng họ, nào xà bông, kem đánh răng, dầu thơm, mỹ phẩm và các loại kẹo bánh. Ai cũng tò mò và thích thú khi nhận được món quà lạ phương xa mà tôi chắc rằng có người cả đời họ chưa một lần dùng tới.

Chiều, mấy chị em họ dẫn tôi đi dạo quanh làng, đến một cánh đồng ruộng, tôi đứng chân trên bờ, nhìn vài cô gái đang làm dưới ruộng. Có một cô cứ nhìn tôi chăm chăm, dù từ xa nhưng tôi cũng nhận thấy cô gái khá xinh đẹp, nhưng tôi cũng chẳng có thì giờ nhớ đến cô nếu ngay buổi chiều đó tôi không gặp lại cô.

Tôi đang ngồi trong nhà anh chị Quý nói chuyện thì cô về, hai ông quần xắn lên tới gần đầu gối, hai chân trắng của cô còn dính những vết bùn, dù có lẽ cô đã rửa vội chân trước khi bước vào nhà. Cô nhìn tôi, e ấp cúi đầu chào:

- Cháu chào cô ạ!

Chị Quý giới thiệu:

- Cháu Lý, con đầu lòng của anh chị đây.

Tôi ngắm nhìn Lý, cô khoảng mười tám, mười chín tuổi, nét mặt dù đã từng đội nắng mưa vất vả mà vẫn mơn mớn xinh tươi, làm tôi buột miệng khen:

- Cháu xinh quá, có phải lúc này cô thấy cháu đang làm ruộng đấy không?

- Vâng, chính là cháu cô ạ, cháu định chạy lên chào cô nhưng không kịp.

Tôi nửa đùa nửa thật:

- Không ngờ cô có đứa cháu xinh như thế này, làm ruộng cực khổ quá, để cô tìm cho cháu một người chồng ở Mỹ nhé?

Cô bèn lên cúi đầu, nhưng đôi mắt chột sáng long lanh.

Ăn cơm xong, tôi lấy vài hộp mỹ phẩm của riêng tôi để cho Lý. Tôi nghiệp những cô gái quê, chỉ tiếp xúc với bùn đất, cầm hộp mỹ phẩm mà ngẩn ngơ, dường như họ không biết phải làm gì với cái hộp xinh đẹp và thơm phức này!

Hôm sau Lý không đi làm ruộng, chỉ ở nhà, cứ quanh quẩn bên tôi, nghe tôi kể đủ thứ chuyện bên Mỹ, và Lý dần dần hỏi tôi về cách sống, cuộc sống ở Mỹ. Đối với Lý, nước Mỹ là một thiên đàng mệnh mông đầy thú vị.

Suốt một tháng ở quê hương, Lý là người thân và gần gũi tôi nhất. Trước ngày tôi trở về Mỹ, Lý đã gặp riêng tôi, dặn dò:

- Cô nhớ tìm cho cháu một người chồng ở Mỹ để cháu đi Mỹ nhé!

Nhìn vẻ mặt nghiêm trang của Lý, tôi biết Lý không đùa như hôm đó tôi đã đùa. Tôi gật đầu vì không muốn nhìn Lý thất vọng, đơn giản thế thôi, chứ tôi có biết ai mà làm mai cho cháu mình? Về đến Mỹ, tôi càng biết điều ấy không phải dễ. Việt kiều về Việt Nam cưới vợ rất nhiều, nhưng toàn kén chọn vợ trẻ đẹp, học giỏi con nhà giàu, họ biết cái giá trị Việt kiều của họ, nên coi như được quyền lựa chọn những gì tốt đẹp nhất. Tìm đâu ra một Việt kiều chịu về quê cưới một cô gái chân lấm tay bùn, cho dù cô có đẹp, có ngoan?

Suy đi nghĩ lại tôi thật lòng muốn giúp Lý qua Mỹ, Lý trẻ đẹp và xứng đáng được đời. Nếu không, Lý lại lấy chồng ở quê và tiếp tục còng lưng trên ruộng đồng, sẽ để những đứa con nheo nhóc như cha mẹ đã sinh ra chị em Lý. Cuộc sống cứ thế mà xoay vòng, làm ruộng cha truyền con nối như một nghề không sao bỏ được. Người thì càng sinh sôi nhưng ruộng đất không nở thêm một tác nào, vì thế cuộc sống miền quê càng thêm đói khổ.

Không trông mong gì tìm được một Việt kiều, tôi liền đăng tìm bạn trên internet, lời rao rất thật thà, đây là một cô gái quê ít học, hiền lành xinh đẹp, muốn tìm một người Mỹ để xây dựng gia đình, để đời đời. Kèm theo lời rao là tấm hình Lý mà tôi đã chụp ở quê.

Tôi không ngờ có vô số người nhào vô làm quen, thôi thì đủ loại, cà rồn có, nham nhở có, và chân tình cũng không thiếu. Tôi bỗng dưng trở thành “giám khảo” và lũ đàn ông hám gái đẹp kia là những thí sinh ngoan ngoãn trong tay tôi, gạn ra lọc vào mãi tôi tin là đã chọn được một người Mỹ đáng tin cậy nhất, hoàn hảo nhất trong cái đám “thí sinh” lạ hoắc khắp bốn phương trời đó. Ông ta tên John, lớn hơn Lý... 20 tuổi, là giáo sư Đại học, tài chánh vững vàng. John rất nhiệt tình muốn cưới Lý và sẵn sàng về Việt nam làm thủ tục.

Chuyện Lý ngày nào muốn qua Mỹ tưởng như đùa mà đã thành sự thật.

Những ngày đầu tiên Lý qua Mỹ đã làm khổ tôi không ít, cảnh sống lạ, với người chồng không cùng ngôn ngữ gây cho Lý nhiều khó khăn. Lý gọi phone cho tôi để hỏi ý kiến bất cứ chuyện gì, bất cứ lúc nào, kể cả lúc nửa đêm:

- Cô ơi, ông John ngủ ngáy to quá, cháu ra ngoài ghé sa lông ngủ, được không cô?

Có hôm Lý hốt hoảng gọi tôi:

- Cô ơi, cô giải thích cho ông John hộ cháu với, ông ấy tưởng cháu muốn đầu độc ông ấy. Sự thể là thế này, thấy ông John kêu nhưc đầu, cháu liền lấy chai dầu xanh ra và bảo “If you no good I will “cạo gió” you”. Ý cháu muốn nói là nếu sức khỏe anh không tốt thì em cạo gió cho anh. Thế là ông ấy... bỏ chạy.

- Cháu nói vậy có nghĩa là nếu ông không tốt thì tôi sẽ “cạo gió” ông. Ông ta có hiểu “cạo gió” là cái gì đâu, ông ấy tưởng “cạo gió” là kinh khủng lắm, là cháu muốn hại ông ấy đấy. Dần dần Lý đã chinh phục được ông John, cứ mỗi lần thấy khó ở trong mình là John lại kêu vợ... “cạo gió”.

Ông John dạy môn thần học, đã viết ra những cuốn sách dày cộm để giảng dạy cho sinh viên, nhìn kệ sách cao và đầy sách vở của chồng, Lý rất thán phục, mỗi lần lau chùi kệ sách Lý đều kính cẩn xếp chúng lại cho ngay ngắn.

John rất yêu Lý, ông hạnh diện vì cưới được một cô gái còn trinh nguyên và trẻ đẹp. Những ngày họp mặt các giáo sư dạy cùng trường ông đều mang vợ theo. Bên cạnh các ông giáo sư đạo mạo khác, bên cạnh các phu nhân của họ, lịch lãm, cao sang, cô Lý làm ruộng năm nào ngồi ngẩn ngơ như một con búp bê làm kiếng, để cho các bà kín đáo nhìn Lý với ánh mắt tò mò và dị nghị (sau lưng Lý, dĩ nhiên). Ông John biết điều đó, nhưng ông “don’t care”, biết đâu một vài ông trong cái đám giáo sư đạo mạo khả kính kia, cũng đang nghĩ trộm, ước thầm có được một cô vợ trẻ như ông?

Lý đã đòi đòi, từ một cô gái quê đã trở thành vợ của một giáo sư Đại học, ở nhà đẹp, đi xe hơi, hưởng một đời sống tiện nghi đầy đủ. Ông John không cho Lý đi làm, ngoài lương dạy học, ông còn lợi tức từ nguồn kinh doanh địa ốc do cha mẹ để lại, tha hồ cho ông một cuộc sống vật chất phủ phê, ông chiều cô vợ trẻ đẹp và chiều cả gia đình vợ, Lý đã gửi tiền về quê cho cha mẹ xây nhà, cuộc sống của họ cũng “lên hương” nhờ nguồn tài trợ của con gái từ Mỹ.

Những lúc chồng đi dạy học, ở nhà rảnh rỗi, Lý thường phone cho tôi, Lý thật sự hài lòng với cuộc sống hiện nay, dần dần Lý tâm sự, Lý đã từng có một mối tình ở quê, mối tình vừa mới chớm, chưa kịp nở đã tàn. Người yêu Lý là thợ lái máy cày ở làng bên, anh đẹp trai, hát hay và mơ mộng, anh hẹn một vài năm nữa có tiền sẽ cưới Lý, anh sẽ dựng một căn nhà nhỏ, sẽ trồng một giàn hoa Thiên Lý, vì cô mang tên loài hoa ấy. Lý sẽ sống với anh, và hương thơm hoa Thiên Lý ngoài sân luôn quấn quýt bên anh.

Nhưng anh nghèo quá, một vài năm nữa biết đâu vẫn chỉ là mộng ảo? Lý thực tế hơn, ngày ấy tôi đã mang về làng quê, về ngôi nhà của cha mẹ Lý những hình ảnh, những câu chuyện bóng bẩy và giàu có của nước Mỹ, làm Lý sướng mê. Lời nói đùa vô tình của tôi đã làm Lý náo nức và ước mơ, cô so sánh và muốn thoát ra khỏi đồng ruộng, khỏi lũy tre làng, muốn rời xa con sông Nhật Tựu nơi đầu chợ, quanh năm dòng nước đục, buồn như kiếp người nghèo khổ ở làng quê, phải trôi đi thật xa, thật xa, để gạn đục, để xanh trong hơn.

Tuổi trẻ nào mà chẳng có khát vọng? Ai chẳng có lần mơ những nơi chôn phù hoa?

Mối tình ấy chỉ có cha mẹ của Lý biết, họ viết thư sang kể rằng Lý theo chồng sang Mỹ, thì hai năm sau anh ấy cũng lấy vợ. Lý chỉ biết có thế, và không ai muốn nhắc đến chuyện ấy nữa. Lý đang có hạnh phúc và Lý tin rằng người yêu của Lý cũng đang hạnh phúc, ai có phận nấy.

Bây giờ Lý đã có một đứa con ba tuổi với John, Lý xa Việt nam thế mà đã hơn bốn năm rồi!

—o0o—

Lần này trở lại làng quê thì tôi đã nhớ tên và quen biết hết tất cả họ hàng của mình.

Cha mẹ Lý vui mừng và hạnh diện đón con và cháu.

Một buổi chiều, tôi theo thân nhân đi sang làng bên cạnh, vừa để ngao du xem cảnh vừa để thăm một đứa cháu. Cô này tên Duyên.

Đi bộ gần nửa tiếng mới tới nhà Duyên, một căn nhà nhỏ ven chân đê, những nhà ven đê đều là nhà nghèo cả, họ không có tiền mua đất, mua nhà trong làng, nên ra ven đê dựng nhà. Vợ chồng Duyên có một con, chồng Duyên trông khỏe mạnh, đẹp trai, còn Duyên khá mặn mà, Duyên cũng là chị em họ với Lý, họ ngang tuổi nhau. Duyên hỏi thăm tôi về Lý, tôi đang kể về cuộc sống của Lý tại Mỹ, thì chồng Duyên xin phép đi chút việc, anh lấy xe đạp, vội vã ra ngoài. Khi tôi đang định ra về thì Lý đến, cô đi một mình, tay xách nách mang những gói quà từ Mỹ về cho người em họ, hai chị em tíu tít hỏi thăm nhau, lâu ngày mới được trở lại làng quê Lý vui cuống cuống, chỗ nào đối với Lý cũng thành lạ, thành đẹp, Lý ngắm sân trước rồi ra sân sau, và đột nhiên tôi nghe một tiếng kêu như thảng thốt lẫn nghẹn ngào:

- Cô ơi!

Tôi bước ra sân sau, bây giờ tôi mới thấy một giàn hoa Thiên Lý, giữa những cánh lá xanh, xum xuê những chùm hoa Thiên Lý màu trắng ngà đang nở đẹp.

Lý đang giơ tay hứng một chùm hoa, đôi mắt Lý thoảng mơ buồn, trong khi tôi không hiểu gì cả thì Duyên nói:

- Chị Lý ơi, giàn hoa này chồng em trồng đấy, anh ấy bảo trồng hoa Thiên Lý cho thơm nhà, anh ấy không cho hái xuống, cứ để hoa nở và hoa rụng, thế thôi! Nhưng nếu chị thích thì cứ hái một vài chùm đi, không sao đâu.

Lý ngắt một chùm hoa to nhất và gói vào khăn tay. Chúng tôi chào Duyên để ra về, đi một đoạn, Lý kéo tay tôi và nói nhỏ:

- Lúc nãy cô đã gặp chồng của Duyên rồi chứ gì? Cháu vừa mới biết rằng anh ấy chính là người mà cháu đã kể cho cô nghe, người đã hứa sẽ cưới cháu, sẽ dựng một căn nhà và trồng một giàn hoa Thiên Lý.

Đột nhiên đôi mắt Lý long lanh, ngấn lệ:

- Dù không lấy được cháu, anh ấy vẫn trồng hoa Thiên Lý, cô ơi...

Tôi sững sốt và chợt nhớ đến vẻ mặt hiền lành, ít nói của chồng Duyên, lúc anh lấy xe đạp ra ngoài khi tôi đang kể về vợ chồng Lý ở bên Mỹ. Tôi cảm tưởng như mình có lỗi, đã mang đến cho anh một nỗi đau. Người vợ kia không hề biết rằng trong tim anh vẫn còn một ngăn kỷ niệm cho người yêu cũ.

Ngày xưa, Lý đã đánh đổi mọi tình đầu vừa hé nở, ngây thơ trong sáng ấy, để lấy một cuộc sống vật chất, phù hoa. Nhưng bây giờ, nếu như Lý có mang tất cả những vật chất phù hoa ấy cũng không mua lại được những gì đã mất. Chúng tôi bước trở về làng Nhật Tựu/ Hương thơm hoa Thiên Lý trong khăn tay của cháu tôi hay từ mảnh sân kia cùng theo chúng tôi về?

Nguyễn Thị Thanh Dương

ẢNH XƯA

(Cám ơn anh Hai đã cho lại tấm hình của
tuổi-mười-mấy)

*

Được anh cho lại tấm hình
Ngày xưa, ngày xưa khi mình trẻ măng
Thuở kiêu căng áo thêu vàng
Răng chưa chuẩn bị nạm... vàng, kim cương

Thời, thầy cô đã tuyên dương
Tương duyên hội ngộ, dễ thương lớp trưởng.

PHÓ TIẾN “SỈ” * DÂM DỤC

Cái đầu bệnh hoạn tà dâm
Khoe: “Cao bằng cấp!” (chết bầm tường treo)
Quất queo tư cách rẻ bèo
Bèo khô cần bạc (móc meo, hư tường).

*

Việt gian bôi bẩn lớp trưởng
Thương em mù chữ đã nhường bát lương
Đau con Quốc Hận nhiều nhưng
Bao nhiêu tiền “sỉ”, chiếu giường bấy nhiêu!

Ngàn thương, trăm nhớ ngát hương
Anh cho quà quý có tường, xa xôi
Bây giờ thui thủi, ngậm ngùi
Sài Gòn lụt lội dậy mùi Hán nô.

Giặc “vô” thi thố Tam Vô
Trần lan nị ngộ xô bồ Thủ Đô.
Đảng đô la thủ, xí xô
Tay sai, nhượng bộ, Tàu ô trầm trở
Chẳng màng chi đến Cơ Đồ

Tụm nhau hả hợng: hoan hô, ăn mừng.

Em đi nhớ Nước không ngừng
Các anh ở lại còng lưng cày bừa
Mai này gặp lại người xưa
Có nhìn ra bé võng trư cười hoài?

Ý Nga, 24.4.2021

Ý Nga, 25.4.2021

*Sĩ: cố ý viết dấu hỏi của nghĩa SĨ NHỤC

MÊ SẴNG, VÔ SẢN

Càng “cộng sản” vinh quang” càng hăng sản
Của khoe khoang tài ăn cướp dễ dàng,
Đem sử vàng ra nhuộm đỏ bao trang,
Thi dựng tượng, đua dát vàng vạn trang.

Càng **cộng “sản”** * càng làm càn*, **mê sảng**,
Tóm **tài sản** chung làm **gia sản** riêng
“Đầy Tờ” quên chưa xích “Chủ” thì xiềng
Loa sang sảng chuyện “Éch ngòi đày giếng”!

Ý Nga, 23.4.2021

*“Sản”: tài sản

*Càn: xằng, bậy

CHO CON ĐI VƯỢT BIỂN

Cả nhà đang vui mừng anh Thi tôi thi đậu vào đại học Tài Chính chưa được bao lâu thì anh phường đội ghé nhà đưa giấy báo tin anh Thi đã... trúng tuyển nghĩa vụ quân sự.

Mẹ tôi “quen” với anh phường đội, mời anh vào nhà thì thăm to nhỏ xin anh hủy tấm giấy gọi này như lần trước anh đã từng làm và hậu tạ anh, nhưng lần này anh phường đội nói không thể vì chỉ tiêu quận đưa ra rất cao phải gom đủ số.

Cả nhà cùng lo âu, chiến tranh biên giới Việt Nam và Campuchia đang diễn ra từng ngày, những đợt nghĩa vụ quân sự nối tiếp nhau lên đường.

Cầm tờ giấy báo nghĩa vụ trong tay mẹ tôi nước mắt rung rung nhưng cả quyết:

- Đi nghĩa vụ là... chết. Không, nhất định là không.

Mẹ ra phường... khiếu nại với hai tờ giấy, một giấy báo đậu đại học và một giấy báo trúng tuyển nghĩa vụ quân sự, xin cho con được đi học đại học vì giấy báo này đến trước, thì ông chủ tịch phường đã nhiệt liệt chúc mừng con trai bà được trúng tuyển cả hai thứ. Nhưng nghĩa vụ quân sự thiêng liêng cao cả hơn, anh Thi phải thi hành trước. Ông hứa hẹn khi nào hoàn thành nghĩa vụ anh Thi sẽ vào học đại học.

Mẹ tôi cay đắng nghĩ thầm con tôi đi bộ đội có khi chết mất xác ở Campuchia hay nếu sống sót trở về, lời hứa hôm nay của ông cũng theo gió bay mà thôi.

Thế là anh Thi tôi phải dẹp mộng bút nghiên lên đường vào bộ đội tại quân trường Quang Trung Hóc Môn.

Mẹ tôi chưa chịu thua, mẹ an ủi con trai:

- Con cứ vào trại Quang Trung, mẹ sẽ tìm đường cho con đi vượt biển tìm cuộc sống tự do và yên chí ăn học đảng hoàng.

Tôi ngây thơ cũng đòi đi vượt biển cùng với anh thì mẹ mắng:

- Đi vượt biển vui lắm sao mà đòi đi chung? Nhà mình không có nhiều tiền, mẹ sẽ dốc hết tài sản lo cho anh con. Mày là con gái... không quan trọng.

Sau 1975 gia đình tôi mất tất cả tiền bạc gửi trong ngân hàng Việt Nam Thương Tín và sau hai lần đổi tiền, tài sản vốn liếng càng teo tóp lại. Bố tôi là công chức thì mất việc. May nhà mất tiền nên mẹ mở cửa hàng tạp hóa nhỏ sống tạm qua ngày với hộ khẩu 4 đầu người gồm cha mẹ và anh em tôi. Người chị cả của tôi đã lập gia đình ở riêng.

Anh Thi vào trại Quang Trung được hai tháng thì mẹ đã có mối đi vượt biển. Một ngày cuối tuần anh được phép về thăm nhà. Anh đã không trở về trại mà đạp xe đò đến Cần Thơ bắt đầu cuộc hành trình tìm đường vượt biển.

Những ngày đầu ở Cần Thơ, anh Thi cùng chủ tàu và vài người khác sống trên ghe, giả làm người đi buôn than củi. Cũng như họ, anh Thi mặc bộ quần áo bà ba đen, đầu đội chiếc mũ tai bèo bèo nhều cũ rách. Bọn họ vừa đi buôn vừa... thực tập lái ghe, lúc từ từ trong lòng sông hẹp hay lúc tốc độ nhanh khi ra sông cái cho thật thuần thục. Từ Cần Thơ đi Sóc Trăng, Bạc Liêu và xuống tuốt luốt Cà Mau, qua lại mấy đồn kiểm soát gần trạm biên phòng cho chúng quen ghe, quen mặt, chờ thời cơ sẽ xuất phát lên tàu lớn ra biển luôn.

Người đội trưởng của anh Thi ở Quang Trung kết hợp cùng công an phường mấy lần đến tận nhà truy tìm anh Thi, kết tội anh đảo ngũ, nếu gia đình bao che sẽ bị tội nặng, nhưng cha mẹ tôi vẫn một mực kêu oan, không biết con trai bỏ đi đâu.

Ở nhà đêm nào gia đình tôi cũng coi tin thời tiết trên ti-vi, thấy biển êm thì mừng thầm, thấy “biển động đến động mạnh” hay “gió giật mạnh cấp 6 cấp 7” trở lên là hoang mang lo lắng. Gió cấp này ngư phủ cũng không dám ra khơi đánh cá.

Gia đình tôi sợ chính quyền và sợ cả thời tiết nắng mưa. Chỉ biết cầu nguyện cho anh Thi được mọi sự bình yên.

Thế mà một đêm khuya nghe tiếng gõ cửa, bố tôi ra mở và kinh hãi thấy một người mặc áo khoác dài tới chân đứng lù lù trước cửa. Người đó vội thì thầm lên tiếng ngay:

- Bố ơi con là Thi đây.

Chuyến đi đã thất bại ngay lúc ra quân, người từ các ghe nhỏ chưa kịp lên ghe lớn thì bị công an ập tới, một số người bị bắt, một số người chạy thoát. Anh Thi phải chi tiền nhờ người dân địa phương giúp đỡ mới thoát ra khỏi vùng sông nước chằng chịt Cần Thơ trở về Sài Gòn. Anh đợi nửa đêm mới dám về nhà mình vì sợ hàng xóm phát hiện.

Cả nhà cùng bàng hoàng lo sợ. Nhốt anh ở trong nhà, một ngày sau cha mẹ tôi đã gọi anh xuống Bà Chiểu ở nhờ nhà bác ruột tôi vì nếu ở ngay nhà mình thì sớm muộn gì hàng xóm cũng biết, hàng xóm biết thì chính quyền sẽ biết.

Anh về nhà nửa đêm và ra đi cũng nửa đêm như tên tội phạm.

Mẹ tôi mang đến nhà bác tiêu chuẩn 9 ký gạo, một ký cá khô và một ký lạp xưởng để khỏi phiền bác thời buổi bao cấp gạo thịt khó khăn.

Cha mẹ tôi sốt ruột lại đi tìm nhiều mối vượt biên khác, nếu chỗ này không xong thì còn chỗ kia. Hai tuần lễ sau bỗng bác trai đạp xe xuống nhà tôi, mang theo gạo, cá khô, lạp xưởng vẫn còn y nguyên và ngại ngại nói với mẹ tôi:

- Chúng tôi mang trả lại chú thím phần thực phẩm này, chưa dùng đến...

Mẹ tôi ngạc nhiên:

- Chẳng lẽ anh chị nuôi không cháu Thi à, nó còn ở nhờ nhà bác mà?

- Thím thông cảm cho, con cháu thương thì thương nhưng... bà nhà tôi lo lắm, không dám chứa chấp cháu trong nhà sợ mang họa, nó vừa tội đảo ngũ vừa tội phản động vượt biên. Hai tuần cháu ở, chúng tôi phải che giấu, không dám khai báo với tổ dân phố có người tạm trú, nuôi cháu thế là đủ rồi, chú thím làm ơn... mang cháu về.

Ông bác ra về rồi mẹ tôi ngồi thần thờ chẳng biết tính sao thì bố tôi đi đâu cũng vừa về đến, không kịp nhìn thấy những món hàng thực phẩm còn để trên bàn, bố tôi vội vàng vào đề ngay:

- Có chuyến đi ngay đêm mai, tối nay tôi phải đến bác đón thằng Thi về và mang đến điếm hẹn. Chuyến của Tư Lùn mà bà từng tin cậy và mong đợi đây...

Mẹ tôi mừng rỡ:

- Đám này tổ chức chuyến nào là thành công chuyến ấy. Đợi chuyến của họ lâu mà chắc. Nhà mình gặp vận hên rồi.

Mẹ tôi chỉ túi gạo:

- Bác trai vừa đến và không chịu chứa thằng Thi kia... Chuyến đi thật đúng lúc. Chắc là trời giúp. Tối hôm đó bố tôi đến nhà bác đón anh Thi về và mang anh đến điếm hẹn. Hôm sau anh đã có mặt ở Bến Tre. Chuyến tàu sẽ xuất phát ở cửa biển Bình Đại.

Một tuần lễ trôi qua, tin từ nhóm tổ chức Tư Lùn cho biết tàu đã ra khơi rồi.

Cả nhà cùng vui mừng, tàu ra khơi sẽ ra đến hải phận quốc tế thì không sợ bị bắt nữa, số phận con tàu chỉ trông vào biển cả và thời tiết. Chúng tôi lại coi ti-vi phần tin thời tiết và cầu nguyện cho chuyến tàu thuận buồm xuôi gió đến bến bờ tự do.

Một tháng trôi qua cả nhà đang khắp khởi mừng thầm bỗng có người phụ nữ lạ tìm đến nhà, hỏi đúng tên và địa chỉ nhà tôi. Bà đi thăm nuôi con bị tù ở Long Đất Vũng Tàu, thằng con nhờ bà chuyển lá thư này cho người bạn cùng tù với nó tên là Thi.

Trời ơi, thì ra chuyến tàu vừa ra khơi đã bị công an đuổi theo bắt lại trọn gói, cả đám thuyền nhân vào trại tù ở Long Đất.

Mẹ tôi suy sụp, vì thương con, vì số vàng chất chiu để dành cho con đi vượt biển hai chuyến đã cạn túi rồi, tương lai đen tối đang chờ đón anh tôi ở phía trước.

Bố tôi là điếm tựa chính của gia đình, bố nén thương đau, vẫn bề ngoài điềm nhiên, mỗi khi có hàng xóm nào hỏi thăm về Thi thì bố vẫn giữ vững lập trường đáp nó bỏ đi từ dạo đó nhà vẫn chưa có tin tức gì.

Bố tôi đi Long Đất thăm nuôi anh Thi, khi về ông còn mua một quả mít to bán ở dọc đường, mít Vũng Tàu nổi tiếng múi dày thơm ngon. Mẹ tôi chán chường:

- Ông còn tâm trí thương thức mít được hả? Ông ăn hết đi, tôi quyết chí... không ăn.

Hàng xóm có kẻ tò mò hỏi tôi:

- Bố cháu đi đâu mà mua mít về, người lại nắng gió ngăm ngăm ra...

- Bố cháu đi thăm họ hàng ở Vũng Tàu.

Bà hàng xóm lúng lợ:

- Không phải đi thăm thằng Thi hả?

Thế là lần sau bố tôi lặng lẽ đi thăm anh Thi và nhất là không mua mít dù bố tôi khen rẻ và ngon, sợ hàng xóm biết, không lẽ lại nói đi thăm họ hàng ở Vũng Tàu lần nữa?

Ở tù hơn một năm thì anh Thi được thả ra, lần này đành phải mang anh Thi về nhà chị cả tôi, dù gia đình chị ở xóm bên, cách xóm tôi không xa. Nhà chị có lầu, cho anh lên tầng trên ở một phòng. Đưa con chị còn bé mới lên ba chẳng biết gì, không cho nó lên tầng trên là được. Hi vọng công an khu vực không nghi ngờ và xét hỏi như thời gian đầu anh Thi mới đào ngũ nữa.

Cha mẹ tôi không biết cách nào xoay ra tiền để lo cho anh Thi tiếp tục đi vượt biên, anh không thể trốn chui trốn nhủi mãi trong một góc nhà, ngày đợi hai bữa cơm như một thằng tù giam. Cha mẹ tôi có lúc tuyệt vọng bàn nhau hay là mang anh ra phường tự thú đã trở về nhà sau một thời gian... đi hoang, để khỏi phiền lụy đến gia đình, để mở ra cho anh một con đường sống trên cõi đời, dù sống với một xã hội mà mình từng toan tính bỏ chạy, muốn lìa xa nó.

Tôi 17 tuổi, bắt đầu thi vào đại học, đơn xin vào đoàn trường của tôi mang về phường bị ủy ban phường, nơi tôi cư trú, nhận xét những lời tệ hại “có anh phản quốc đảo ngũ...” làm tôi khóc quá chừng, không vì tiếc mình chưa được là đoàn viên của trường sẽ ảnh hưởng đến kỳ thi này mà vì chạnh lòng thương anh Thi tôi. Người ta sỉ nhục anh như một tội phạm nhưng anh vẫn là ngôi sao sáng của gia đình và của tôi. Các môn toán, lý hóa tôi đều khá là nhờ có anh kèm.

Vậy mà tôi thi rớt đại học, chỉ được chuyển xuống nguyện vọng hai là trường trung cấp sư phạm. Tôi không hề thích nguyện vọng này, chỉ ghi cho có lệ mà thôi vì tin tưởng khả năng mình sẽ vào đại học.

Một hôm người bạn tù ở Long Đất, rất thân với anh Thi, đến nhà tôi tìm anh (người mà trước kia mẹ anh đã đến nhà đưa thư anh Thi ở trong tù). Tôi kín đáo dẫn anh đến nhà chị tôi. Hai người bạn lên tầng lầu nói chuyện rất lâu.

Người bạn tù này cùng vài người bạn tù khác cũng ở Long Đất đã rủ nhau tổ chức vượt biển, người có khả năng lái tàu, người là hoa tiêu. Họ bàn nhau mua chiếc ghe nhỏ, dài chừng 8-9 mét, động cơ máy cũng... nhỏ, chừng 1 block. Chi phí cây nhà lá vườn kiểu “con nhà nghèo” chừng 5-6 cây vàng là đủ. Nếu anh Thi muốn tham gia thì góp 1 cây vàng để sắm đồ, đưa vàng trước đi sau.

Cha mẹ tôi nghe đều run sợ hơn là mừng, ghe đi biển trung bình dài 15 mét, ghe nhỏ dài 8-9 mét này đi ra biển thì làm sao chịu nổi sóng gió? Lại chỉ có vài mông trên ghe lấy đầu ra người tài giỏi để giúp đỡ lẫn nhau?

Hơn nữa nhà đã hết tiền, một cây vàng bây giờ cũng là gia tài lớn, đưa vàng trước, ghe chưa chuẩn bị xong bị bắt thì coi như mất toi cây vàng.

Anh Thi chỉ biết khích lệ tinh thần bố mẹ:

- Các bạn ấy đều cùng tuổi trẻ, cảnh ngộ ra tù lông bông, con đường sống và tìm tương lai duy nhất là đi vượt biển nên ai cũng cố gắng hết sức mà tìm vận may cho đời mình.

Mẹ tôi đau chũu lòng cũng đành gượng cười:

- Để bố mẹ tính, chưa quá tam ba bận mà.

Bố tôi tán thành:

- Bước đường cùng rồi... con cứ đi theo các bạn.

Tôi lại đòi đi theo:

- Anh Thi cho em đi theo anh với. Em không được vào đại học, chán lắm.

- Nếu cha mẹ đồng ý thì em đi cùng không mất tiền đâu, ghe còn rộng chỗ mà.

Mẹ tôi gạt phăng:

- Thân phận anh Thi đang dầu sôi lửa bỏng. Hai đứa đi một lúc nếu...

Mẹ tôi tự bịt miệng lại, kiêng cử không dám nói tiếp nếu... sợ xui xẻo cho chuyến đi sắp tới.

Bố mẹ đã vay mượn họ hàng mỗi người một ít cho đủ một cây vàng để chơi ván bài chót, mặc cho số phận muốn ra sao thì ra. Mẹ cũng không quên đưa riêng anh Thi chiếc nhẫn mỏng 5 phân vàng để anh có tiền đánh điện tín về nhà báo tin vui.

Anh Thi lần thứ ba rời khỏi nhà trên đường đi tìm tự do. Lần này anh đi bằng cửa biển Gành Hào Bạc Liêu.

Bố tôi đưa anh đến Bạc Liêu và ở lại nhà người thân của người bạn cùng chuyến với anh để nghe ngóng tin tức. Một ngày sau, khi chiếc ghe nhỏ bé ra khơi không nghe động tĩnh gì thì bố yên tâm ra về.

Cả nhà tôi lại rơi vào vòng lốc xoáy của tháp thòm chờ đợi và nghe ngóng thời tiết. Hời những cơn gió dừng giạt mạnh. Hời biển dừng động mạnh cho chiếc ghe nhỏ bé kia ra khơi và đến nơi đến chốn nhé.

Mỗi một ngày trôi qua là một ngày căng thẳng với gia đình tôi, chân như đạp trên chông gai, người như ngồi trên chảo lửa, tim gan ruột phổi như đảo lộn từng phèo. Họ đang lênh đênh trên biển hay đang ra sao có trời mà biết?

Được 3 tuần là mẹ tôi bắt đầu chờ mong... tờ điện tín. Ngày nào mẹ cũng mong giở người đưa thư qua nhà, anh đưa thư trẻ tuổi chạy xe đạp vèo qua cửa thì mẹ tôi thở dài thất vọng. Anh ngừng lại đưa thư, nhưng lại là thư từ miền bắc gửi sang, mẹ tôi càng chán thêm, chia tay nhận lá thư mà chẳng buồn nhìn mặt anh đưa thư, làm như anh cũng... có tội khi không có một tin tức gì của anh Thi tôi.

Mẹ tôi đau xót đếm từng ngày và thở than:

- Được một tháng rồi mà chẳng có tin. Con ơi là con ơi!

Thấy mẹ buồn tôi cũng buồn theo, tôi bi quan như mẹ, tưởng tượng ra bao cảnh hãi hùng. ghe lạc đảo hoang, ghe đang hư máy hay hết xăng dầu lênh đênh trên biển và khủng khiếp nhất là ghe đã chìm vào biển khơi!

Có hôm mẹ tôi nằm ác mộng thấy anh Thi hiện về đứng ở đầu giường, anh mặc chiếc áo kẻ ca rô màu xanh hôm anh ra đi. Mẹ tôi kêu rú lên:

- Thi ơi, con đâu rồi? Con đâu rồi?

Nghe mẹ kể, tôi và mẹ lại òa khóc tiếp cứ làm như vừa được tin anh Thi tử nạn ngoài khơi.

Bố tôi phải gắt:

- Hai mẹ con bà làm gì mà sầu bi thế. Từ Gành Hào đến Thái Lan là gần nhất, nhưng biết đâu ghe nó lạc đường tới Mã Lai nên chưa có tin về?

Mẹ tôi dẫy nẩy lên:

- Ông còn muốn nó đi lạc đến Mã Lai à, sao ông không cho nó đi lạc đến Philippine, Hồng Kông luôn đi cho tôi đợi chờ thêm vài tháng nữa, chết dần chết mòn thêm nữa.

- Tôi chỉ... thí dụ thế thôi để mẹ con bà yên tâm chờ đợi.

Sang tuần lễ thứ năm, tuần lễ thứ sáu thì mẹ tôi đã kiệt sức trông thấy, gầy hốc hác, phờ phạc như một nhánh cây khô, mẹ như một người không có hồn. Chị tôi phải đưa mẹ đến tư gia của một y tá để truyền nước biển.

Đôi lúc tôi bắt gặp vẻ buồn rầu thất vọng trên gương mặt người cha luôn tỏ ra cứng cỏi với vợ con.

Bố tôi cũng lo buồn lắm đấy nào dám nói ra.

Cả nhà tôi âm thầm cùng gánh chịu một niềm đau.

Anh đưa thư vẫn nhớn nhó đi qua nhà mỗi ngày, nhưng trưa nay anh quẹo thẳng vào sân nhà tôi và hớn hờ:

- Mời nhà ra nhận thư nè....

Tôi nhanh chân từ trong nhà phóng bay ra ngoài sân, thấy tôi anh đưa thư mới khoan thai chậm rãi móc trong cái túi vải đeo ngang vai đây ắp văn thư và lôi ra một mảnh giấy gì đó:

- Điện tín từ Thái Lan của Nguyễn Quang Thi nè.

Chữ “nè” của anh đưa thư vừa chảnh chọe vừa dễ thương làm sao. Hình như anh cố tình kéo dài sự hồi hộp sung sướng cho chúng tôi vì anh thừa biết đây là tin vui.

Tôi mừng vui cuống quýt, líu ríu nhận tờ điện tín, mẹ tôi đang mệt mỏi nằm dưỡng sức trong nhà cũng sòng sọc đi ra, mặt mẹ tươi rói như hoa mới nở. Phép lạ nào mà nhiệm màu đến thế với người đàn bà hôm qua còn nằm thiêm thiếp để truyền nước biển? Giọng mẹ rộn ràng như hồi chuông đổ hàng xóm bên cạnh cũng có thể nghe thấy:

- Có điện tín từ Thái Lan à? Cám ơn cháu nhé...

Mẹ móc hết tiền lẻ trong túi áo đưa tặng anh đưa thư mà không cần đếm.

Quả nhiên, bà hàng xóm bên cạnh bấy lâu hay tò mò thắc mắc đã bước sang, chẳng biết bà vui cùng hay là ganh tị:

- Có tin thằng Thi đến đảo rồi hả, thích nhỉ? Tôi đoán đúng mà, nó đi vượt biển chứ còn đi đâu. Dấu ai chứ chẳng qua mắt được tôi...

Cả nhà tôi đã hồi sinh.

Vài ngày sau nhận thêm lá thư của anh Thi. Lá thư viết trước tờ điện tín dù nó đến sau. Anh kể chiếc ghe nhỏ bé chở 12 người đã may mắn trong biển êm gió lặng sau 7 ngày thì đến Thái Lan, 5 phân vàng mẹ đưa anh đã tặng cho người dẫn đường chiếc ghe nhỏ của anh khi ra đến cửa biển nên anh không có tiền đánh điện tín về nhà ngay. Nhưng anh tin là chờ mong càng dài thì niềm vui mừng càng tràn đầy.

Trời ơi, anh Thi đâu biết là anh để cho chờ mong khủng khiếp này dài thêm chút nữa là cả nhà càng thêm sống dở chết dở...

Mẹ tôi mỉm cười hạnh phúc trách yêu thằng con trai đang bình yên nơi xa:

- Có mấy phân vàng mang theo phòng thân mà cũng cho người ta...

- Biết đâu nhờ anh rộng lượng tử tế nên trời thương.

Mẹ tôi kể công:

- Nhờ mẹ đi coi bói và đi chùa cầu nguyện nữa chứ.

Bố tôi phản đối:

- Chuyện nào của nó bà chẳng đi coi bói chẳng đi chùa cầu nguyện, vậy mà hai chuyến trước thất bại còn vào tù hơn năm trời.

Mẹ tôi bỗng quay ra nhìn tôi và tiếc rẻ:

- Nhưng chuyện này Trời Phật thương, biết thế mẹ cho con đi cùng với anh Thi, chẳng tốn thêm tiền lại được thêm một đứa.

Bố tôi hù dọa:

- Nhưng nếu nó đi thì sẽ thành 13 người là con số không may đấy.

Tôi nũng nịu với bố mẹ:

- Thôi, mẹ đã bảo con gái... không quan trọng mà. Anh Thi đi được là cả nhà mình trút được gánh nặng sầu lo, con cũng đang sung sướng hạnh phúc lắm đây....

Nguyễn Thị Thanh Dương.

(April, 2021)

30 THÁNG TƯ

30 tháng Tư lại thấy bồi hồi,
Những con số vô tình mà đau quá,
Tôi không hẹn một ngày trong quá khứ,
Tôi không chờ mà kỷ niệm về đây.

Có một tháng Tư trời trắng màu mây,
Khăn tang trắng cho bao người nằm xuống,
Miền nam Việt Nam trở thành thua cuộc,

YÊU ANH NGƯỜI LÍNH KHÔNG QUÂN

Em ngưỡng mộ đời lính Không quân,
Như yêu Hải quân và Bộ binh,
Nhưng nếu làm người yêu của lính,
Em ngại ngần... không dám yêu anh.

Chàng trong mơ của những giai nhân,
Lính nào đa tình bằng Không quân,

Giọt nước mắt nào khóc cho quê hương.

Tôi thấy người lính trong thành phố buồn,
Anh chưa buông súng đầu hàng số phận,
Trong tuyệt vọng anh vẫn là người lính,
Bảo vệ miền Nam dân chủ tự do.

Anh vừa trở về từ chiến trường xa?
Những chiến hào, những đôn canh bỏ ngõ,
Anh lạc bầy như chim chiều bạt gió,
Đường về nhà không biết ở nơi đâu.

Người ta hoảng loạn chạy đi tìm nhau,
Những xác chết đang nằm trên đường phố,
Bên cạnh đồng rác còn đang cháy dở,
Rác và xác người. Ôi quá xót xa.

Trời đất bơ vơ, người cũng bơ vơ,
Thành phố của mình sao mà xa lạ,
Người di tản, những căn nhà đóng cửa,
Tháng Tư ngoài kia như kẻ tội tình.

30 tháng Tư qua biết bao lần,
Vẫn còn lại một tháng Tư năm ấy,
Đau thương này viết bao nhiêu trang giấy,
Và ngàn đời không thể đốt thành tro.

Nguyễn Thị Thanh Dương

Em không xinh đẹp, không khéo léo,
Chắc gì anh yêu và thủy chung.

Thế mà anh đã nói thương em,
Sau một thời gian anh làm quen,
Ghét của nào trời trao của ấy,
Không muốn thương, mà em... vẫn thương.

Đến thăm em những ngày không bay,
Chiếc mũ anh cài trên cầu vai,
Dáng anh cao ráo trong quân phục,
Mái tóc anh bông bênh như mây.

Không chỉ yêu người lính hào hoa,
Yêu anh tính khiêm tốn thật thà,
Trên bầu trời anh là mây gió,
Em yêu gió mây từ bao giờ.

Những ngày vắng anh, em buồn tênh,
Chàng đang bay giữa ngày hay đêm?
Anh của em và của đời lính,
Anh của tình yêu và chiến tranh...

Em mong ngày chúng mình nên đôi,
Anh bay bướm em vẫn tin người,
Chim bay bao dặm đường cũng mỏi,
Tình bao nhiêu cũng một bến đời.

Trong thời chiến tình yêu mong manh,
Hay số kiếp chúng mình không duyên
Nửa đường bay anh đã gãy cánh,
Nửa đường tình em đã chông chênh.

Người lính không quân ấy không còn,
Mây để tang anh tình nước non,
Em để tang anh tình dang dở,
Anh của thiên thu chẳng của em.

Nguyễn Thị Thanh Dương

1) Nỗi Lòng Ngày Giỗ Quốc Tổ

Tháng Ba Âm lịch, phận ly hương
Nhìn lại quê cha nhớ lạ thường
Bút nghẹn tim sâu ngày Quốc Tổ
Đôi dòng mừng kính lễ Hùng Vương

Từ buổi điêu tàn mãi đến nay
Lịch rơi đà bốn mấy năm dài
Lòng luôn đau đáu thương nhà cũ
Nhớ cảnh làng xưa nhớ quất quay

Thuở ấy đình làng, trống Tháng Ba
Mồng Mười giỗ Tổ rộn gần xa
Áo quần nô nức theo chân mẹ
Guốc gỗ ôm nghiêng mũ điệu đà

Theo sau đám rước kiệu lên đàn
Nhịp trống thùng thùng tim rộn vang
Cờ ngũ sắc ngời trong gió sớm
Rước linh từ miếu nhập đình làng

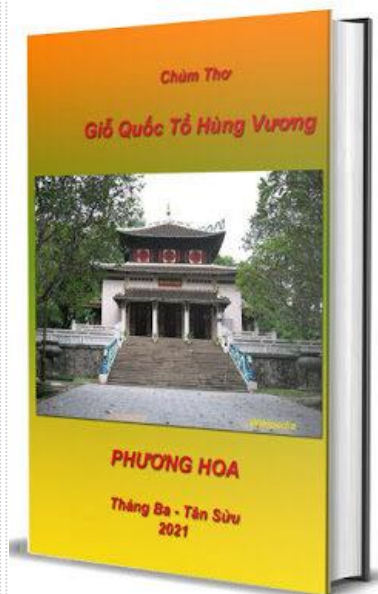
Sắc Thần Vua tít, tụt nghìn xưa
Bô lão hương thân cung kính đưa
Thượng kiệu cúi đầu nghiêm cẩn cẩn
Rước về đình nội, đứng giờ trưa

Hương án khói ngời, trống giục ngân
Heo gà rau trái bày đầy sân
Các bà các chị lo xào nấu
Cờ xí xung quanh gió phật phẫn

Tiếng xướng đình trên vọng ngút vang
Sớ dâng Chức Sắc, Việc, nghiêm trang
Tiếng hô: “Giai quị,” rồi vãn tế...
Ca ngợi Hùng Vương đức ngập tràn

Trống xô lễ thành, tiếp lệnh ban
Hạ màn, thực phẩm dọn ba gian
Chiếu trên, chiếu dưới, ngời la liệt...
Nong lớn, dành riêng bọn trẻ ngoan

Tiệc tàn, mâm cỗ dư ê hề
Chia miếng thịt làng, người há hê
Câu nói, “Thịt làng, sàng thịt chợ”
Cười vui, tay xách nách mang về



2) Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương (Nhị khúc liên hoàn)

Xuân nồng tươi thắm rực màu hoa
Thời tiết dịu dàng đẹp Tháng Ba
Giỗ Tổ Hùng Vương ngày tụ hội
Mồng Mười Âm Lịch buổi giao thoa
Truyền nhân đất Việt năm châu hợp
Con cháu nhà Nam bốn biển hòa
Vọng bái Đền Hùng hương một nén
Khẩn xin Quốc Tổ hộ quê nhà

Quê nhà xa cách mấy mươi năm
Buồn đọng đầy tim nghẹn khóc thầm
Biệt xứ hồn đau, đau chẳng dứt
Ly hương mắt lệ, lệ khôn cầm
Nhớ cha chất ngát, nào quay lại
Yêu mẹ trùng trùng, khó viếng thăm
Cầu nguyện anh linh dòng Việt Tộc
Vua Hùng Quốc Tổ giúp nhà Nam
Phương Hoa
Họa

Giỗ Tổ Hùng Vương (Thể Liên Hoàn)

Âm lịch mồng mười đúng tháng ba
Mùa Xuân sáng rực nắng chan hoà
Ly hương tỏa âm tình chung nguyện

Ngày ấy, nơi nơi hưởng thái bình
Vì đâu đất nước phải điêu linh?
Triệu người lưu lạc, xa lìa xứ
Giờ giỗ Hùng Vương, khóc một mình....

Phương Hoa

(Tháng Ba Mùng Mười Tân Sửu, 2021)

6) Lịch Sử Nước Văn Lang

(Phóng tác theo: “Truyện Thuyết Lạc Long Quân và Âu Cơ.”

Nguồn: <https://vietnamesetypography.com/samples/lac-long-quan-au-co/>)

Đất Lĩnh Nam có chàng Lộc Tục
Kinh Dương Vương thuận thực phép thần
Tài cao sức lạ giống Rồng
Lướt băng mặt nước chằng cần thuyền ghe

Động Đình hồ Xuân hè dạo mát
Gặp Tiên nương dài các khôn lường
Nàng là công chúa Long Vương
Ngọc danh Long Nữ đẹp đường gắm hoa

Duyên tần tần giao hoà giai ngẫu
Kết phụ thê đàn dẫu sắc cầm
Sinh trai Sùng Lãm anh hùng
Đức tài toàn vẹn vượt tâm phụ thân

Người nghĩa khí lòng nhân bát ngát
Nói nghiệp cha hiệu Lạc Long Quân
Cũng đạp nước, cũng phân thân
Tay nâng đá tảng nghìn cân như đùa

Đất Lĩnh Nam nhân mùa tiết đẹp
Lạc Long Quân thu hẹp đường dài
Ngao du sơn thủy hôm mai
Biển Đông Nam vượt gặp loài Ngư tinh

Chém ba khúc đầu, mình, đuôi, rã
“Cầu Đầu Sơn,” đầu hoá núi này
“Cầu Đầu Thủy,” mình ở đây
“Bạch Long Vỹ” đảo, đuôi nay vẫn còn

Đến Long Biên – Tản Viên, chôn cáo

Biệt xứ trung nông nghĩa hợp thoa
Tưởng nhớ Hùng Vương ...vua nước Việt
Ghi ơn sử sách ...tổ tiên nhà
Đồng lòng tổ chức tròn nghi lễ
Hải ngoại tay người dệt sắc hoa

Sắc hoa nhan khói giỗ hàng năm
Nghĩ cảnh xa quê dạ tủi thâm
Hận lũ Tàu gian không chặn được
Thù quân Chệt ác chẳng ngăn cầm
Từng đêm nhớ Mẹ đánh phone hỏi
Mỗi tối thương người chỉ điện thăm
Mười tám vua Hùng thiêng cứu độ
Yên bờ đuổi giặc đẹp trời Nam.

Minh Thuý (Thành Nội)

3) Tháng Ba Ngày Giỗ Quốc Tổ Hùng Vương Con Hồng Cháu Lạc Rộn Rã Vui Mừng

(Dĩ đề vi thù)

THÁNG BA Âm Lịch đúng Mùng Mười
NGÀY GIỖ hoa đào nở thắm tươi
QUỐC TỔ Thánh ơn, ơn dựng nước
HÙNG VƯƠNG Thần đức, đức răn đời
CON HỒNG muôn thuở luôn ghi huấn
CHÁU LẠC nghìn năm mãi nhớ lời
RỘN RÃ trống cờ tung kiệu rước
VUI MỪNG lễ tiệc khắp nơi...

Phương Hoa

Họa

Nhớ

(Thủ Nhất Thanh)

Nhớ tháng ba âm lịch chẵn mười
Nhớ mùa hoa lá nở màu tươi
Nhớ công tiên đế gầy nên nghiệp
Nhớ đức rồng vua dựng vững đời
Nhớ mẫu chuẩn kiên cường góp sức
Nhớ khuôn đề quyết liệt chung lời

Sống nghìn năm đại náo xóm làng
Gái lành hãm hại giết oan
Người dân bỏ đất lang thang chạy dài

Lạc Long Quân trở tài oanh liệt
Chồn chín đuôi đánh diệt tinh hồ
Nước sông Cái lấp hang mờ
“Đầm Xác Cáo” chính Tây Hồ ngày nay

Đất Phong Châu dạn dày thân Chúa
Dạy người dân trồng lúa, thổi cơm
Nhà sàn cất ở sớm hôm
Học điều lễ nghĩa cha con, vợ chồng

Sau Đé Lai từ đông Bắc tới
Công Chúa yêu tên gọi Âu Cơ
Tuyết trần nhan sắc uơm thơ
Lạc Long Quân gặp ngân ngơ lòng vàng

Âu Cơ cũng bàng hoàng lưu luyến
Bạc hùng anh uy tướng bắt phạm
Tơ hồng phận đẹp duyên cam
Theo về cung điện kết làm phu thê

Nồng hương lửa trọn bề ân ái
Tình đơm bông kết trái rõ ràng
Âu Cơ sinh bọc nhung vàng
Nở ra trăm trứng huy hoàng trăm con

Lớn như thổi, lại toàn nam tử
Giống Tiên Rồng lịch sử phát nguyên
Tổ tiên “Bách Việt” lưu truyền
Long Quân con cháu cội nguồn từ đây

Đất Phong Châu trao tay trưởng tử
Hiệu Hùng Vương nước chữ “Văn Lang”
Rồng, Tiên chia biệt đôi đàng
Năm mươi xuống biển, lên ngàn năm mươi
Quốc Tổ Hùng là người dựng nước
Mở lòng từ từng bước an dân
Lạc hầu, lạc tướng, võ, văn
Đặt ra luật lệ quân thần nghiêm trang

Người Bách Việt sống tràn hạnh phúc
Mười tám đời nối bước: Hùng Vương
Văn Lang dân tộc quật cường

Nhớ dân nước Việt trông bờ cõi
Nhớ giỗ vua Hùng khắp mọi nơi.
Minh Thuý (Thành Nội)

4) Giỗ Quốc Tổ Hùng Vương

(Thủ vỹ ngâm - Thuận nghịch độc)

Thuận độc:

Hồng Lạc xứ tiên cõi đẹp xinh
Đất trời xuân tỏa sáng lung linh
Công ghi Quốc Tổ dày tài sức
Đức trái Hùng Vương đậm nghĩa tình
Bông trái phụng đơm đồng kính bái
Cổ bản dâng hiến hiệp cung nghinh
Mong cầu Việt Tộc bình an hưởng
Hong Lạc xứ tiên cõi đẹp xinh

Nghịch Độc:

Xinh đẹp cõi tiên xứ Lạc Hồng
Hưởng an bình Tộc Việt cầu mong
Nghinh cung hiệp hiến dâng bàn cổ
Bái kính đồng đơm phụng trái bông
Tình nghĩa đậm vua Hùng trái đức
Sức tài dày Tổ Quốc ghi công
Linh lung sáng tỏa xuân trời đất
Xinh đẹp cõi tiên xứ Lạc Hồng

Phương Hoa

5) Tháng Ba Xuân

(Điệp tự thi cách)

Tháng Ba Âm Lịch, tháng Ba mừng
Giỗ Tổ Hùng Vương, giỗ Tổ Ân
Mười tám đời Vua, mười tám Đế
Bốn nghìn năm sử, bốn nghìn Xuân
Văn Lang nói gót, Văn Lang tiến
Việt Tộc theo đà, Việt Tộc nâng
Danh tiếng nhà Nam, danh tiếng rạng
Kính tiền Quốc Tổ, kính tiền nhân
Phương Hoa

Học tiền nhân quyết chống phường ngoại xâm

*Việt Nam Bốn Nghìn Năm Văn Hiến
Trái qua nhiều chinh chiến bể dâu
Đẹp Phiên, đánh Pháp, đuổi Tàu
Hùng Vương hậu duệ dám đâu lơ là*

*Nguồn sử Việt nước nhà oanh liệt
Giống Rồng Tiên hào kiệt khắp nơi
Tháng Ba Âm lịch Mồng Mười
Hùng Vương Quốc Tổ người người nhớ ơn....*

Phương Hoa

Mồng Mười tháng Ba – Ngày Giỗ Quốc Tổ - Tân
Sử 2021

Lễ Hùng Vương

(Thẻ Tam Điệp Thức)

Giỗ tổ Hùng Vương, giỗ tổ Hùng
Dung trời nắng đẹp, đẹp trời dung
Đền thờ thoả mãn, đền thờ thoả
Lễ hội mừng vui, lễ hội mừng
Nghẹn nhớ nguồn xưa, xưa nhớ nghẹn
Rung buồn tích cũ, cũ buồn rung
Tàu tham lẩn biển, Tàu tham lẩn
Tuổi trẻ ngừng sao, tuổi trẻ ngừng.

Minh Thuý (Thành Nội)

Tháng 4/20/2021

ĐỘC GIẢ THÂM LẶNG

(Kính tặng quý THUYỀN NHÂN TỶ

NẠN CHÍNH TRỊ

Đã giữ vẹn lời thề

Còn Cộng quyết không về,

Chưa hề khoe “áo gấm” *)

*

Lưu vong vẫn giữ lửa

Quý Chị dòng Triệu-Trung

Không hề mất thế đứng

Thương Nước, viết không ngừng!

Bài nào em cũng đọc

Chị nào viết cũng hay

Em học hoài chưa giỏi

Ý càng đọc càng say!

Mỗi nhất trang, nhất bài

In ra đây, bàn bày

Bao u uẩn lý giải

Em ném vị đắng cay.

Đọc đi, rồi đọc lại

Em chiều khờ, sáng ngày

Ôi! Thơ, văn, họa, nhạc

Quý Chị thật đa tài!

Ý Nga, 22.4.2021

*“*Áo gấm về làng*” là một thành ngữ mà người ty nạn thường dùng để mỉa mai phường Việt gian trở về khoe sang giàu trước sự đau khổ của đồng bào trong nước.

MỜI GIẶC VÀO?

Mở toang cửa rồi khuyên người: “*Đừng đến!*”

Dân than phiền, Cộng (Việt, Mỹ) vô duyên

Nước sao yên, người như kiến mọi miền?

Kẻ bất thiện đương nhiên sẽ trà trộn.

Càng hỗn độn an ninh càng bất ổn

Giặc luôn luôn mong muốn ngõ lách luôn

Dại hay khôn để giặc nắm linh hồn?

HÃY ĐỂ THUYỀN NHÂN AN NGHỈ!

Đi khắp nơi láo lếu

Ai giết người Bến Tre?

Nhờ mi từng phản chiến:

Dân vượt biên, chết bè!

Ai nằm vùng nuôi Cộng

Rồi đối trá tuyên truyền?

Thuyền nhân ai cũng biết

Chẳng cần nêu tuổi tên!

Nhà nguy khốn, dân bôn chôn, kinh hãi.

Ý Nga, 21.4.2021

TRÒ NĂM VÙNG!

Cài người vào nằm sẵn
Bắt: “*Tình nguyện, chăm nom;
Đầu lúc nào cũng cúi,
Lưng ngày nào cũng khom.*

*Siêng quà cáp điều đóm
Gạ gâm người sớm hôm
Xung tụng lên thần thánh
Những Ruồi, Muỗi, Tép, Tôm...*

*

*Khi đánh lén, chỉ điểm,
Lúc nhữ môi, nằm im,
Đâm sau lưng ác hiểm
Khích: đổ kị, tỵ hiểm.*

*Miệng luôn luôn tằm mật
Tâng bốc người lên mây
Thưa chi, anh... ngọt xót
Mài dao sẵn chờ... thầy”.*

*

Say bét phùng hảo ngọt
Kéo Cộng Đòng chết chìm
Nằm vùng lên cướp chiếm.

Ai lân gở rồi rem?

Ý Nga, 18.4.2021

Bao nhiêu là tâm huyết
Bấy nhiêu vùi mộ sâu
Dân chết, mi không biết?
Tụng chi kinh nhiệm màu?

Ý Nga, 20.4.2021

CÚT!

(Tặng quý Chị Em luôn giữ vững lập trường
Quốc Gia.)

*

Tưởng mi giữ lửa đấu tranh
Hóa ra mê gái, tành hanh cùng người,
Thấy Hoa đẹp, chòng ghẹo, cười
Ô danh khắp chốn: chín, mười chưa ưng?

Đủ... trăm chưa chắc mi ngưng
Tránh xa! Chớ có danh xưng, tự dừng!
Gương kia rất bén, chưa chùng
Đã vung, gương chẳng chịu ngừng da tanh.

Ở đây Hoa-Ái-Quốc... sanh
Chưa hề có... tử! Muốn lành thì kiêng!

Ý Nga, 19.4.2021

Những Năm Tháng Vắng Cha

Cuối tháng 4 năm 1975, bùng nổ một sự kiện lịch sử đầy sợ hãi và lo lắng cho người dân miền nam: Việt Cộng chiếm miền nam! Ngay cả tôi, một con bé vừa tròn mười lăm tuổi, đâu đã hiểu biết gì nhiều về cuộc chiến tranh hôm qua cũng đã cảm thấy một thất vọng nào nề, một bầu trời u ám, một tương lai tối đen cho gia đình tôi nói riêng, và cho cả miền Nam nói chung.

Cái bóng đen kinh hoàng ấy đã bao trùm xuống gia đình tôi từ lúc cha tôi bị đi cải tạo. Mẹ tôi đã phải chống chọi với mọi khó khăn trong thời điểm mở đầu rất khắc nghiệt của chế độ Cộng Sản. Lao vào cuộc sống mới giành giật từng miếng cơm manh áo cho tất cả mười đứa chúng tôi và một bà ngoại già yếu với hai bàn tay trắng, không chút kinh nghiệm gì với sự bưng chài ngoài đời, và cũng không có một sự giúp đỡ nào từ phía họ hàng, người thân hay bè bạn. Mẹ tôi, dù đã cố gắng hết sức mình vẫn không kéo được chúng tôi qua khỏi con vực nghèo đói của cuộc đời. Cái nghèo đói tấn công vào gia đình tôi rất nhanh, mỗi ngày tôi đi học với cái bụng

rỗng còn cào đến run rẩy, để chán ngán ngồi nghe những bài giảng về tập thơ “Nhật Ký Trong Tủ” của Hồ Chí Minh, để mệt mỏi với những bài ngợi ca về cuộc chiến thắng vĩ đại thống nhất đất nước. Đầu óc tôi bây giờ chỉ nghĩ đến khi nào thì cha tôi sẽ được nhà nước Cộng Sản thả về? Và khi nào thì gia đình tôi sẽ được trở lại một đời sống bình thường đủ ăn, đủ mặc. Tinh thần tôi suy sụp theo cơn đói và nhất là mỗi khi đi học về tôi lại nghe tiếng gào khóc của em bé tôi trong cơn khát sữa. Tôi chán học, chỉ muốn đi làm kiếm tiền để giúp mẹ. Sau mấy ngày trốn học đi lang thang tìm việc làm, tôi đã chẳng tìm được việc gì ngoài việc làm cho mẹ tôi buồn và khóc. Mẹ đã năn nỉ tôi đi học lại, và mẹ bảo tôi, thử nghĩ xem cha tôi sẽ đau khổ biết chừng nào khi cha trở về trong cảnh gia đình tan nát, các con hư hỏng, bỏ học hành. Nghe mẹ nhắc đến cha, tôi thấy lòng mình âm lại, mẹ tôi nói đúng, tôi phải đi hết con đường học vấn dù có nhiều chông gai trở ngại, dù phải ngồi hàng giờ, hàng tháng nghe những bài giảng chính trị khô khan, phải cần mẫn với những công tác lao động trong trường, tôi vẫn phải, và luôn phải cố gắng để không phụ lòng cha mẹ tôi.....

Tháng 6/1977, sau khi tôi đã thi đậu xong bằng tốt nghiệp lớp 12, tôi cứ tưởng là đã trút được gánh nặng sách vở để bắt đầu đi tìm việc làm. Vậy mà không, mẹ tôi lại muốn tôi thi vào đại học sư phạm. Thật tình, tôi đã chẳng còn muốn đi học lên làm gì nữa, tôi cố trình bày với mẹ những điều tôi được biết về chuyện thi cử rằng: vào đại học sư phạm không phải là chuyện dễ, học sinh phải có lý lịch trong sạch đến 3 đời. Đó là chưa kể đến diện ưu tiên cho những thí sinh thuộc thành phần đi bộ đội, những gia đình có công với cách mạng, gia đình bần nông hay công nhân... Hơn nữa tôi cũng không muốn trở thành một giáo viên dạy văn dưới chế độ Cộng Sản khi chính trị đã xen lẫn vào văn học. Tôi còn đưa ra gương điển hình của anh trai tôi đã thi rớt đại học năm trước dù rằng anh học rất khá và rất chăm chỉ. Song, những lý lẽ của tôi vẫn không thuyết phục được mẹ, và mẹ tôi với một thái độ vừa cương quyết, vừa nhẹ nhàng, vừa khuyến khích, vừa năn nỉ đã làm tôi không thể trái ý mẹ. Tôi không muốn mẹ tôi lại khóc lần nữa vì chuyện học hành của tôi. Thế là tôi ngoan ngoãn lên đường ứng thí cho mẹ vui lòng sau khi biết chắc rằng tôi sẽ không bao giờ thi đậu.

Những tháng hè chờ đợi kết quả là những tháng ngày hồi hộp và lo lắng nhất, khi trong phường tôi ở rầm rộ lên phong trào “nghĩa vụ lao động” và “thanh niên xung phong.” Thanh niên nam nữ, ai ai cũng phải tham gia một trong hai công tác đó nếu không có công ăn việc làm. Anh lớn của tôi đã phải đi thanh niên xung phong từ năm ngoái vì anh đã thi rớt đại học và cũng không thể tìm được việc gì để làm. Trong thư viết về nhà anh có nói: “Môi trường thanh niên xung phong rất cực khổ và tạt nạt, không thích hợp cho con gái đâu”, bởi thế mẹ và tôi rất lo sợ nếu tôi không có ngay một việc làm ổn định, tôi phải có nghĩa vụ đi lao động để xây dựng đất nước, đi đào kênh, đi thủy lợi, đi thanh niên xung phong, cái nào cũng ghê!

Tôi không muốn xa mẹ, xa em, tôi chạy vạy mọi nơi tìm việc. Trong khi mẹ con tôi đang bối rối thì tôi nhận được giấy báo đi tập trung lao động thủy lợi vào tuần tới. Mẹ và tôi cùng quýnh quýng, mẹ dắt tôi lên phường năn nỉ họ xin gia hạn cho tôi thêm thời gian đi lao động vì tôi đang chờ kết quả thi đại học. Mẹ tôi cũng hỏi có cách nào cho tôi được miễn không, người cán bộ phường nói: “Nếu không đi thì phải đóng tiền, nhưng việc đóng tiền chỉ dành cho những người sức khoẻ kém, hoặc ở tuổi trung niên, con chị là thanh niên thì phải thi hành nghĩa vụ.”

Mẹ con tôi ra về trong nỗi buồn lo đến méo xẹo mặt mũi. Ngày hôm sau, mẹ dắt tôi vào hợp tác xã may mặc, chỗ mẹ đang làm, có xin ông tổ trưởng xếp cho tôi một công việc gì cũng được để tôi có thể trì hoãn việc đi lao động. Thương tình mẹ con tôi, ông xếp tôi vào tổ làm khuy áo, tổ này đang thiếu người. Tuy nhiên, ông chỉ nhận tôi vào làm công nhật chứ không nhận như một tổ viên hợp tác xã chính thức, vì thế công việc này cũng không thể bảo đảm cho tôi “thoát” được “nghĩa

vụ lao động.” Thôi đành chịu vậy, tôi cũng phải làm một cái gì đó để đỡ dần cho mẹ hơn là không làm gì hết, còn chuyện đi lao động, cứ mặc kệ tới đâu hay tới đó.

... Rồi một sự may mắn tình cờ đã đến, tôi nhận được thư báo của trường Đại học Sư phạm ngay khi tôi vừa bước chân vào nhà. Trong thư, nhà trường cho tôi biết là tôi đã không đủ điểm đậu vào Đại học Sư phạm (tôi đã biết chắc điều này rồi) nên họ chuyển tôi xuống trường Trung học Sư phạm Mẫu giáo, và có lẽ vì thành phần lý lịch của tôi không được rõ ràng, nên tôi chỉ được nhận vào học khóa cấp tốc 3 tháng, thay vì học khóa chính quy 1 năm. Tôi hết sức mừng rỡ, càng tốt, chỉ cần học thêm có 3 tháng nữa thôi là tôi đã có một công việc hẳn hoi để giúp mẹ, và cái may trước mắt là tôi đã không phải đi lao động thủy lợi, vì theo thông báo trong thư tôi phải có mặt ở trường thứ hai tuần tới. Tôi bỗng tưởng tượng đến sự vui mừng hiện trên khuôn mặt của mẹ, tôi phải rất cảm ơn mẹ tôi về chuyện này, nếu tôi không chịu đi thi đại học như lời mẹ khuyên bảo, thì làm sao tôi có thể tìm được việc làm với mảnh bằng tốt nghiệp lớp 12, lại chưa biết một nghề chuyên môn nào cả. Tôi cũng không nhanh nhẹn như các em tôi để theo những người buôn thuốc tây ngoài chợ trời sau giờ học. Mẹ tôi đã nhìn thấy tôi là một đứa con chậm chạp, không có khả năng lăn lộn với cuộc sống bán buôn và càn vụng về hơn trong những công việc tỉ mỉ chân tay. Bây giờ tôi mới hiểu vì sao mẹ tôi quan niệm cuộc đời là một bài toán, một bài toán thật hóc búa! Vào thời điểm đó không ai đã có thể tìm ra một đáp số chính xác cho bài toán của cuộc đời mình...

... Những ngày đầu đi làm của tôi cũng thật là chua chát, đắng cay. Tôi luôn chịu sự đối xử bất công của bà Hiệu trưởng so với T. bạn dạy chung, mặc dù tôi rất chăm chỉ, đi làm đúng giờ, soạn giáo án đúng ngày. Nhưng hình như bà không bao giờ hài lòng với mọi sự cố gắng của tôi. Có nhiều hôm, vì con đói vật vã, khiến tôi mệt mỏi và không có sức để đi tới đi lui nhiều. Giờ vui chơi, tôi chỉ ngồi một chỗ bất động nhìn học trò chạy nhảy như chong chóng. Bà đã bực dọc la lối tôi như một đứa trẻ: “Em làm cô giáo gì mà thụ động quá vậy hả? Chẳng biết dạy học trò cho ra nê nếp gì hết. Đâu phải đi vô dạy là cứ ngồi đó hoài để lãnh tiền đâu?” Bà không biết mà chắc cũng chẳng cần biết là gia đình tôi đã không có cơm ăn gần cả tuần rồi, chỉ toàn ăn cháo độn rau muống. Hai hôm trước cháo cũng không có mà ăn, phải ăn rau muống luộc không. Tôi đang thấp thòm chờ tháng lương đầu và chút nhu yếu phẩm đem về cho mẹ đổi lấy gạo nấu cơm.

Một buổi sáng, tôi đến trường trong cái mệt và đói là người. Tôi cố lết vào lớp tìm một cái ghế ngồi phịch xuống. Hôm đó, Thái không đến trường, cũng không thấy bóng dáng bà hiệu trưởng đâu. Bà thường viện cớ cho sự vắng mặt của bà là phải đi xuống phường thường xuyên đốc thúc họ cấp nhà cho trường mẫu giáo, chứ trường ốc như hiện giờ ai mà thêm cho con đi học. Tôi nhìn những đứa bé học trò trong lớp toàn là con nhà nghèo, đứa nào mặt mũi cũng lem luốc, mũi dãi chảy lòng thòng. Có đứa mang chân không đi học, tôi chợt xót xa nghĩ đến hình ảnh của các em tôi có khác gì những đứa bé nhà nghèo này đâu. Tôi mong con đói sẽ qua đi, để tôi đứng dậy phát tập cho học trò tô màu. Cái đói đã làm tê liệt cả não bộ của tôi, cả tứ chi tôi không buồn nhúc nhích. Nếu bà hiệu trưởng có mặt ở đây thì chắc chắn tôi sẽ bị trách móc về chuyện đi vô dạy mà cứ ngồi hoài... Bất chợt, em trai kế của tôi từ nông trường lao động ghé qua trường thăm tôi. Thấy bóng em, tôi vịn thành ghế đứng lên, chậm chậm bước ra cửa, nhìn em tôi đen đui và già đi rất nhanh so với tuổi mười tám của em, tôi cười trong nước mắt. Không đợi tôi hỏi, em tôi nói ngay một hơi:

- Em mượn xe đạp của thằng bạn chạy về đưa nhu yếu phẩm cho bà, không thấy Mai ở nhà, mấy đứa nó nói Mai đi dạy ở đây. Em ghé qua thăm Mai một chút rồi phải đi liền, Mai xanh quá à.”

Tôi cảm động không nói được, nước mắt cứ rơi. Tiếng em tôi hỏi:

- Sao Mai khóc vậy? Bộ dạy ở đây cực lắm hả?

Tôi lắc đầu, ngập ngừng nói:

- Chị... chị ... đói quá, nhà mình mấy hôm nay... khổ lắm. Mẹ chạy không nổi hai bữa cơm cho cả nhà, mà chị thì... chẳng phụ gì được cho mẹ... Đi làm cứ mong lương hoài mà chưa có...

Tôi sụt sịt gạt nước mắt, em tôi ngắt lời:

- Em biết cái khổ của nhà mình, bởi vậy em không dám ở nhà lâu. Không biết chừng nào bố mới về cho tụi mình đỡ khổ...

Em tôi chợt ngừng nói và móc túi áo lấy ra một gói nhỏ đưa cho tôi:

- Em cho Mai nửa cục đường tán nè, Mai ăn đi đỡ đói. Ở chỗ em mỗi lần đi lao động mệt đưa nào cũng phải thủ cục đường để ngậm cho khoẻ.

Mắt tôi sáng lên:

- Vậy hả? Sao Thái không để dành để dành mà ngậm cho chị làm gì?

- Mai đang đói ngậm liền đi cho khoẻ, em đã ăn nửa cục rồi mới có sức đạp mười lăm cây số về đơn vị bây giờ chứ.

Tôi cầm nửa cục đường thể nhìn em ghen ngào...

Em tôi nói:

- Thôi, em phải đi đây, Mai ngậm liền đi cho khoẻ để có sức la hét tụi nhỏ.

Nói rồi em đạp xe đi nhanh. Tôi ngẩn ngơ nhìn theo em, vừa run rẩy bỏ cục đường vào miệng. Vị ngọt của đường, và vị mặn của nước mắt pha lẫn vào nhau trong cổ họng tôi như tắc nghẽn lại...

Đúng như lời em trai tôi nói, chỉ vài phút sau tôi bỗng thấy mình khoẻ hơn một chút. Tứ chi tôi đã muốn hoạt động trở lại để tôi có thể chơi đùa với những đứa bé ngây thơ trong lớp. Sau giờ học, bà hiệu trưởng tạt qua trường đem cho tôi một tin thật khủng khiếp: phòng giáo dục không có tiền trả lương cho giáo viên trong 3 tháng, chúng ta sẽ được “truy lãnh” 3 tháng lương vào tháng 12. Tai tôi như ù đi, tôi tưởng như con ma đói đang cào bụng tôi đến chảy máu. Trời ơi, ba tháng không lương! Tôi sẽ phải làm sao để giúp gia đình tôi trong cơn túng quẫn này? Ba tháng không lương, tan nát hết bao nhiêu hy vọng của tôi rồi. Tôi không biết tôi còn được bao nhiêu sức lực để vượt qua những cơn đói dài trong những ngày tháng tới? Ba tháng không lương, có ai tin được đó là sự thật dưới chế độ cộng sản? Đảng và nhà nước đã làm được gì cho nhân dân sau khi hòa bình, ngoài sự phát triển cái nghèo, đói và bệnh hoạn, ngoài việc hô hào dân chúng là đất nước hãy còn khó khăn, mọi người dân chúng ta phải biết khắc phục, còn phải khắc phục đến bao giờ? Thật là một nền hoà bình trong ai oán và uất hận. Trên đường về nhà tôi cứ lẩm bẩm mãi câu “ba tháng không lương” như một người khùng, rồi tôi bật khóc tức tưởi...

Bây giờ ngồi đây tôi vẫn còn khóc, khóc mãi trong suốt cuộc hành trình ngược dòng thời gian về một quãng đời đen tối của sự nghèo đói sau chiến tranh. Còn biết bao nhiêu điều tang thương đã xảy ra trong gia đình tôi, những năm tháng vắng mặt cha, ... Có những khúc quanh trong cuộc đời gọi cho tôi nhiều xúc cảm quá đốn đau, quá xót xa, đến độ tôi không tài nào nhắc bút lên viết hết được, và phải dừng lại nỗi nhớ của mình.

Thiên Lý (trích hồi ký: *Ngược Dòng Thời Gian*)



Má tôi thứ Sáu. Mọi người thường gọi má tôi là cô Sáu hay bác Sáu, mặc dù ba tôi thứ Hai đáng lý người ta phải gọi là bác Hai mới đúng. Má tôi sinh trưởng tại Phước Thiện (Biên Hòa). Lớn lên lấy ba tôi là người Bình Định, vào Nam lập nghiệp. Má bỏ phố chợ theo chồng từ dạo đó.

Thuở nhỏ, tôi mê về quê ngoại lắm. Má tôi dẫn 5 anh em tôi ra chợ Long Thành, mua ít đồ làm quà biếu rồi đón xe thổ mộ đưa anh em tôi về thăm nhà. Chiếc xe có con ngựa rất khoẻ, trên đầu chụm cái mũ che đôi mắt chỉ để nhìn phía trước, trên đó gắn lấy cọng lông chim trĩ để trang trí làm đẹp. Con ngựa không thể thấy hai bên nên cứ nhìn thẳng con đường mà phi nước đại "Lọc cọc... lọc cọc ..." đều đặn, vui tai. Mấy quang gánh lác lư theo nhịp ngựa phi nước kiệu.

Chiếc xe không lớn hình chữ nhật, phía trên mái vòng cung, hai bên hông có chỗ để móc quang gánh của các bạn hàng đi chợ. Hai bánh xe thật lớn và cao ngang tầm con ngựa. Mỗi khi lên, xuống bác phu xe phải nhắc một ghé đầu để hành khách bước làm đà.

Tôi thích nhất là được ngồi kế bác xà ích hay ngồi cuối cùng để thòng hai chân xuống một tay vịn chắc vào thành xe, hai chân đong đưa lác lư như chính mình đang chạy vào vùng thần tiên nhiều cổ tích. Má tôi thường nhét tôi vào trong. Bà nói:

- Con gái gì mà rắn mắt, ngồi như dzậy té chêt cha nghen con!

Con ngựa cứ phi, người trong xe râm ran hỏi thăm nhau chuyện mua bán trong ngày. Bác xà ích tay nắm dây cương giựt giựt điều khiển ngựa chạy, một tay cầm roi thỉnh thoảng quát nghe trót.. trót

Khỏi cầu Quán Thủ, xe quẹo qua ngã ba Phước Thiên, gió hai bên ruộng lúa thổi vào mát rượi, thơm thơm. Vượt qua khỏi dốc cầu là tới chợ Phước Thiên. Nhà bà ngoại tôi nằm ở dãy phố bên tay trái kế chợ. Ngôi nhà của má tôi sinh ra và lớn lên, chiếc xe thổ mộ và tiếng ngựa phi tất cả đi vào ký ức tôi cho đến bây giờ.

Thật tình tôi không còn nhớ mặt ông bà ngoại tôi như thế nào. Má tôi kể bà ngoại tôi rất hiền và thương người. Khi má tôi sinh tôi ra là con gái bà mừng lắm. Bà thường ôm tôi vào lòng hát ru cho tôi ngủ mỗi lúc má đưa tôi về thăm quê. Bà thường âu yếm gọi tôi là: "Con chó con của ngoại". Do đó trong hồi ức tôi ngoại là bà tiên tóc trắng, móm mém nhai trà, mặc áo bà ba với cái khăn rằn vắt vai rất là Nam bộ.

Chợ Phước Thiên có điểm đặc biệt hơn những nơi khác là chợ nằm giữa hai dãy phố hai bên. Chợ xây trên bậc thềm cao, mái lợp ngói, bốn bên trống trơn, chợ rộng rãi thoáng mát. Con đường tráng nhựa tương đối rộng, cách ly chợ với hai dãy phố đối diện nên khu chợ trông ấm cúng và ngăn nắp.

Nhà ngoại tôi là dãy phố đối diện chợ Phước Thiên. Cậu Hai tôi - người ta thường gọi là Hai Chánh - bán tạp hoá nên nhà không thiếu thứ gì. Nước mắm, dầu hôi, gạo, giấy tiền vàng bạc, kẹo bánh và luôn cả vật dụng dành cho học sinh. Mặc dù là phố chợ nhưng mặt tiền nhà ba gian rất rộng. Nhà có chiều dài ăn sâu vào tuốt phía sau với rất nhiều lu, khạp thật to để chứa nước mưa. Nhà sau thông với vườn cây ăn trái rộng mênh mông. Những cây dừa thật cao, sai oằn những trái; cây cau đứng thẳng lên trời, ngó mòi cổ. Cam, bưởi, quýt, ổi trái chi chít trĩu cành. Chúng tôi thường chỉ được má dẫn về quê ngoại mỗi khi có giỗ (má tôi gọi là cúng cơm) hay dịp Tết hoặc gia đình ngoại có tang, hỷ sự. Thỉnh thoảng má cũng cho anh cả tôi dẫn đàn em về thăm nhà ngoại.

Tôi nhớ như in (mặc dù bây giờ gần 60 năm đã qua, những người thân yêu thời cô cụ đã ra người thiên cổ, kể cả các anh tôi và các anh chị họ ngoại của tôi.) Mỗi lần Tết hay cúng cơm, cậu Hai tôi phải trèo lên cái thang để đốt hương trên bàn thờ tổ tiên. Tôi còn bé đứng nghênh cổ hết mức mới nhìn được mấy cây nhang cháy lập lòe trên bàn thờ. Tôi sợ lắm vì thấy sao mà nó âm u và linh thiêng quá. Theo má, tôi chấp tay xá xá cúi đầu rồi lôi tay mấy anh chạy tót ra phía sau. Phía sau nhà là khu dành làm phòng ăn và ở cho con cháu, Gian giữa là phòng của cậu và chứa đồ; gian kế là khu chứa gạo, nước mắm, dầu hôi, đường và vô số thùng, bịch, bao, cái mở cái không. Căn nhà được sáng bởi những tấm kính đặt xen kẽ với ngói âm dương đưa ánh sáng vào nhà. Phía nhà sau là ba bộ ván to đùng. Mỗi bộ ván chỉ có hai miếng. Không biết thân cây này to cỡ nào mà năm anh em tôi với hai đứa con của dì Bảy bị bắt ngủ trưa, nằm trên bộ ván này, lăn qua lăn lại mà vẫn rộng rinh.

Tôi thích nhất bộ trường kỷ nhà cậu Hai, được đặt ở nhà trên để tiếp khách. Cái bàn rất rộng, bên trên đặt bộ tách trà, khay trà, chung rượu, và một xị đế; còn bình trà thì được chứa trong một trái dừa khô có khoét lỗ. Bộ trường kỷ có hai băng ghế khảm xa cừ. lưng dựa và tay vịn là những thanh gỗ tròn chạm gọt tinh vi, được tra vào những thanh gỗ hay sắt làm trụ mà khi đưa tay rẹt một cái các thanh gỗ xoay xoay phát ra âm thanh thật đã lỗ tai. Tôi là con nít nên ít khi dám lên nhà trên. Nhưng mỗi lần được đến tôi không rời mấy cái ghế đó, tay mân mê rẹt rẹt như chơi đàn.

Sau này khi trưởng thành đã đi dạy và có gia đình, mỗi khi có dịp về thăm quê ngoại tôi được các anh chị mời ngồi ở bộ bàn này để uống trà. Tôi cũng hay mân mê và đẩy những thanh gỗ đó. Cái

ghế đã quá cũ, căn nhà vẫn còn trụ được với thời gian nhưng nó cần tu sửa lại. Những kỷ niệm như một bức tranh tuyệt vời làm tôi lặng yên và rung rung nước mắt.

1- CẬU HAI TÔI

Nói tới cậu Hai tôi thì có nhiều chuyện để nhớ đời. Thứ nhất là cậu ốm nhom, cao lêu nghêu miệng móm xòm. Cậu như bộ xương cách trí được lồng trong bộ bà ba trắng đi tới đi lui. Cậu mà uống say thì cậu hay kể chuyện xưa rồi khóc. Cậu vừa khóc vừa nói, điều thuốc vắn lạp bập trên môi trông vừa sợ vừa tức cười. Cậu buôn bán khá giả nhưng tuyệt đối không hút thuốc điều mà chỉ chơi thuốc rê và đích thân cậu vắn.

Thuốc rê cậu hút phải là thuốc hạng nhất, hút điều nào vắn điều đó. Cậu lấy giấy cuộn đã được cắt sẵn rút một nhúm thuốc bỏ vào cuộn tròn. Xong cậu dùng hai bàn tay vè một cái rẹt đưa lên miệng liếm dính rồi dùng lưỡi giữ điều thuốc. Cái lưỡi lè ra lè vô như dán lại điều thuốc cho dính. Hộp quẹt của cậu cổ lỗ xỉ chắc từ thời Bảo Đại chưa về nước có nắp đậy rời ra. Cậu xoay mạnh bánh xe là đá quẹt tóe tia lửa chạm vào môi bằng chỉ đã tằm xăng bằng bông gòn ở bên trong. Lửa phát ra, cậu châm thuốc rồi đậy nắp lại. Nắp hộp quẹt liền với sợi dây cột dính ở thắt lưng. Hộp quẹt là vật bất ly thân của cậu Hai tôi cùng với chùm chìa khóa.

Điều đặc biệt và kỳ dị ở đây là tất cả các cột to đùng ở trong nhà đều có gắn tàn thuốc rê của cậu ấy. Khi hút gần hết điều thuốc cậu bập bập môi lè ra lè vô một lần nữa xong lòi điều thuốc đã gần hết, ướm nhẹp ra dán vào bất cứ cột nhà nào cậu đứng gần. Đồ đũa nào dám lấy quãng đi. Bữa bói của cậu Hai tôi đó. Cậu hay nói: " thuốc ngon nhất là cái đuôi này, tất cả tinh túy của điều thuốc nó kết lại ở đây." Đúng như cậu nói thuốc ngon nửa điều. Độ một hoặc hai tuần cậu thu gom tất cả các tàn thuốc lại, lấy thuốc bên trong ra và làm thành những điều thuốc rê ngon nhất (theo cậu). Cho nên trong nhà này mùi nước mắm, dầu hôi, nước tương, mắm ruốc, thuốc lá quyện thành một mùi đặc biệt, vừa khó chịu vừa khó quên.

Cậu Hai tôi rất thương con cháu. Cậu là bậc trưởng thượng, là người lớn nhất đứng đầu gia tộc, nhưng đám giỗ lớn cỡ nào cậu cũng không ngồi ăn ở bàn khách. Tiếp khách xong, cậu để cho em, con phục vụ cậu xuống ngồi ăn với đám nhóc tụi tôi. Thức ăn được dọn lên đầy đủ ở bộ ván sau nhà. Tụi tôi các con cháu nội ngoại ngồi xếp bằng xung quanh để ăn. Cậu bỏ thức ăn cho mấy đũa, kêu đem thêm đồ ăn hay lấy xương cá ra ngoài cho tụi tôi khỏi bị mắc xương. Thú vị nhất là cậu ăn dùm tất cả thịt mỡ kho tàu. Tụi tôi tha hồ ăn thịt nạc đã được nấu mềm rục chung với dưa giá làm chua. Vì là phố chợ lại ở miệt vườn nên mấy bà chị dâu tôi rất giỏi bếp núc. Thức ăn đám giỗ miền quê ê hề. Các chị làm đủ thứ bánh miền Nam để cúng Ông Bà nên bọn nhóc tụi tôi ăn uống no nê. Mỗi năm anh em tôi mong ngày đám giỗ hay Tết để về quê ngoại mặc sức được ăn ngon và hái trái cây thỏa thích.

Cậu tôi mất khi tôi đủ lớn để biết cảm nhận tình thương nơi cậu. Chị Hai Bé con cậu tôi thay cha buôn bán. Anh rể tôi vừa lo bốc hàng phụ vợ và phát triển ruộng nương. Do đó các cháu tôi có những cái nickname rất lạ: “Chim, Cò, Két, Tinh, Tương, Chao” Đến bây giờ các cháu đã có sự nghiệp riêng, có dâu, có rể, có cháu nội ngoại mà tôi cũng không biết tên thật của chúng là gì. Gặp chúng tôi vẫn lòi cái tên này ra gọi. Tụi nó quê quá lên tiếng phản đối: “Dì ơi là dì! Kêu vậy chết tụi con rồi.”

2- MÁ NĂM TÔI

Má tôi thứ Sáu và đương nhiên chị của má tôi thứ Năm. Không hiểu sao tụi tôi không gọi bằng dì mà gọi bằng Má - Má Năm. Nhà dì tôi cũng ở phố chợ Phước Thiện nhưng bên tay phải và cách chợ khoảng sáu bảy căn nhà. Nhà cũng rất rộng và sâu, kéo dài ra tận vườn dừa xum xuê

những trái, Vườn nhà má Năm tôi có rất nhiều cam và bưởi. Những trái bưởi sai oằn ngọt tê đầu lưỡi đã quyến rũ anh em tôi mỗi khi về quê ngoại không muốn về nhà.

Má Năm tôi cũng ôm nhóm móm mém giống như má tôi. Vẫn thích mặc quần đen, áo túi hay áo bà ba, khăn vắt trên vai hay đội trên đầu mỗi khi ra ngoài. Nhóm trẻ bây giờ không thể thấy hình ảnh những bà mẹ quê miền Nam ngày xưa ăn mặc như thế nào. Nay nhé, thường thì họ mặc quần đen ống rộng, đáy nem hay đáy giữa. Bây giờ không còn thấy ai mặc quần đáy nem hay quần một ống một đáy. Có nghĩa là hai ống quần không nối nhau ở giữa mà có thêm một miếng vải may ở đó để kết nối hai ống quần. Như vậy khi phụ nữ bước đi hai mông không lộ ra theo đường may ở giữa. Khi tôi thành thiếu nữ, má tôi đã cho tôi mặc quần như vậy. Bà nói con gái đoan chính không được để những đường cong của cơ thể lộ ra ngoài quần áo khiến đàn ông có ý nghĩ không tốt. Hu hu

Ở nhà các má hay mặc áo túi có lẽ vì nó có hai cái túi to dùng để đựng khăn mặt, tiền hay những thứ linh tinh. Áo túi thường rộng, ngắn tay và ngắn hơn áo bà ba. Ra đường họ mặc áo bà ba ra ngoài áo túi. Đầu các má đội khăn ngoài chiếc nón lá. Khăn thường có sọc ngang dọc khá dài, một tay nắm một bên múi khăn hất lên đầu, tay kia cũng làm như vậy và cái khăn có cái hình như cái bánh ú. Mỗi khi mệt thì lôi khăn xuống lau mồ hôi. Tiện và lợi. Ở nhà phụ nữ mang guốc mộc.

Mỗi khi đi đám cưới hay dự những tiệc sang trọng họ búi tóc hai vòng rất đẹp có cài trâm hay móc tai vàng để giữ múi tóc không bị sổ ra. Họ mặc quần trắng (hay đen) áo dài lịch sự. Cổ đeo dây chuyền hoặc kiềng vàng bông tai, xuyên vàng sang trọng. Chiếc khăn vuông bằng tơ hay lụa giá trị được xếp chéo đội trên đầu và cột thắt ở cổ như cái nơ. Đôi khi khăn không đội mà cột quàng ở cổ điệu đà. Chân mang guốc sơn có in hoa rất đẹp.

Di Năm tôi có chồng, tụi tôi gọi là ba Năm. Ba Năm tôi làm thầy pháp chuyên trị tà ma. Mỗi năm vào rằm tháng giêng thì má tôi dẫn cả bọn tôi về quê để thay bùa. Bùa là một mảnh giấy vàng cỡ hai ngón tay, dài độ một gang. Ba Năm tôi dùng mực tàu vẽ ngòong nghèo vào đó làm phép rồi bỏ vào một cái túi nhỏ màu vàng hình tam giác. Chỉ màu gồm vàng, đỏ xanh se dính vào nhau, ba Năm tôi vẽ bùa vào đó rồi làm dây cho tụi tôi đeo. Tụi tôi từng đưa phải đứng trước bàn thờ. Ba Năm tôi dùng nhang vẽ ngoài ngoài trên không trung, miệng niệm thần chú, thỉnh thoảng xuýt xoa thổi nhang phỉ phò lên đầu tụi tôi. Khi ông đánh chuông nghe một tiếng beng là xong một đũa. Bùa phép có linh và hiệu nghiệm hay không tôi cũng không biết, chỉ biết mỗi khi đến cái am của ông là tụi tôi sợ điếng hồn ngồi im re không dám nhúc nhích. Am nhỏ, nhưng bày la liệt những hình nhân cô cậu có mấy con hạc, ngựa gỗ đứng hầu. Giấy đỏ, giấy vàng có vẽ bùa treo la liệt khắp nơi. Khói hương lúc nào cũng nghi ngút, trái cây từng đĩa đặt trên khay thờ. Ngoài cửa có công với hai con cạp nhe răng phát sợ. Ngay gốc cây vú sữa cạnh đó cột một cặp khi. Chúng khọt khẹt nhảy nhót lung tung. Khi chúng ngồi yên là hai mắt nhìn trùng trùng phía trước hay bắt chí cho nhau. Am nằm ở phía sau vườn nhà di Năm tôi. Mỗi khi về thăm, chúng tôi sợ không dám ra để chào ba Năm. Tôi sợ cái am, sợ mấy con cạp giấy, sợ con khi thật khôn cột trước công am và sợ luôn ông dựng rề làm thầy pháp.

Ba tôi không tin ba cái vụ đeo bùa hay cúng bái tà ma này. Nhưng có một nguyên nhân do má tôi kể lại mà ông phải chấp nhận. Số là ngày má tôi còn con gái bán buôn ở chợ Phước Thiên. Một ngày bà bán hết hàng, bà để quang gánh không ở đó và đi mua thức ăn về nấu cho cả nhà. Lúc trở lại bà thấy trong thúng có một gói nhỏ. Bà la lên " Ai bỏ trong thúng tui cái gì thì tới lấy để tui còn về." Gọi hoài không ai tới nhận. Mọi người kêu bà mở ra xem trước chợ để coi là cái gì. Bà mở ra thì chỉ có một núm tóc, kim, chỉ, một cái lược nhỏ và một mảnh giấy có viết chữ tàu nguệch ngoạc... Đó là thuật trừ ếm gì đó của thời xưa. Đã mở ra rồi má tôi không làm sao tránh được vận xấu mang vào người. Bà bỏ cái gói nhỏ đó lại bên chợ và về nhà. Khi má tôi lấy

chồng sinh con ra 3 lần đều không nuôi được. Cứ vài tháng tuổi thì các anh chị tôi mất. Má tôi đã đi thầy giải bùa nhiều lần nhưng không kết quả. Đến đứa con thứ tư má tôi đem cho ba Năm tôi làm phép, cho một ông trùm nhà thờ bên công giáo đỡ đầu. Cuối cùng không dám tự nuôi con mà phải cho em ruột nuôi dùm. Anh tôi èo ọt, bệnh tật liên miên tốn rất nhiều tiền thuốc men. Ba Năm tôi cúng bái, cho đeo bùa trấn ếm mới giữ được. Từ sau đó chúng tôi ra đời yên ổn, má bắt chúng tôi phải đeo bùa thầy để trấn áp.

Ba Năm tôi làm thầy nên rất khó nuôi con nhất là con trai. Đứa con trai duy nhất của má Năm tôi sinh ra èo ọt, xấu xí và phải giao cho dì Bảy tôi nuôi gọi là để sang tay ma quỷ không quấy phá. Điều đặc biệt là con của ba Năm tôi không dám gọi ông bằng ba mà gọi là Ông. (Ông ơi ông! Dzô ăn cơm.) Lần đầu nghe gọi tôi cứ ngỡ ra không biết gọi ai, sau nghe riết rồi quen cũng thấy hay hay. Có lẽ vì làm thầy pháp tránh ma quỷ trả thù con cái nên ông không dám cho con kêu bằng ba.

Thật ra, ba Năm tôi rất hiền, ông làm thầy là do nghiệp dĩ để giúp người. Nếu có người cần giúp mà ông từ chối là ông bị hành ghê khiếp lắm. Đau đớn toàn thân, đầu nhức, nói năng lảm nhảm và tự đánh mình bầm dập. Cho nên khi cần là ông phải khăn gói đi đến tận nơi để làm phép giải vây cho con bệnh. Công của ông người ta thường trả bằng gạo, trái cây hay hoa lợi trong vườn nhà. Cuộc sống gia đình nhờ vào hai hàng khô mắm của dì tôi và chị dâu tôi ở chợ Long Thành. Ngày tôi còn nhỏ và học Trung học, má Năm tôi thường để dành trái cây cúng, nhất là cam và bưởi cho tôi. Bà nói với má tôi:

- Con gái, cho nó học chi nhiều để nó ôm nhóm ôm nhách sau này làm sao nó lấy chồng!

Những trái cam trái bưởi để lâu da dính sát vào múi là những món quà tình thân mà bà gói ghém để vỗ béo tôi bằng tất cả tấm lòng. Khi tôi đã vào Sư Phạm, lần nào đón xe lên thành phố tôi cũng ghé vào chợ thăm bà. Bà nhìn tôi âu yếm, tay quẹt cổ tràu móm mém nói:

- Dữ hông! Sắp thành cô giáo rồi hả chó con. Rồi bà mở hộp tiền lấy ra đưa tôi mấy chục:

- Nè! Má cho! Ra bên xe mua ổ bánh mì thịt, lên xe ăn đỡ đói nghen con!

Tôi không nhận thì bà giận, nói tôi chê ít không còn thương bà. Cảm những tờ giấy tiền tấm mùi mắm thum thum tôi thương bà biết bao nhiêu. Má Năm tôi, người mẹ thứ hai đã chấp cánh cho tôi bay lên khung trời yêu thương ngọt ngào tình mẫu tử.

3 - DÌ BẢY

Em gái má tôi thứ Bảy. Mà kỳ lạ tụi tôi không gọi bằng má hay dì mà gọi trông một tiếng "Bảy". Có lần một người bà con bên nội đã rầy la tụi tôi sao gọi dì hỗn hào vậy. Anh tôi trả lời ngon ơ: "Con đâu có biết, hồi nào tới giờ tụi con gọi vậy mà."

Bảy tôi lấy chồng ở xóm Trầu, làm nghề nông nên nghèo lắm. Tôi nhớ mỗi khi Tết ba tôi hay chở anh em tôi bằng xe mô tô về thăm. Mấy đứa em họ tôi chạy núp sau hè nhìn vào với đôi mắt vừa sợ vừa ngưỡng mộ. Do Bảy nghèo nên má tôi lúc nào cũng lo lắng và bảo bọc cho gia đình em mình. Bảy tôi sinh đứa con gái đầu lòng cùng lúc má Năm và má tôi sinh con trai. Cả hai người anh mới sinh đều khó nuôi èo ọt, nên sau vài tháng tuổi hai bà đem con về cho Bảy tôi nuôi luôn. Vừa giúp con mình qua khỏi đói, vừa tạo cho đời sống dì Bảy tôi khấm khá hơn. Bàu sừa của dì Bảy nuôi cả ba đứa trẻ. Đứa con gái của dì trắng trẻo mập mạp. Nhưng để dễ nuôi dì đặt tên Đen, anh con dì Năm tên Thùi, anh cả tôi tên Thích. "Đen Thùi Đen Thích." Cả ba được dì chăm sóc bú mớm, ẵm bồng. Đến khi qua đói khỏe mạnh các anh tôi mới về nhà cha mẹ ruột.

Dì Bảy tôi con đông, chồng mất sớm nên dì nghèo lắm. Món quà hàng năm ngày Tết của Bảy tôi là những món dân dã cây nhà lá vườn nhưng rất ngon. Như bánh ít nhân dừa hay nhân đậu, bánh tỗ, bánh tráng ép chuối khô mà chúng tôi rất thích. Vừa ngọt, vừa béo lại thơm thơm

mùi gừng. Ngày Bảy tôi hấp hối bà nhấn má tôi vào, ai cũng nói bà nắm nuôi má tôi nên chưa đi được. Vợ chồng tôi chở má tôi vào thăm lúc dì rất tinh táo. Tôi cho dì 10.000\$ để uống thuốc, dì mấp máy môi nói cảm ơn. Má tôi cầm tay dì thương yêu, dì thều thào xin má tôi tha lỗi, nợ nần dì thiếu má tôi đến gần chết dì cũng không trả nổi. Má tôi nước mắt chảy xuống ướt cả tay dì.

Má nói:

- Chị cho em luôn đó, em không còn thiếu chị đồng nào hết cứ yên tâm ghen em.”

Chúng tôi chở má tôi về tới nhà cậu Hai tôi thì trong nhà ra báo tin Bảy tôi đã ra đi.

Dì Bảy tôi suốt đời lam lũ góa bụa nuôi đàn con bốn đứa. Nhà nghèo lại không của cải, tấm thân khô héo với bao nhiêu gian khó. Má tôi thương em luôn đùm bọc giúp đỡ. Má không nghĩ cho dì mượn mà là cho em trang trải trong những lúc khó khăn. Không ai biết dì đã thiếu má tôi bao nhiêu tiền nhưng tấm lòng dì ngay thẳng ghi nhớ đến lúc cuối đời. Đó là tất cả sự đôn hậu trung thực của phụ nữ Việt Nam. Ở đền, nghĩa trả.

4 - MÁ TÔI

“Má Sáu” là tiếng gọi thân thương của các con dì tôi dành cho má tôi. Má tôi thời con gái chắc đẹp lắm. Sóng mũi má cao, miệng nhỏ xinh xinh, làn da mượt mà chỉ có đôi mắt hơi lé một chút. Nhìn thật kỹ mới biết mắt má có vấn đề nên tui tui hay chọc má là: “Người đẹp lé kim.” Má lấy chồng xứ ngoài (Bình Định) nên gồng gánh cả bà con cùng xứ bên chồng vào Nam lập nghiệp. Các chị họ bên ngoài tôi cũng theo má để học buôn bán và các anh họ theo ba tôi để học lái xe. Cho nên gia đình tôi đông lắm. Ba tôi chỉ biết đi làm lương ba cọc ba đồng còn thì một mình má tôi xoay sở. Bà điều động mọi người cùng làm việc để thu thêm lợi tức sinh sống, nhất là khi các chú ngoài quê vào Nam khá đông để tìm việc làm. Bà thầu thu mua hạt cao su rồi bán cho đại lý ở Sài Gòn. Bà thu gom tinh nước mắm và chở lên cho hãng chính, mua si nước mắm nguyên chất về bán. Bà lên Sài Gòn bốc hàng về phân phối, bán tạp hóa, nấu rượu và đích thân khai hoang lập vườn... Đôi lúc tôi nghĩ sao má tôi nhiều nghị lực và khả năng đến vậy. Cùng với ba, má đã giúp các chú họ có công ăn việc làm, lập gia thất và ổn định cuộc sống riêng tư tại miền Nam. Cầm trên tay địa chỉ nhà chồng, bà ra tận quê chồng ở tận làng An Nhơn tỉnh Bình Định xa xôi, rước mẹ chồng về trị bệnh và nuôi dưỡng đến cuối đời. Má là tấm gương vợ hiền, dâu thảo mà tôi luôn ngưỡng mộ. Cuộc đời má tôi là chuỗi dài những vất vả gian lao và nhiều bi ai trong đời sống.

Mỗi khi nghĩ về quê ngoại thì hình ảnh má tôi sừng sững ngự trị trong tôi. Má tôi không bao giờ lo chăm chút cho mình mà lúc nào cũng lo lắng cho người trong thân tộc và cả những người không quen. Vải vóc đẹp và đắt tiền em tôi gửi từ bên Mỹ về cho. Biết má tôi tiết kiệm, em tôi dặn tôi phải dẫn má tôi ra tiệm cắt may cho bà. Thấy má vẫn mặc đồ vá, tôi lục tủ và thấy mấy bộ đồ mới không cánh mà bay. Hỏi mãi bà mới nói cho dì nọ, dì kia để mặc đi đám cưới con hay đám tiệc. "Mình cũng còn đồ mặc mà con. Tội nghiệp họ..." Khi bệnh nặng bà dặn nếu bà có qua đời mặc bộ đồ lụa trắng tân liệm, còn lại đồ tốt và mới tặng cho mấy dì nghèo trong xóm, đừng bỏ vô hòm thiêu lãng phí. Bà tốt giống như bà tiên trong chuyện cổ tích hay Phật Quan Âm trong niềm tin tôn giáo trong tôi.

Tôi nhớ hoài hình ảnh má tôi khi phá rừng khai hoang lập rẫy. Dáng nhỏ nhắn của bà len lỏi chọt từng gốc tre gai bằng cái rựa có máu. Bà gom tre gai lại từng đống chờ khô. Bà chất bồi làm mồi tùy theo hướng gió. Bà dùng cái bùi nhùi bằng mũ cao su đi dài theo từng đống chà tre châm lửa. Gió đưa lửa bùng lên liếm cao từng đống tre gai. Má tôi sau khi châm hết một lượt, bà đứng trên đầu gió, lột khăn đội đầu lau mồ hôi, rồi lấy nón lá quạt phe phẩy miệng không ngớt hô Gió... Gió... Tiếng tre gai tươi nổ nghe lách tách, thỉnh thoảng lại nổ một tiếng to như tiếng pháo. Má tôi mặt đỏ bừng, những giọt mồ hôi thi nhau tuôn theo từng vệt tóc mai. Cái áo đen

loang lỗ trắng từng đóm mồ hôi muối. Má kêu tôi vào căn chòi nhỏ, lấy com đã được bà ém bằng mo cau cắt ra cho tôi chấm với muối mè làm bữa ăn trưa.

Trong trái tim tôi, má tôi là biểu hiệu cho mảnh đất Biên Hòa hiền lành và anh dũng. Khi tôi gia nhập Hướng Đạo, đứng chào lá cờ của đạo Trấn Biên ngoài nhiệm vụ và lời hứa của một hướng đạo sinh, tôi nghĩ đến má tôi: “Nụ cười và nghị lực”. Mẹ Việt Nam trong tôi không chỉ là quê hương mà còn là bà mẹ già nhà quê can cường và hiền dịu. Bàn tay má tôi không mềm mại, thon thả, xinh đẹp như mẹ người ta mà sần sùi, đen đúa. Tôi thương quá đôi bàn tay lam lũ đưa tôi vào đời. Thương những câu nói mộc mạc chân chất miền nam của má. Thương những kỷ niệm tuổi thơ mỗi khi phạm lỗi, má tôi đã bắt năm anh em tôi nằm dài, roi gát lên mông cho bà trị tội. Bà kể tội từng đũa, vừa kể vừa nhip roi. Roi mỗi đũa con má sấm tùy theo tuổi và phải tự cất lấy. Đến khi có lỗi phải tự đem ra và nằm dài cho má đánh. Đánh con đau lòng mẹ nên má đánh không nhiều cũng không đau nhưng những lời dạy của má chúng tôi vẫn nhớ đời.

Phải nói khi tôi biết nhận thức thì má tôi đã là một bà già trầu. Bà nhà quê đến độ rất dễ thương. Ít khi nào gặp má tôi ở những nơi đình đám ăn uống hội họp. Bà chỉ biết làm và chăm chút con cái. Niềm giải trí lớn nhất của bà là nghe tôi đọc truyện. Mỗi tối khi bà xong chuyện nhà, tôi cũng xong bài tập, má tôi và mấy bà dì, cô chòng tụ tập nghe tôi đọc sách. Kể nằm võng, người ăn trầu, còn tôi ngồi trước bàn có cây đèn dầu hôi đọc lớn tiếng cho mọi người nghe. Truyện Tiết Nhơn Quý Chinh Đông, Tiết Đinh San Chinh Tây, Phàn Lê Huê phá trận, Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa. Truyện Phạm Công Cúc Hoa, Tấm Cám, Lục Vân Tiên... Những câu thơ lục bát có vần có điệu đã cùng tôi lớn lên theo tôi vào trường, vào lớp.

Tôi luôn nhìn má tôi để sống cho vui lòng bà. Điều làm cho má tôi lo lắng nhất là tôi theo chồng xa xứ khiến bà ăn ngủ không yên. Ngày biến cố 75, tôi đang ở quê chồng miền Trung Quảng trị. Trong cái làng quê mộc mạc thủ cựu đó, tôi lạc lõng bơ vơ. Tôi bị mất quyền dạy học phải làm một người nông dân xã hội chủ nghĩa thứ thiệt. Tôi bị đưa vào hợp tác xã nông nghiệp theo kiểu miền Bắc. Khi tôi bị nhận chăn con trâu Bầu đầy rận, tôi đã biết mình đã bị cải tạo và bước xuống nấc thang thê thảm nhất của cuộc đời. Con trâu đưa hai mắt ngậy ngô nhìn tôi cũng giống như tôi đưa đôi mắt ngơ ngác nhìn những cái ketch côm, nhỏ nhen của những con người tự nhận anh hùng. Ngày cả xã bầu hội đồng nhân dân, tôi bị bắt buộc phải đem con trâu của mình đến chăn tại sân trụ sở. Tôi yên lặng tự nhiên bắt từng con rận to kình bám chặt vào thân trâu quăng đi. Tôi đã nhìn những tên Cán Bộ Xã nhỏ nhen như nhìn con trâu Bầu ghẻ lở đầy rận. Tôi bước xuống ruộng đồng đầy đĩa trâu và lạnh giá, tôi cũng chỉ nghĩ đến má tôi và những bụi tre gai ngày nào. Có những buổi đi cấy đêm về mệt mỏi, tôi té ngã nhào trên bờ ruộng hẹp, tôi đã cắn chặt môi không cho nước mắt trào ra. Tôi phải chịu đựng dù gian khổ, dù bị chèn ép đến tận cùng. Tôi không để người dân ở đây nhìn tôi như nhìn một cô gái Sài Gòn chỉ biết se sua đong đánh, một bà vợ sĩ quan kênh kiệu, rởm đời. Tôi thân yếu thế cô, tôi chỉ chống lại những điều mà lý mà họ từng đưa ra tuyên truyền hay diễn trên sân khấu bằng cách của riêng tôi: chịu đựng và bình thân chấp nhận.

Cuối cùng, tôi được bầu làm phụ nữ xuất sắc nhất xã. Ủy ban bằng lòng ký giấy cho tôi về thăm nhà với điều kiện khi trở lại tôi phải làm thư ký cho hợp tác xã. Ngày đầu tiên tôi về được miền Nam thăm nhà, ba má tôi đứng nhìn tôi khóc ngất. Tôi đen thùi lùì, ốm nhom lại nói nặng giọng miền Trung. Tôi ôm lấy má tôi, hít thật sâu vào lồng ngực mùi mồ hôi quen thuộc thân thương. Mùi của má tôi, mùi thật lạ thật nồng nàn mà tới bây giờ tôi khi viết những dòng chữ này tôi cũng còn nghe như thoảng đâu đây. Tôi ở lại sống với ba má tôi chờ chồng đi cải tạo về. Tôi lại được má chở che, săn sóc thương yêu.

Má tôi mất trước ngày tôi xuất ngoại một năm. Bà ra đi yên lành, mặt tươi như đang ngủ. Tôi đã tắm rửa thay đồ cho bà trước khi tẩm liệm. Tôi thầm thì bên tai má tôi: “Má ơi! Má đã trả

xong nợ một kiếp người. Má hãy yên tâm về với Phật. Con thương má lắm.” Thật lạ, tôi không hề khóc khi má tôi đã ra đi. Khi quan tài đưa vào lò thiêu tôi chấp tay và cầu nguyện cho bà. Trong tôi, má tôi hiền lành và giúp người như vậy thì Phật Trời sẽ độ má tôi kiếp sau có đời sống tốt đẹp hơn.

Tôi yêu má tôi, yêu quê ngoại, yêu cái tình ly dễ thương của má, của tôi và đàn con tôi. Tôi tự hào đã sinh ra và lớn lên ở đó. Quê hương tôi trứ phú, trái ngọt cây lành. Mặc dù sau biển cố đổi đời tôi như trái bưởi Biên hoà thả xuống sông Đồng Nai trôi nổi theo vận nước. Bao nhiêu gian lao, vất vả bị đày đọa thảm thương tôi cũng chịu đựng và ngẩng cao đầu để chiến thắng nghịch cảnh. Tôi luôn hãnh diện - Tôi là người Biên Hòa.

Nguyễn Thị Thềm

30 Tháng 4 Năm 1975 Chị Ở Đâu?

Chị về nhà sau một ngày lang thang ngoài đồng. Con trâu đã vào chuồng ngủ yên. Chị lặn lội ra bờ ruộng cắt một gánh cỏ về sân hợp tác xã trình diện rồi đem vào chuồng trâu. Chị cũng không cần biết hôm nay mình được bao nhiêu điểm lao động. Cuộc đời chị như cái máy chạy theo những mắc xích vòng quay. Sáng trưa chiều tối, chị làm, chị sống, chị sinh hoạt như một cái xác không hồn. Chị đã mất tất cả niềm vui và nụ cười từ khi chị đặt chân lên mảnh đất này.

Chị bước vào nhà, buổi chiều đã buông. Ngoài sân mấy vòng ớt, nén cà chờ chị cho tí nước uống. Nó cũng khao khát như chị. Nó muốn được sống, được hít thở khí trời, được ươm hoa kết nụ. Đứa con gái lớn bông em lao ra mừng mẹ. Nhìn con, chị chỉ muốn khóc, muốn ôm nó vào lòng chờ che, an ủi. Con ai đem bỏ nơi này. Tội thân con tôi. Đứa con gái có đôi mắt xanh thật đẹp, làn da trắng với những cọng lông tơ phơn phớt. Mái tóc vàng rối tung theo gió chiều. Bộ quần áo vải đã sờn vai, bạc màu. Quần ngắn ngắn để lộ ra cặp đùi trắng trái ngược với màu vải đã xám xịt xấu xí. Chị nhìn hai đứa con lòng như dao cắt.

Đưa tay ra đón đứa con gái nhỏ, chị bảo con chị:

- Đem giở com vào nhà đi con. Mẹ con đâu?
- Mẹ đi qua nhà mụ Chắt. Nghe nói ngày ni bên nó có ky.
- Ồ! Con đã ăn com chưa?
- Con đợi mẹ về ăn luôn.

Chị vào nhà, ôm con bé em trong tay, xiết chặt con vào lòng, những đốt xương sườn cắn vào tay chị. Hai đứa bé vừa qua cơn bệnh nên đứa nào cũng gầy nhom, xanh mướt... Chị nhớ từ ngày chị về nơi này, vì khí hậu không quen nên mấy đứa con cứ khó chịu, nay đau mai yếu. Chồng chị đã theo lệnh triệu tập, com đùm gạo bới đi theo lệnh ủy ban chưa nghe tin tức gì. Con bé lớn cả tuần cứ ho. Mỗi lần cơn ho kéo tới cháu lại ói. Những thức ăn, nước dãi tuôn ra theo từng cơn ho. Nó rũ người xuống oằn oại thở không ra hơi. Nó đã trắng lại bị bệnh nên làn da trắng trở nên bạc phếch. Hai con mắt xanh lờm vào như cái hồ bom. Nó cố gắng ngóc đầu nhìn chị, đôi mắt mệt mỏi, hơi thở khó khăn. Chị ôm đầu con vào lòng ứa nước mắt. Thuốc men đâu còn để lo cho nó. Làm gì có bác sĩ hay tiệm thuốc tây để mua. Con bé lớn đã vậy, con bé nhỏ lại nổi ban. Người sốt từng hồi, mặt mày đỏ bừng, hết sốt lại lạnh. Hai đứa con nằm rên hừ hừ trong sự bất lực của người mẹ. Má chồng chị dù bệnh cũng không thể nằm yên. Bảo chị phải xoa dầu cho con rồi nấu nước gạo rang cho cháu uống.

Buổi sáng chị công con lớn đi trạm xá. Con bé đã lớn lại cao, chị công con, chân nó lòng thòng gàn chạm đất. Con đường từ nhà đi lên trạm xá phải qua mấy xóm, bọc theo con đường dẫn ra ruộng tốt mãi ở xóm Yên. Tới nơi thả con xuống cái ghề gỗ trước trạm xá là chị ngồi vật xuống thờ đốc, dường như tất cả sức lực của chị đã cạn. Con bé rũ người ra như muốn té. Chị lại bật dậy đỡ con.

Cô y tá mặc cái quần chèn, áo trắng cổ bầu như dân công đi tải đạn. Cô ta bước tới rờ rờ đưa bé. Chẳng biết cô có kinh qua trường lớp gì hay không, chỉ biết cô là đồng chí hộ lý, là cán bộ y tế ngoài Bắc vào công tác. Phụ tá cô ta là con gái của lão chủ tịch xã, nghe nói đã tốt nghiệp lớp 2 trường làng ở đây. Loay hoay một hồi, cô ta ghi vào sổ tên họ chị và con bé. Mở lọ thuốc vụn năng, cấp cho chị vài viên Xuyên Tâm Liên bảo về canh chừng cho con bé uống. Thế là xong. Chị biết mấy viên thuốc đó chẳng tác dụng gì, nhưng vẫn nhận về. Vì chị cần giấy chứng nhận là con chị bệnh thật, để chị được tạm nghỉ lao động một ngày, không bị đem ra kiểm điểm và ghi vào sổ đen. Chị lại công con bé lớn về qua con đường hồi nãy đã đi. Chị lấy cái khăn trùm lên đầu con cho khỏi nắng và che luôn cho mình vì không thể đội nón lá.

Buổi chiều trước giờ trạm xá đóng cửa, chị lại bông con em đi khám và cũng nhận vài viên Xuyên Tâm Liên như con bé chị. Lần này có thêm lời dặn dò:

- O nhớ tán ra cho hén uống.

Đi đi về về, hai chân chị muốn rã rời, hai tay tê dại, lưng mỏi, người ê ẩm mà hai con bé vẫn trơ ra, bệnh càng ngày càng nặng. Chị nuốt nước mắt, nổi uất nghẹn dâng lên làm chị không thở được. Tức ran cả ngực, cái đầu muốn vỡ tung. Mẹ chồng chị cũng đau thương không kém. Bao nhiêu chịu đựng, dồn nén khiến bà suy nhược, đau nhức toàn thân. Bà gục xuống nằm li bì. Một mình chị chăm ba con bệnh trong hoàn cảnh lạ người lạ quê. Con gà mái mới gầy, nhảy ổ được vài ba trứng, chị lấy nấu cháo cho mẹ chồng, cho con. Chị muốn thịt luôn con gà để hầm cháo mà mẹ chồng không cho:

- Thôi con! Để nó còn đẻ lấy trứng tằm bỏ cho cháu.

Một buổi tối. Chị ra giữa trời, nhìn lên bầu trời tối thui chị muốn hét to hết hơi sức của mình nhưng kịp thời dừng lại. Chị lấy tay quẹt nước mắt và nói với tất cả dồn nén trong lòng:

- Ông Trời! Tui bây giờ không còn gì hết. Hai đứa con tui, Ông muốn bắt đứa nào thì bắt một đứa. Đứa kia cho nó lành bệnh. Con ruột, con nuôi tui không phân biệt. Tui quá sức chịu đựng rồi. Tui không đấu với Ông nữa, xin Ông tha cho tui.

Chị cũng không biết sao chị lại nói những lời không đầu không đuôi, bất tôn, bất kính như vậy. Chị là Phật tử, lúc nào cũng niệm Phật mà giờ chị lại ra sân nói chuyện với ông Trời. Buổi sáng, trời còn tờ mờ. Chị dậy sớm ra vườn hái đợt chè tươi nấu nước cho mẹ chồng. Hột nửa lon gạo bắt cháo cho con. Ngồi khơi lửa rơm cho nồi cháo, ghé âm nước chè bên cạnh chị nghĩ mông lung. Phải làm gì đây? Liều thôi. Sống chết có phần số. Không lẽ cứ bó tay đứng nhìn.

Chị ra vườn, hái tất cả những loại lá, loại rau mà chị biết. Đào ít củ gừng, giứt ít dây tơ hồng, cỏ vườn châu, rễ tranh, lá chanh, lá ổi. Chị hái không kể số là loại gì và bao nhiêu. Chị đem tất cả xuống sông rửa sạch. chặt nhỏ, phơi hơi héo héo, rang thủy thổ rồi nấu nước cho mọi người uống. Hai đứa bé luôn cả mẹ chồng. Chị đã tới nước liều, chị cóc sợ điều gì xảy ra.

Thế rồi, như một phép lạ, con ho con bé lớn vơi dần và vài ngày hết hẳn. Con bé nhỏ dịu sột và ban trắng từ từ lặn, để lại những mảng da đen đen. Mẹ chồng chị đã có thể dậy và ra chợ bán để kiếm cơm nuôi cả nhà. Sau cơn mưa trời lại sáng, các con chị đã có thể chăm sóc lẫn nhau, chị lại tiếp tục ra đồng hợp tác xã làm việc như bây giờ. Có lẽ ông Trời đã nghe chị kêu, đã đồng cảm với chị, cho chị một con đường để tiếp tục cuộc hành trình cam khổ...

Chị vào nhà lấy cơm cho con ăn. Lựa khoai chị gắp ra một cái đĩa để mình ăn, còn cơm trắng đem vào chén cho con. Mấy con cá sông kho với ớt đỏ lôm bết mắt. Ở đây, người ta ăn ớt như không

hề biết cay và con bé lớn chị không biết từ lúc nào nó có thể ăn ngon lành. Còn chị thì chỉ ăn cá, gọt ớt không ăn mà còn bị cay phỏng cháy cả lưỡi. Chị múc nước tô canh rau tập tàng chan vào chén và đút cho bé em. Tội nghiệp mẹ chồng chị đã nấu sẵn trước khi đi có việc. Ăn xong, chị bảo con bé chị chơi với em để mẹ gánh nước tưới ớt kéo tối.

Chị gánh đôi thùng ra bờ sông. Hôm nay sao bên vắng lạ lùng, không có ai xuống tắm hay giặt giũ. Chị để đôi thùng trên mấy tảng đá rồi thọc chân xuống nước, nhìn ra mông lung. Sông Ô Lâu nước trong vắt, bên kia sông thấp thoáng nhà cửa và bóng người qua lại. Những con cá lội lững lờ dưới chân chị. Thỉnh thoảng lại đụng vào chân chị nhồn nhột. Có vài con tép nhỏ bơi qua về bình an, vô tư. Chị không biết mình nên buồn hay vui, nên khóc hay cười.

Hôm nay, trong sân họp tác xã chị đã nghe tin Sài Gòn thất thủ. Mọi người vui mừng hò reo. Mấy tên cán bộ hét lớn:

- Quân ta toàn thắng, tăng ta ủi sập dinh Độc Lập rồi. Tướng Minh đã đầu hàng. Quân ta toàn thắng.

Chị bước ra khỏi sân tập đoàn, tránh xa tiếng hò reo ồn ào. Nước mắt không chảy mà tim đập rất nhanh. Quân ta toàn thắng? Quân nào là quân ta? Quân nào là quân địch. Trong cái mớ hỗn độn đó chị nghe như có tiếng kêu gào, tiếng khóc dậy trời và những tiếng nổ kinh hồn của đạn pháo. Chị không biết cha mẹ mình ra sao? Anh em người nào còn, người nào mất. Còn thằng em út đi Hải quân có kịp về nhà, đã chết hay đã di tản theo tàu.

Con mắt chị mờ theo ánh nắng chói chang. Sài Gòn thất thủ là chị còn cơ may tìm về cha mẹ. Tất cả đều đã xong hết, đã tận cùng. Đất nước và con người đã cạn kiệt sức lực vì hai chữ hòa bình và tự do. Máu đã đổ nhiều rồi, nước mắt đã chảy thành sông. Khăn tang cô phụ, thi hài tử sĩ, tiếng khóc mẹ già, nước mắt con thơ đã vang lên từ bao nhiêu năm. Thôi thì hòa bình cũng tốt.

Chị nghĩ như vậy và nghĩ đến con tàu Bắc Nam đem chị về nhà cha mẹ. Về mảnh vườn thân yêu quen thuộc. Chị lại được hít thở không khí tự do và đầm ấm gia đình.

Rồi chị lại lạnh cả xương sống khi nghĩ đến thực tế. Tự do ư? Rồi miền Nam cũng sẽ là Cộng Sản, cũng Độc Lập, Tự Do, Hạnh Phúc. Cũng làm ăn tập thể, cũng hội họp thâm đêm, cũng chế độ tem phiếu, cũng bình bầu, cũng góp gạo nuôi quân, cũng nắm gạo bỏ hũ cho hội Phụ Nữ, cũng nắm gạo tích lũy cho đoàn Thanh Niên...

Cũng băng rôn, cờ xí trên mọi ngã đường, cũng công văn hóa mỗi đầu xóm nhỏ...

Một miền Nam trù phú, rộng rãi, tự do phải đi vào hợp tác xã, phải quy nạp tài sản đất đai vào tập thể, phải lao động, chăm công, bình điểm. Chị không thể tưởng tượng được xã hội miền Nam sẽ đổi phó như thế nào.

Bây giờ ngồi một mình yên lặng, chị thấy mình thật mâu thuẫn. Vui hay buồn khi Sài Gòn thất thủ, cha mẹ chị phải làm sao khi cả đàn con đều mang súng Quốc Gia. Còn chồng chị bao giờ mới về. Nơi này con sông Ô Lâu vẫn lặng lẽ trôi và buồn ngơ ngác. Ở quê nhà con sông Đồng Nai của chị có nổi sóng ba đào hay im lìm chịu đựng. Con đường về Nam hy vọng mới lóe lên đã tắt ngúm khi người kiểm soát người. Khi chế độ hộ khẩu và hệ thống kiểm tra lý lịch chặt chẽ gò bó người dân. Chị làm sao có đủ chữ ký và cái mộc đỏ chói từ ông Đội trưởng Hợp tác xã, hội Phụ Nữ đến Ủy Ban Nhân Dân xã, theo hệ thống các ban, ngành kéo dài tới tỉnh để được phép về nhà thăm viếng Mẹ Cha.

Nước mắt chị ứa ra, chị như con chim bị nhốt trong lồng không cách chi vùng vẫy.

- Mẹ ơi! Răng mà lâu rứa mẹ!

Có tiếng con bé lớn gọi chị. Có lẽ chờ lâu không thấy chị về, con bé chạy đi tìm vì sợ chị gánh nước lên dốc bị té hay lấy nước bị hụt chân. Chị trả lời cho con yên tâm rồi quảy đôi thùng xuống sông lấy nước.

Tháng Tư, ngày 30 sẽ là điểm mốc của lịch sử Việt Nam. Chị đã chứng kiến Đà Nẵng hỗn loạn, tan tác trong ngày bỏ ngõ. Chị biết Sài Gòn sẽ còn ghê gớm tang thương hơn. Ôi thành phố hoa màu, Hòn Ngọc Viễn Đông sẽ chìm trong biển lửa. Chạy trốn nơi đâu, thoát thân cách nào. Toàn bộ VN đã nhuộm màu cờ đỏ. Thế là đã hết, đã chấm dứt thể chế Quốc Gia. Nơi đây không một tin tức từ bên ngoài. Chỉ nghe vang vang tiếng loa phóng thanh từ Ủy Ban xã và tiếng nhạc rền vang cao thấp âm hưởng lạ kỳ. Bầu trời thì cao rộng mà con người nhỏ bé lạc loài vô vọng.

Mấy chục năm đã trôi qua. Ngày 30 tháng tư năm đó anh ở đâu? Chị ở nơi nào? Tôi trả lời cho câu hỏi mà mọi người hỏi thăm nhau mỗi dịp Tháng Tư Đen. Ngày đó tôi ngồi bên bờ sông Ô Lâu khóc cho vận nước, khóc cho chồng, cho mình, cho con.

30 tháng Tư năm nay tôi đang ở California nước Mỹ. Hai đứa con gái ngày xưa bây giờ là những phụ nữ trung niên, con cái đầy đủ. Chồng tôi đi tù hơn 8 năm đã được thả về với thân thể và tâm hồn rách nát. Anh đã hoàn toàn mất hết súng đạn với nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Hiện tại anh đã từ giã cuộc đời, ra đi yên nghỉ. Còn tôi, người vợ lính ngày xưa chờ chồng tù tội trở về, bây giờ đã trở thành một bà già yên phận ở tuổi thất thập có dư. Tôi cũng đã hoàn thành nhiệm vụ đối với gia tộc là sinh cho anh thêm hai thằng nhóc con. Bây giờ hai thằng nhóc đó đều là hai người lính trong quân đội Hoa Kỳ. Một thằng Không Quân, một thằng dưới biển.

Vâng! Tôi đã kể câu chuyện của tôi trong ngày 30 tháng 4 năm 1975. Còn anh, còn chị, còn các bạn. Ngày 30 tháng 4 bạn ở đâu?

Nguyễn Thị Thêm

SÀI GÒN KHÁC VỚI THÀNH HỒ

Sài Gòn áo trắng trung trinh*

À... oi! Một thuở yên bình năm xưa

I... a... nón lá hai mùa

Giữ gìn nét đẹp chẳng thua nước nào.

Oằn xinh phượng đỏ, hái trao

Nữ sinh duyên dáng ngọt ngào làm sao!

*

Thành Hồ: áo hở trước sau,

Hư khoe rách rưới mời chào dục dâm

À! Ai đòi trụ, ngoại xâm?

Nhà tan, quốc phá, nầy mâm Hán nô,

Hài bi bán cả cơ đồ

Hồ sinh cháu chất lỏa lò tênh hênh?

*

Sài Gòn yêu kính: văn minh.

Có đâu tà, nguy đáng khinh: thành Hồ!

Ý Nga, 8.4.2021

CA “SĨ” THỨ THIỆT

Họ đi hát vác bó tiền, “Chống... Cộng!”

Vài năm sau lại lọng cộng chống... ta

Âm độc tà đánh phá người quốc Gia

Mê “khé ngọt” khen bên kia lắm mía.

Mía, “khé ngọt” ăn hoài ê răng quá

Lại chạy ra giã giũa “rock and roll”

“Chạy” lắm rồi chân cũng muốn rụng rời

Ngồi một chỗ chê: “Cộng Đồng quá dở!”

Ý Nga, 15.4.2021

*SĨ: cố ý viết với dấu hỏi của SĨ NHỤC

NỖ LÒNG CỦA MỤ CHẾT

Mụ Chết tắt tả đi về phía Ủy Ban Xã. Hôm nay là ngày mụ được vinh dự mời lên để nhận quà. Món quà mà chỉ có gia đình liệt sĩ mới nhận được.

Mấy tháng trước làng bị lụt nặng. Những cơn mưa dầm liên tiếp cả tuần, gió rít từng cơn khiến trời lạnh cóng hơn nhiều hơn năm trước. Nước từ con sông dâng lên mỗi lúc một cao. Nhà mù chông ghề, chông bàn lên giường để tránh lụt. Cuối cùng mù được đưa lên ngòi lên khu đi nhà, lụt mới từ từ rút lui. Nước rút, căn nhà như ruộng mới bừa xong, dơ nhớp không chịu được. Mọi thứ đều hư hại. Ló không có bao nhiêu lại bị ngâm nước lên mọng hết phân nửa. Sắn trong nương bới không kịp cũng bị hư hết một mớ. Nhà đã nghèo lại bị tai trời, rau ngoài nương thúì cả, gạo ẩm độn với sắn đã chạy chỉ vàng khè, cơm ăn vào nó cứ say say thế nào.

Ủy Ban đã họp và gửi văn bản xin cấp trên cứu trợ, nhưng chờ hoài cũng chưa thấy tỉnh ủy ra thông báo hay gửi thông tư về. Nhà mù cứ ăn độn cầm chừng, đã mượn nhà mù Cẩm một ang lúa hẹn mùa tới để trả. Trận lụt vừa rồi nhà mù bị hư hại khá nhiều, nhưng tiền không có để mua gạo ăn thì lấy gì sửa nhà. Cũng may là bát hương tổ tiên và hình Bác Hồ, mù Chét đặt vào một cái mủng và ôm theo tránh lụt nên không sao.

Theo hội Phụ Nữ thông báo đây là phần quà từ Ủy Ban Quốc Tế gửi đến cứu trợ cho người dân VN bị nạn nên quý lắm. Hôm kia mù Sơn chủ tịch hội phụ nữ xã đã mặc để đi họp. Ui chao cái áo mới đẹp và dày. Cháu mù Sơn còn được mấy bộ đồ ấm thật sang. Đồ quốc tế có khác, nhìn thấy mù há hê lòng. Sau ngày giải phóng, đất nước hòa bình độc lập, thế giới phải ngưỡng phục tinh thần đánh Mỹ diệt ngụy đây tự hào của dân tộc. Mù không biết quốc tế là ai chắc là của đất nước anh em Liên Xô anh hùng vĩ đại mới có quà cứu trợ sang trọng như vậy.

Con đường từ xóm của mù lên Ủy Ban cũng khá xa phải đi dọc theo bờ sông xóm Càng đi qua xóm Quỳnh, xóm Yên, bọc một quãng rừng tranh rồi mới tới. Qua khỏi xóm Càng quẹo vào con đường ngợp bóng tre mát rượi. Mù dừng lại lấy nón quạt lia lia cho mát. Những bụi tre này trồng đã lâu lắm rồi nên gốc chúng mọc ra liền khít với nhau. Lâu dần tre con mọc càng nhiều, con đường nhỏ lại, ở trên lá đan lại với nhau như một vòng cung. Ban đêm đi dưới con đường tối âm u này, tre cọ vào nhau theo gió rít tạo thành tiếng kêu rất ma quái rừng rợn. Hồi thời kỳ Tây càn nhiều bà con dân làng cũng bị bắn chết tại đây khi Tây đổ bộ từ con sông lên. Con đường về đêm giống như đường đi vào âm phủ thăm thẳm và tối tăm. Buổi tối ít ai dám đi nhất là những cô gái trẻ.

Mù Chét đến Ủy Ban gặp ngay thằng Hạ du kích xã. Nó nhìn dáng tất tả của mù hỏi một câu vô duyên:

- Mù đi mô rứa?

Mù nhìn nó trừng mắt:

- Mi hỏi chi lạ. Tau lên Ủy Ban xã

- Mù tìm ai?

- Tau đi nhận quà Liệt sĩ của Hội Phụ Nữ.

- Rứa thì mù vào đi. Mù Sơn đang ở trong nó.

Mù Chét hăm hở đi vào. Mặt mù tươi hẳn lại. Bao nhiêu nhọc mệt tự dung biến mất. Mù nghĩ đến món quà mù nhận, đó là biểu hiện địa vị mù trong làng này. Chồng mù, con mù là liệt sĩ hai đời vì cách mạng. Chồng mù đi tập kết ra Bắc và mất tích. Con trai mù theo Cách Mạng cũng đã hy sinh. Hai đời vì Bác, vì độc lập tự do. Mù hãnh diện là bà mẹ liệt sĩ. Hôm nay Mẹ liệt sĩ lên Ủy Ban nhận quà từ anh em Liên Xô vĩ đại. Mù nghĩ thậm nếu có cái áo nào vừa với em trai, mù sẽ lấy cho nó một cái để nó biết Đảng luôn luôn quan tâm đến dân. Từ ngày chồng bỏ đi theo cách mạng, mù về ở với em trai trong căn nhà của cha mẹ. Rồi chồng mất tích, con mù lớn lên đi theo Cách Mạng cũng hy sinh. Em mù là chỗ dựa duy nhất của đời mù. Sau giải phóng, mù được tuyên dương, nhận bằng liệt sĩ và mỗi tháng nhận được tiêu chuẩn lương thực. Gạo trợ cấp ít ỏi không đủ nuôi thân mà mù lại ghiền ăn trà, hút thuốc. Em mù đã bảo bọc giúp đỡ người chị già tội nghiệp góa

chồng. Mụ tự an ủi đất nước mới giải phóng, phải thắt lưng buộc bụng theo lời bác và đảng. Đói khổ mấy cũng phải vượt qua lấy sức người sỏi đá cũng thành cơm.

Theo chính sách, ruộng nhà mụ do cha mẹ để lại phải xung vào hợp tác xã như mọi người. Em mụ bị thương trong một lần theo đội lên độn chặt cây về làm chuồng trâu hợp tác. Từ đó nó không thể lao động được nữa. Nhà chỉ có một cô cháu gái phải nghỉ học gia nhập hợp tác thành một xã viên để có tiêu chuẩn tem phiếu. Cháu là một đoàn viên trung kiên trong chi đoàn, nay mai sẽ được kết nạp đảng. Nhưng dù có cố gắng thể hiện thành tích chẳng nữa, nhà chỉ có một chân lao động điếm sản xuất không là bao. Cuối vụ, lúa gặt về sau khi trừ thuế, phân bón, cộng đủ thứ linh tinh mới được phân chia cho xã viên theo công điếm. Vì vậy nhà mụ Chết đói kém quanh năm, ăn độn khoai sắn trường kỳ. Mụ mấy lần bỏ thuốc, bỏ trâu nhưng không được. Con thèm thuốc đày mụ vật vã, nước mắt, nước mũi chảy không ngừng. Trời đất lạnh lẽo, những thứ đó mới giúp thân già mụ ấm lại đôi chút.

Trong một góc của ủy ban, Mụ gặp mụ Sơn đang ngồi ở bàn, mụ đơn đã chào hỏi:

- Mụ khỏe hi?

Mụ Sơn nhìn Mụ tươi cười:

- Mụ Chết à. Mụ cũng khỏe hi? Quà của mụ bày choa đã gói để sẵn.

Nói rồi mụ Sơn bước tới cầm cái bọc nhỏ bằng giấy báo đã úa vàng đưa cho mụ Chết. Mụ Chết hân hoan nhận lấy. Mụ đứng yên, cúi đầu suy nghĩ trong vài giây xong mạnh dạn nói với bà Chủ tịch hội Phụ Nữ:

- Mụ nì! Mụ thêm cho tui một cái áo đàn ông nữa được không. Cho thềng Hi tui ấy mà. Tui nghiệp hén áo rách hết. Mùa lạnh...

Mụ chưa nói dứt câu, mụ Sơn đã chặn ngang:

- Mụ nói chi lạ rứa. Đây là quà liệt sĩ, hén đâu có công trạng chi mô na.

- Nhưng hén là em tui, là cựu liệt sĩ, hén đã từng tiếp tế nuôi quân...

- Mụ nói tức cười? Rứa ai từng tiếp tế nuôi quân đều có quà? Như ri cả làng này đều có quà. Răng mà lạ rứa mụ. Tiêu chuẩn nhận quà đã được hội Phụ Nữ bình xét và phân chia. Thui mụ cầm phần của mụ về đi. Đừng xin xỏ chi cho dọt. Không còn mô. Hết rồi.

Mụ Chết mặt thộn ra, vừa tức vừa ốt dọt. Mụ Sơn lấy cái nón cầm tay rồi nói với mụ Chết:

- Hôm ni tui đi kiểm tra gạo bỏ hũ nuôi quân mấy hộ dưới làng Cồn. Mụ là mẹ liệt sĩ phải đóng góp và phát động bà con tích cực tham gia. Ngày mai tui tới xóm mụ. Mụ phải phụ tui khuyến khích, vận động cho phong trào sôi nổi. Thui! Tui đi hi. Mụ ở lượi về sau.

Mụ Sơn te te đi ra công Ủy Ban. Mụ Chết tay vẫn còn ôm bọc giấy không nói được một câu. Mụ thấy tủi thân. Mẹ liệt sĩ, mụ biết mụ phải làm gương. Nhưng nhà mỗi ngày ăn có một bữa chính có tí gạo. Vậy mà cũng phải bóc một bùm bỏ vào hũ gạo nuôi quân. Trong nồi cơm đa phần là sắn hay củ lang phơi khô. Đất nước còn khó khăn, mọi người phải hy sinh. Mụ chẳng phải đã hy sinh chồng và đứa con trai duy nhất của Mụ. Mặc dù già cả sức yếu, mụ và em trai cũng ráng trồng khoai trồng sắn trong nương rồi phơi khô để ăn độn. Một đĩa rau lang luộc, một chén nước ruốc kho loãng là bữa ăn hàng ngày. Cũng may mụ còn có gia đình em trai, còn có một mái nhà. Mụ thở dài: "Đuổi xong Mỹ nguy sao mình lại nghèo, lại khó, lại ốt dọt hơn xưa."

- Mụ về chưa? Tui đóng cửa Ủy Ban sớm. Hôm nay ở nhà đồng chí chủ tịch có liên hoan.

Mụ nhìn thẳng Hạ du kích xã rồi trả lời:

- Rứa tau về. Mi có đi dự khôn?

- Răng tui được mời mà mụ hỏi. Các đồng chí trong chi bộ đảng họp riêng thôi. Nghe nói mua con heo của mẹ Hà liên hoan đấy.

Mụ Chết bước ra khỏi sân Ủy ban, mụ cũng chưa buồn mở xem món quà như thế nào. Sự hăng hái nhiệt tình lúc đi xẹp xuống nhanh chóng. Cái vẻ bánh chọe của mụ Sơn làm mụ tủi thân. Giá chồng

mụ, con mụ đừng hy sinh thì giờ này mụ cũng được có một cái chân trong Hội Phụ Nữ như mụ Sơn bây giờ. Chồng mụ Sơn hiện nay là Bí thư xã nên vợ chồng mụ ta được cấp luôn phần đất của gia đình mụ Thi, có con sĩ quan ngụy đã đi cải tạo. Mụ Sơn mới làm lại nhà hoành tráng, tráng cái sân phơi lúa to và rộng. Còn mụ, mụ có gì đâu, tiêu chuẩn lúc nào cũng đi sau người khác. Sự hơn thua rõ rệt bởi vì mụ cô thế không có ai chống lưng. Mụ muốn làm một điều gì đó để phản kháng mà mụ không dám. Mụ sợ bị đem ra kiểm điểm. Sợ bị đánh giá không giữ vững lập trường cách mạng. Sợ bị phê bình sai lạc đường lối ưu việt của Đảng. Mụ cố dấu những bất mãn bằng cách tự hào về thành tích hy sinh chống Mỹ, diệt ngụy của chồng con mụ. Mụ là một bà mẹ liệt sĩ, một bà mẹ VN anh hùng, mụ phải xứng đáng và tự hào danh hiệu ấy. Cuộc đời Mụ bây giờ là mấy tấm bằng đồ chối, mụ trang trọng để lên bàn thờ liệt sĩ dưới bức hình của Bác Hồ kính yêu. Có đói, có khổ một chút mụ cũng phải cố gắng để xứng đáng với cách mạng.

Mụ Chết trịnh trọng mở cái bọc giấy. Một cái váy đầm rơi ra từ trên tay mụ. Mụ cảm lưng váy rồi đứng ngắm một hồi. Nếu nó là cái áo thì có phải tốt không, Mụ sẽ mặc đi chợ hay đi họp. Đàng này là một cái váy màu sắc chói mắt, chả lẽ mụ mặc cái váy này ra đường? Mụ ngồi phịch trên tấm phản tre, có cái gì dưng lên nghẹn cứng làm mụ không thở được. Ai đời, một bà già, mẹ liệt sĩ lại nhận quà cứu trợ nạn lụt là một cái bùng rền. Mụ biết ăn nói thế nào với cả xóm. Ai cũng chờ xem món quà quốc tế anh em tặng cho mẹ liệt sĩ đẹp ra rãng. Mụ xấu hổ và thất vọng vì cứ nghĩ mình cũng có một cái áo lạnh tuy không đẹp và mới như của mụ Sơn, nhưng ít nhất cũng là cái áo lạnh lặn để hãnh diện với xóm làng. Mụ đã hiểu tại sao mụ Sơn đưa cho mụ rồi đi ngay. Mụ đã hiểu người ta khinh mụ ra sao. Thì ra chúng đã lấy tất cả những đồ đẹp có giá trị. Chúng thấy cho mụ cái váy chẳng ai thèm lấy. Mụ nhìn lên bàn thờ liệt sĩ mà chảy nước mắt. Chồng ơi là chồng, con ơi là con sao mà mụ khổ thế này.

Mụ Chết cầm lên ướm thử, cả đời mụ chỉ quần thô áo cộc, cả đời mụ chưa từng được bước ra thành phố, mụ làm gì với cái váy cụ Hồ này. Thân hình mụ nhỏ thó ốm nhom teo khu tóp dít, cái bùng rền này phải là của một bà Mỹ hay Nga to con và cao lớn. Mụ cầm tới cầm lui ướm vào người rồi lại đặt xuống. Rồi mụ mím môi, nước mắt lã dãi trên đôi má nhăn nheo. Mụ đã quyết định.

Buổi sáng họp chợ, người ta thấy Mụ Chết đem mớ đọt lang và mớ ớt ra chợ bán. Mọi cặp mắt mở to đổ dồn về mụ. Mụ mặc cái áo cánh màu xám xịt, ở dưới là một cái váy hoa màu đỏ lét. Mụ lặn cái lưng lại, lấy dây chuối cột ngang để giữ cho khỏi tuột. Vậy mà cái váy vẫn dài phết đất kéo lét trên đường. Thấy mọi người nhìn mình ngơ ngác, mụ nói to:

- Bà con thấy bây chớ mặc có đẹp không? Quà cứu trợ dành cho bà mẹ liệt sĩ ri nì. Hội Phụ Nữ mới phát cho tui hôm qua. Đẹp hỉ?

Rồi như không có gì, mụ ngồi xuống bày cái trệt rau và ớt bán.

Nắng sáng chiếu vào lớp vải, vào gương mặt khắc khổ, nhăn nheo của mụ Chết. Mụ nổi bật sang cả với cái váy giữa buổi họp chợ. Lá bàng ở sân xoay vòng rồi rơi xuống. Đời mụ cũng như chiếc lá vàng còn nằm ở trên cây sẽ rụng bất cứ khi nào. Tại sao mụ phải sợ?

Nguyễn Thị Thêm

Tháng Tư

Một Chín Bảy Lăm

Em hỏi chị:
Tháng tư về chị có buồn không?
Riêng em,
lòng chợt thấy băng khuâng khó tả!
Tháng tư năm đó,
Họ vào sao vội vã
Dân quân mình chưa đánh đã tan hàng
Kể sao cho siết những nỗi bàng hoàng:
Lệnh rút quân ban hành ra vội vã...
Khiến dân và quân toi tả từng đàn
Tầm tã dưới đạn roi,
Thây người vương vãi khắp nơi,
Năm rải rác theo rừng xanh biển cả...
Thế rồi từ các ngã,
Họ tiến đến Sài Gòn
Mỹ đang bỏ chạy,
Tiếng trực thăng vùn vủ trên đầu,
Mỹ kéo nhau về nước...
Còn dân mình, biết chạy đi đâu?
Người ra bên Bạch Đằng,
Kẻ vào toà Đại sứ,
Kẻ đi tìm thuyền nhỏ Khánh Hội, kho
Năm...
Mọi người ùn ùn bỏ chạy
Bỏ của chạy lấy người
Chạy! Chạy! Chạy!
Ra biển... ra biển... đi... chạy đi
Hãy tìm đường ra biển
Dân mình chạy như những người điên...
Có người bảo: Ổ yên!
rồi sẽ đâu vào đấy
quân ta sẽ thu hồi như Tết Mậu Thân...
Nhưng chúng ta lầm!
Chúng ta đã lầm:
Dương Văn Minh ra lệnh đầu hàng.
Nước mất? Mất rồi sao?
Mất thật rồi sao?
Ô kìa, ta mất nước hay sao?
Hay chỉ là giấc chiêm bao?
Lẽ nào? Lẽ nào? Có lẽ nào ta thua trận?
Có lẽ nào thua trận hay sao...
Thua trận thật sao?

Coi kìa! Coi kìa!
Họ tiến vào như lũ rận
Quần áo bèo nhèo
Nón tai bèo
Chân dép râu
Mặt non choẹt
Như một lũ mán về thành
Trời ơi! Sao nữ đàn
Sao nữ đàn
Đề nước mắt về tay những người như thế?
Đài phát thanh, tiếng gì kêu the thé
Tiếng Tàu, tiếng Mọi? Tiếng An Nam?
Chẳng hiểu cô ta nói gì?
Tiếng nhạc cũng rất kỳ
Chỉ có một bài nghe được
“Nói vòng tay lớn” đệm tiếng guitar
Hừ! Không còn chối cãi!
...
Mọi người hót hải:
Trước quốc hội, vị sĩ quan già tuần tiết
Cầu xa lộ, anh lính trẻ tự xiết cò vào trán
....
Vung vãi khắp nẻo đường
Quần áo lính
Quần áo của tàn binh
Của lính mình
Nay thua trận, thành hàng binh.
Bị lừa vào trại
Họ bảo là học tập
Nhưng hơn cả tù đây
Và không có ngày ra
...
Hùa theo lũ mán vào thành
Những kẻ ba mươi, chỉ điếm
trong bọc chui ra
ba hoa,
mù lòa cuồng dại
Băng đỏ trên tay, hách xì xằng phách lối
Làm càn làm dại
....
Màu đỏ, màu máu khắp nơi
Băng đờ rôn màu đỏ
Băng hiệu, cửa hàng
Từ lúc họ vào
cũng vội vàng sơn đỏ
Đỏ, đỏ, đỏ, cờ đỏ, máu đỏ

.....

Tư sản mại bản
Họ đánh cho tiêu tán
Rồi tư sản dân tộc
Mà nhiều người trước kia từng nuôi Việt
Cộng
Cũng bị giộng cho tiêu tưng
Họ đánh theo chỉ tiêu
Nên xóm nghèo có hai ba hàng tạp hoá
Cũng bị xoá sổ
Tịch thu nhà, xô đi kinh tế mới
Họ đào đào xới xới
Đề tìm vàng

...

Ngụy quân, ngụy quyền
Mau đi trình diện
Hành trang 1 tuần hay 1 tháng
Nhưng ... nhưng...
Chẳng thấy tha về

Văn nghệ sĩ đầu đã đầu hàng
Vẫn bị lòng bắt và bỏ tù, tra tấn
Phan đăng Lưu, khám Chí Hòa
Vào là chẳng biết ngày ra...

Em, là cô giáo, em xin đi dạy học
Học chính trị! Mọi người phải học chính trị!
Ba dòng thác cách mạng
Là quái quỷ gì đây?
Đảng ủy hay đảng “quỷ”
Người miền Nam chỉ có một âm
Ủy hay Quỷ, cũng là một thứ
Quận “quỷ”, thành “quý”
Chung quanh toàn quỷ đỏ
Dạy mình điều quái quỷ
Mọi người nghe, “tiếp thu”
Làm “Thâu hoạch”
Rồi “phê bình”, “tự kiểm”
Mình rình người ta
Người ta rình mình

Chúng bày ra, kiểm tra
Cả suy nghĩ người ta
Học trò thì vẫn như ma
“Phản động”, sửa lời ca
Sửa cả khẩu hiệu người ta
Nhà nước quản lý nhân dân,
Làm chủ tập thể!
Sự nghiệp của “bác Hồ vĩ đại”
“Sống mãi trong quần chúng ta”
Ha ha ha...
Đến tên đường phố, dân cũng không tha
Từ khi con đường mang tên mới:
“Nam kỳ khởi nghĩa” tiêu “Công Lý”
“Đồng Khởi” lên rồi mất “Tự Do”
Họ gây xáo trộn liên miên
Họp tổ, lao động, đổi tiền
Không để dân yên
Ngày 6 tháng 6, 1975
Chính phủ cách mạng lâm thời
Ra lệnh năm trăm đôi lấy một đồng
Mỗi “hộ” hai trăm
Mỗi gia đình có tờ hộ khẩu
Để mua nhu yếu phẩm
Nửa ký thịt bày nhầy bạc nhạc
Cho cả tháng...
Chủ nghĩa xã hội CNXH
Là cả nước xếp hàng
Xã hội chủ nghĩa XHCN
Là xuống hố cả nước
Ăn gạo mục khoai hà
Ba bước nhảy vọt
Mặt trận giải phóng
Cách mạng lâm thời
Đi chỗ khác chơi
Bây giờ mới thật toi bời
Bây giờ mới thật tả toi
Ôi, ba mươi tháng tư
Cả nước vào tù
Chị ơi!

Sao Khuê

ĐÙA BÔNG, BÔNG ĐÙA

(Để nhớ về những người phụ nữ đã gian truân trải qua bao nỗi uất hận trong khi thân nhân, bà con, họ hàng bị tù đày sau ngày miền Nam Việt Nam bị Việt Cộng cưỡng chiếm.)

*

- “Ở trên, ở trên, ở trên”?

Ta không hiểu hết, bắt đền cô Bông.

“Ở trong, ở trong, ở trong”?

Nói nghe ngô ngô, có chồng hay chưa?

*

- “Ở trên”? Bắt lỗi dư thừa

Học chưa? Ai nói? Đong đưa lòng vòng

“Ở trong”? Thêm thắt queo cong

Trông gì? Trông cỏ hay gông, cùm người?

(“Tâu tắng nội lược” * ai cười?)

Trần vào cướp bóc, làm trời xung vua

Huênh hoang: “Thắng!”, thấy chi thua

Còn đem chữ nghĩa bông đùa cười chê?

Hay gì cưỡng chiếm tứ bề?

Giỏi chi chỉ độc một nghề Tam Vô?

Tưởng con ai, hóa cháu... Hồ

“Đại đồng” xuống hố! Mấy bò chữ hay?

Vô đây bắt lính đem đày

Bắt dân đem bán, tựa bày hung nô

Lại còn trêu ghẹo Thầy Cô*

Mác, Lê thi thố, nhi nhô học trò?

Ý Nga, 13.4.2021

* “Tâu tắng nội lược” = Trâu trắng lội nước

* Cô với 2 nghĩa: cô em (câu 2) và cô giáo (câu áp chót)

MẤY MƯƠI NĂM ĐẢNG “TRÔNG NGƯỜI”

Thế giới đã tài trợ nhiều học bổng

Sao chỉ toàn con cháu đảng hưởng không?

Sang xứ người sống cỏ rác bênh bồng,

Rửa tiền Cộng, cuồng nông trò hư hỏng.

Bắt khiển dụng, “đại đồng” đều lêu lổng

Của cướp không, chi tiêu rộng, thỏa lòng

NHÀ NƯỚC TOÀN TRỊ: NHÀ TAN, NƯỚC MẮT!

Tập trung nhà nước toàn trị

Hối lộ “trà, nước” nhị toàn

Của lừa, Nhà tan, Nước mất

Dân đi tìm chỗ thoát thân.

-

Xã hội suy đồi đạo đức

Tuyên truyền trơ tráo thẳng thua.

Trẻ thơ bốn mùa trần trụi,

Nhà nước chẳng ai te tua!

Rước Hồ vào khoe liềm búa

Tôn giáo quốc doanh dựng chùa

Kinh doanh bộn bề khá giả

Tu “sỉ”* mặc sức thi đua!

Bạc tiền đi liền thỏa thuận

Lem nhem len lõi bạc vàng,

Giặc bầy bao nhiêu thế trận

Bấy nhiêu chúng thẳng về vang.

Nói gì “kinh bang tế thế”

San hà giặc xéo tả tơi

Trây trúa hôi tanh, tồi tệ

Dân kêu đến khản cả lời.

Ý Nga, 14.4.2021

*Tu sỉ: SỈ có ý viết dấu hỏi của chữ SỈ NHỤC.

*Nói lái và biếm: nhà nước toàn trị/trà nước nhị toàn

AI LẠI CHÔN CHỦ!

Chủ nghĩa đỏ? Tự do? **Đảng vẫn đỏ**

Ai **bấm cò**, **đạn vẫn đỏ** máu dân

Lại **cắm bò**, chết **cắm lét** ra sân

Chôn tập thể như Mậu Thân **năm ấy?**

Giặc Hán phát âm nào, đảng **âm náy**

Xưa quỳ bò địa đạo, **nay âm no**

Sao đẩy dân vào nghèo khó: **hồ bò**

Bơi biển khổ, **lần mò** trong **tăm tối?**

Đứa tội tù, đứa cờ bạc, long nhong
Nhục chung gánh: cả Cộng Đồng Hải Ngoại!
Ý Nga, 10.4.2021

TƯỜNG RỒNG ĐỎ AI NGỜ GIUN VIỆT GIAN

(Cách tưởng niệm Quốc Hận hay nhất là phải
cảnh giác phường Việt gian đang trà trộn khắp
nơi để phá hoại Cộng Đồng Người Việt Tỵ
Nạn Hải Ngoại.)

Kẻ phản quốc ngồi quanh ta, ai biết?
Ai đánh ai, ai dẹp giặc, đánh mình?
Vẫn còn bao Chiến Sĩ quá thông minh
Tim, nghe, thấy: giải quyết nhanh, gọn, tuyệt!

*

Thề “Không muốn đội trời chung”
Ai cho chúng đập đất cùng vùng ni?
Khen bên tê giới trị vì
Răng không ở lại? Khổ gì qua đây?

Đuông Đất đi tìm Bọ Rầy?
“Ăn tham chắc, mặc tham dày” * hay ho:
“Chuyện chi khó, đảng cũng lo!”
Rứa răng tư bản thăm dò, điều tra?

Khen màu Cộng Đỏ gian tà,
Sao vào quây phá nát Hoa Cờ Vàng?
Đảng mi dai dẳng khoe khoang:
“Tháng tư chiến thắng!” Về vang lăm mà?

*

“Đại đồng!” ậm ạch ậm à
Đọa đày điều đứng chẳng chừa một ai
Làm gai mắt, nói trái tai
Múa may, lái nhải, bắt tài dạy ai?

Trẻ con còn biết đúng sai
Có đâu mù quáng đêm ngày bao năm
Mấy chục năm một chỗ, nằm
“Vinh quang” chi đảng-tối-tăm thụt lùi?

Ý Nga, 25.2.2021

* Tục ngữ: “Ăn tham chắc, mặc tham dày”

Lãnh đủ cả ba miền, dân chúng chửi
Lúc trầm buồn, khi the thé. La, quen?
Đảng-Nhát-Hèn vẫn lẫn lộn: “Dân khen!”
Lạ quá đời, dân đen khen vận Đỏ?

Ý Nga, 12.4.2021

Nói lái: Đảng vẫn đỏ/đạn vẫn đỏ, cầm bò/bám
cò, năm ấy/âm này/nay âm.

NGƯỜI LÍNH CỦA EM

(Kính tặng NHỮNG NGƯỜI VỢ LÍNH
VNCH. Thành kính tri ân quý CHIẾN SĨ thuộc
tất cả các QUÂN, BINH CHUNG cùng toàn
thể QUÂN, DÂN, CÁN, CHÍNH và LỰC
LƯỢNG CẢNH SÁT VNCH đã nằm xuống để
bảo vệ miền Nam VN).

*

Tâm vạn ý, không chữ gì biết khẩn
Lá quốc kỳ cũng thương khóc Người Đi
Tháng Tư này, tháng Tư ấy khác chi?
Vẫn bi lụy nhà Việt Nam vận bĩ!

♥

Anh vĩnh viễn trong lòng con: Chiến Sĩ!
Chuyến hải hành giá lạnh thiếu vắng Anh
Cả miền Nam bao góa phụ độc hành
Ôm con dại, mỏng manh thân cô phụ!

Cau trắng nụ thương khăn tang ắp ù
Bao xuân thu Đất Nước vẫn tôi mù
Đảng rước thù, vui thú: bán, chi, thu
Không phòng thủ, giặc thù lăm le lẩn!

♥

Chẳng mình con nhớ Việt Nam: Quốc Hận,
Chẳng mình em luôn giữ Lửa, góp phần,
Cả cháu con cùng chuyển Lửa, tri ân
Anh bắt diệt trong lòng em! Có biết?

Hãy an nghỉ Anh yêu ơi! Vĩnh biệt!
Ý Nga, 25.2.2021

NGƯỜI ĐÓ LÀ ANH

Trời sắp sửa vào Tháng Tư, những cánh hoa Xuân cuối mùa còn sót lại rơi lá tả theo cơn gió nhẹ thoảng qua. Nắng thật ấm, trời thật đẹp nhưng sao lòng tôi chợt nao nao buồn và cơn đau nào đó chợt sống dậy dần dật tâm hồn tôi. Ôi! Tháng Tư! Tháng Tư! Âm vang hai tiếng ấy làm tôi nghẹn ngào, chua xót nhớ đến một ngày... một ngày tang thương, điêu tàn của một chính thể, một quân đội, một đất nước, một dân tộc...

Trong cuộc chiến dai dẳng hơn một phần tư thế kỷ để chống kẻ thù Cộng Sản Bắc Việt, hàng hàng lớp lớp thanh niên miền Nam phải gia nhập quân ngũ để bảo vệ miền Nam tự do, bảo vệ lãnh thổ, màu cờ, sắc áo. Không biết có bao nhiêu chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa đã anh dũng đổ máu xương trên khắp bốn vùng chiến thuật, cũng như trên không phận và hải phận Việt Nam. Không biết bao nhiêu tấm gương hy sinh kiêu hùng, oanh liệt như: Phạm Phú Quốc, Nguyễn Đình Bảo, Lưu Trọng Kiệt, Nguyễn Văn Đương, Ngụy Văn Thà... Những trận chiến đẫm máu vang dội, khét tiếng còn lưu danh thanh sử như: Bình Giã, Đồng Xoài, Pleime, Bình Long, An Lộc, Quảng Trị, Đầm Dơi, Thác Lác, Đồng Tháp...

Bên cạnh những người đã nằm xuống không bao giờ trở dậy đó còn biết bao chiến sĩ anh dũng khác tuy may mắn còn sống sót nhưng đã tàn phế. Cả quãng đời trai trẻ, họ đã vì quê hương đất nước mà bỏ lại trên chiến trường một phần thân thể của mình, sự hy sinh cao cả của họ cũng không kém phần oai phong, dũng cảm.

Những người Thương Binh của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà hầu hết ở lứa tuổi đôi mươi. Ngày anh hiên ngang theo đoàn quân ra chiến trận có người em gái nơi quê xưa, phố cũ tiễn đưa và chờ đợi, nhưng ngày anh trở về... trên đôi nạng gỗ, trên chiếc xe lăn hoặc bằng đôi mắt mù lòa thì còn đau đớn nào hơn? Trong số những Thương Binh đó tôi muốn nói đến một người, một người bạn cùng khóa với phu quân tôi, một sĩ quan ưu tú của Khóa 20 Trường Võ Bị Đà Lạt, người đó là: QUÁCH VĨNH TRƯỜNG.

Quách Vĩnh Trường sinh năm 1940 tại Sài Gòn trong một gia đình công chức. Anh là một thanh niên tuấn tú, tài hoa, thông minh mang nhiều hoài bão, ước vọng ở tương lai. Năm 1963 tình hình đất nước trong giai đoạn đầu sôi lửa bỏng, chiến tranh đang đi vào thời kỳ khốc liệt, đất nước đang cần những người trai hùng ra đi cứu nước và giữ nước. Quách Vĩnh Trường xếp áo thư sinh, tình nguyện tòng quân nhập ngũ. Ngày tiễn đưa, nếu ai đã từng trải qua mới thâm thía được nỗi buồn mà lớp trẻ chúng tôi gọi là “nỗi buồn thế kỷ”:

“Bạn ơi, quan hà xin cạm chén ly bôi. Ngày mai tôi đã, đã đi xa rồi... Bạn ơi mai này ai hỏi đến tên tôi, thì xin hãy nói khoác chiến y rồi. Người thư sinh ấy đã xếp bút nghiên, gĩa từ trường yêu với bao nhiêu bạn hiền. Có về là khi nước non vui bình yên...”

(Biệt Kinh Kỳ - Minh Kỳ)

Từ những ngày đầu đến với quân trường anh Trường đã say mê vùng trời đầy sương mù Đà Lạt, một thành phố tuyệt vời với bao nhiêu thắng cảnh mộng mơ, lãng mạn: hồ Than Thở, rừng Ái Ân, thác Cam Ly, thác Pren... và con đường mỗi sáng Chúa Nhật dẫn đến nhà thờ Chánh Tòa rực rỡ hoa đào trong sương lạnh. Rồi những ngày huấn nhục nhọc nhằn nhưng thoải mái vui vẻ, những đêm dã chiến, những lần bò càng hít đất vì bị các niên trưởng trách phạt... đã đem lại cho anh một cảm giác mới lạ. Anh nhận ra được đó là tình đồng môn, tình huynh đệ. Những người trai từ bốn phương trời hội tụ về đây được học chung trường, chung khóa, ăn chung, ngủ chung khiến lòng anh dâng lên một niềm thương mến dạt dào. Anh thấy cuộc sống của mình thật có ý nghĩa, xứng đáng, và rồi mai đây khi ra trường mộng lớn của người trai thời loạn sẽ được “toại chí bình sanh” vì sẽ đem tài mình công hiến cho quê hương, tổ quốc.

Những ngày còn trong quân trường tên tuổi Quách Vĩnh Trường được nhiều bạn bè biết đến khi anh đứng ra thành lập một ban nhạc riêng cho Trường Võ Bị cùng các anh: Trần Như Xuyên K21, Trần Đức Tuấn K20, Nguyễn Tử Đức K21, Nguyễn Văn Mai K20... Quách Vĩnh Trường quả thật đa tài, anh thổi sáo giỏi, làm thơ hay và có ngón đàn tuyệt diệu.

Khóa 20 Võ Bị ra trường vào cuối mùa Đông năm 1965. Trong đêm thiêng liêng đó, quỳ trước Vũ Đình Trường, lời thề son sắt, tâm niệm muôn đời của kẻ hạ sơn dần thân vào gió cát sa trường mãi ghi trong lòng người thiếu uy trẻ. Anh nguyện chu toàn trách nhiệm, quyết một lòng vì nước, vì dân, vì đồng đội. Anh được bổ nhiệm về Sư Đoàn 7 Bộ Binh với chức vụ Đại Đội Trưởng Đại Đội 3 Tiểu Đoàn 4 Trung Đoàn 12 đóng quân ở tỉnh Gò Công thuộc Quân Khu 4 vùng 4 Chiến Thuật. Anh miệt mài với chức vụ và trách nhiệm, hết sức thương yêu và chăm sóc anh em trong Đại Đội.

Một đêm kia (đang đóng quân ở xóm Bà Giàng- Gò Công) vào khoảng 8 giờ tối khi binh sĩ đang tập hợp chờ lệnh hành quân đêm thì bỗng đâu một trái lựu đạn từ ngoài ném thẳng vào Bộ Chỉ Huy Đại Đội. Phản ứng của một người bình thường thì sẽ nằm xuống tránh miếng đạn để khỏi chết. Quách Vĩnh Trường trong giây phút đó dù không đủ thời gian anh cũng nghĩ đến sinh mạng của binh lính, anh đã nhảy đến chụp lấy quả lựu đạn hy vọng kịp ném nó ra xa để cứu đồng đội mình nhưng đã muộn... Quả lựu đạn nổ ngay trên tay anh khi anh vừa bắt được và...anh gục xuống. Thương tích trầm trọng nên anh được đưa về Tổng Y Viện Cộng Hoà vào lúc 12 giờ đêm để chữa trị.

Thật là một phép lạ, với thương tích như thế mà anh còn sống sót nhưng anh đã thành người tàn phế tới mức độ 170% . Anh bị mất bàn tay trái và chân trái, bàn tay kia còn lại bốn ngón, trên mặt bị mất một mảnh thịt gần bằng trái chanh... Ôi! Thương làm sao, tội nghiệp làm sao! Một thanh niên tuấn tú ngày nào giờ đã thành một Thương Binh. Có nhiều lúc anh cũng buồn tủi, oán trách cao xanh, thở than, thương xót cho thân phận mình, từng nuối tiếc những ngày đẹp đẽ của một thời anh tuấn nhưng định mệnh cay nghiệt biết sao hơn nên phải đành chấp nhận:

Niềm Đau Thân Phận

*Con đã mất mảnh trời xanh hy vọng
Lòng đơn côi vừa tàn nụ hoa yêu
Sóng tình lên theo dòng nước thủy triều
Rồi trôi dạt vào bờ xa hoang dã.
Hỡi Thượng Đế người ban con phép lạ
Chuôi ngày tàn con đâu ước thân tiên
Xin đem con ra khỏi chốn ưu phiền
Con nguyện sẽ đáp đền ơn đài ngộ.
Con có tội xin Ngài cho vãn số
Sao nỡ đành lấy bớt một bàn tay?
Và giờ đây con chỉ biết thờ dài
Khi nuối tiếc cung đàn xưa xa vắng!
Màn tang tóc theo thời gian trĩu nặng
Con lấy gì để chống đỡ quê hương?
Các bạn con lần ngã chôn sa trường
Con bắt lực dành ngậm ngùi nuối tiếc.
Quân cướp nước sao Ngài không tận diệt?
Con tội gì Ngài cắt bớt một chân?
Ngày mai đây phiêu bạt nẻo đường trần*

*Con khập khểnh độc hành trên hoang lộ.
Say chiến đấu con xa lìa thành phố
Tuổi ngây thơ con trọn hiến non sông
Vời súng gươm con dệt chí tang bồng
Mang ám lại cho lòng người nơi hậu tuyến
Giờ toi tả con hằng tâm cầu nguyện
Quê hương này mau thoát cảnh điêu linh
Cánh đồng xanh dâng ngập nắng thanh bình
Con tự diệt niềm đau thương thân phận.
(Quách Vĩnh Trường- 1968)*

Trong lúc anh còn nằm điều trị ở Tổng Y Viện Cộng Hoà, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã đến thăm viếng, an ủi và gắn cho anh Đệ Ngũ Đảng Bảo Quốc Huân Chương có kèm Anh Dũng Bội Tinh với Nhành Dương Liễu.

Những tưởng anh sẽ giải ngũ và sống an phận với những ngày tháng còn lại của cuộc đời, nhưng không...sau khi bình phục hẳn anh lên Bộ Tổng Tham Mưu xin tiếp tục phục vụ trong quân đội bằng chính khả năng và khối óc của mình, dù tay chân tàn phế nhưng anh còn lòng nhiệt thành, tâm huyết của người trai trẻ. Anh đã được Thủ Tướng Trần Văn Hương chấp thuận cho lưu ngũ và Trung Tướng Trần Văn Trung đưa anh về Cục Tâm Lý Chiến. Sau đó anh được Thiếu Tá Phạm Hậu (tức nhà thơ Nhất Tuấn K12) nhận về cho phục vụ tại đài phát thanh Tiếng Nói Quân Đội từ năm 1968 đến 1975, cấp bậc sau cùng của anh là Đại Úy.

Quách Vĩnh Trường không chấp nhận mình là Thương Phế Binh, anh nói anh chỉ là Thương Binh chớ không thể bỏ “phế” cuộc đời được vì vậy anh phải đứng lên, phải sống như những người khác. Trong thời gian làm việc tại Đài Phát Thanh Quân Đội anh đã ghi danh theo học ở trường Đại Học Luật Khoa Sài Gòn. Anh đã lấy được bằng Cử Nhân Luật Ban Tư Pháp vào năm 1974.

Có một huyền thoại về cuộc tình của Quách Vĩnh Trường và cô sinh viên Luật Khoa Sài Gòn tên Nguyễn Thị Bích Kiều, nhà thơ Nhất Tuấn (với bút hiệu Tuấn Hà) đã có lần gọi chị Bích Kiều là vị nữ Bồ Tát. Quả thật như vậy, gọi chị là nữ Bồ Tát rất đúng vì người trần gian mấy ai được như chị Bích Kiều? Một nữ sinh viên trẻ, đẹp, con nhà gia thế lại đem lòng thương yêu một người con trai tàn phế 170% như anh Trường?

Hai người học chung trường, chung lớp. Hằng ngày Bích Kiều nhìn thấy sự đi lại khó khăn của anh Trường nên chị ngỡ lời đưa đón anh đi học. Dần dần chị Bích Kiều không nhìn anh Trường bằng xương bằng thịt trước mắt mà chỉ nhìn thấy một tâm hồn trong sáng, cao đẹp, một tài hoa ẩn hiện trong con người anh, một sự kiên cường dũng cảm, quyết tâm không khuất phục định mệnh. Những ưu điểm ấy khó có thể tìm thấy được dù ở một người thanh niên toàn vẹn thân thể. Rồi theo thời gian tình cảm nảy nở, họ đã yêu thương nhau. Những ngày mưa nắng cùng đi về trên đường phố quen thuộc, những buổi hẹn hò mật ngọt đắm say, những vui buồn chia sẻ cho nhau, những nỗi niềm thầm lặng, những mơ ước cho một ngày chung bóng chung đôi...làm sao kể hết. Tình yêu của họ gặp nhiều khó khăn trắc trở vì gia đình chị Bích Kiều quyết liệt cản ngăn. Người con gái ví như vị nữ Bồ Tát đó đã bao lần tuôn đổ lệ vì lo sợ ly tan, lo sợ cuộc tình sẽ gặp trái ngang dang dở. Nhưng rồi cuối cùng họ cũng đến được với nhau bằng hôn nhân (năm 1977) và có được cháu Quách Vĩnh Tiến (hiện nay cháu Tiến là một sĩ quan của quân đội Hoa Kỳ, nối tiếp chí hướng của cha còn dang dở).

Những ngày tháng sau năm 1975 không riêng gì anh Quách Vĩnh Trường mà đối với tất cả Thương Phế Binh Việt Nam Cộng Hoà là cả một sự tủi nhục, một niềm thống hận. Họ là những người đã hy sinh một phần thân thể cho quê hương, tổ quốc, họ là những anh hùng không tên tuổi

mà toàn dân miền Nam phải kính phục, mến yêu và hết lòng giúp đỡ. Tạo hoá khéo trêu người, những người bất hạnh đó đã trở nên rất khốn khổ sau khi miền Nam sụp đổ. Họ không còn lương bổng hàng tháng, không còn nguyên vẹn cơ thể để đủ sức sinh tồn trong một xã hội tối tăm, họ là những người bị nhà cầm quyền Cộng Sản và người đời xa lánh, hắt hủi tàn tệ nhất. Những hình ảnh người mù cõng người cụt chân đi xin ăn, đi bán vé số, đi hát dạo, người cụt chân ngồi đút com cho người mù...không ít trên đường phố. Họ giúp đỡ, lo lắng, đùm bọc nhau trong hoàn cảnh khốn cùng không lối thoát. Còn chua xót nào hơn? Còn nỗi buồn nào hơn? Dầu đã là những người tàn phế nhưng tình chiến hữu, tình huynh đệ tương thân tương ái không bao giờ xao lãng, những kẻ xăm lãng kia làm sao hiểu được! Thật cảm động, thật đau lòng. Có lần tôi nhìn thấy một anh Thương Binh mặc bộ quân phục Thủy Quân Lục Chiến đã bạc màu, đội bê rê xanh, mắt mù loà, đặt tay lên vai một anh khác mặc áo treillis cũ cụt hai tay nhưng còn hai chân và mắt sáng. Hai người đi nhau đi bán vé số qua giọng hát trầm buồn, thật hay của người lính mù:

“Rừng lá xanh xanh cây phủ đường đi. Thành phố sau lưng ôm mộng ước gì. Tôi là người đi chinh chiến dài lâu nên mộng ước đâu tôi nghe đã chìm sâu.

Rừng lá xanh xanh lối mòn chạy quanh. Đời lính quen yêu gian khổ quân hành. Nghe từ ngày thơ tiếng súng triền miên. Đánh giặc lâu dài cho non nước bình yên.”

(Rừng Lá Thấp - Trần Thiện Thanh)

Tôi đứng lặng yên nghe anh ca trọn bài hát. Bài tình ca buồn của lính gọi tôi nhớ đến những người bạn, người anh, người yêu ngày nào đã từng dấn thân vào lửa đạn. Những người từng chiến đấu ngày đêm nơi địa đầu giới tuyến, thềm lặng dưới mưa rừng gió núi, quanh năm chỉ thấy màu xanh của lá cây rừng, chỉ thấy sao trời giăng mắc những khuya buồn, chỉ nghe tiếng súng thù từng đêm vang dội. Họ đã bỏ lại sau lưng tất cả: những chiêu công viên hò hẹn, ánh sáng kính đô, câu ca tiếng nhạc, lời tình còn dang dở...Đó là các anh, những người lính trận miền xa.

Nhìn hình ảnh hai anh Thương Phế Binh trước mặt trong chiều mưa bay lát phát bỗng dung tôi rơi nước mắt:

Anh có biết không tôi đã khóc

Một chiều bên quán nhỏ cô liêu

Thoảng nghe ai hát “Rừng Lá Thấp”

Chợt thấy hồn đơn lạnh rất nhiều.

Bước đến gần anh tôi hỏi nhỏ:

- Anh là lính cũ phải không anh?

Anh cười chua chát rồi khẽ bảo:

- Là người thua cuộc, chẳng thành danh...

(Vi Vân)

Ở trên chiến trường anh em đồng đội cùng sát cánh chiến đấu, giữa chợ đời lang thang tìm miếng cơm manh áo họ cũng không rời xa, nương tựa, dìu dắt nhau đi trên đoạn đường gian truân, đầy sỏi đá. Nhưng rồi họ nào được yên thân với những tháng ngày khốn khổ, cơ cực đó. Nhà cầm quyền Cộng Sản đã cấm ngặt không cho họ được xin ăn hay làm một hành động nào có tính cách kêu gọi sự giúp đỡ của người qua lại trên đường phố. Họ sẽ phải sống làm sao khi không còn khả năng để làm bất cứ công việc gì kiếm sống? Thật bi ai, thật náo lòng! Sau này, cũng còn được một sự may mắn là nhờ các cựu quân nhân hải ngoại đã đứng ra tổ chức ngày Đại Hội “Cám Ôn Anh Người Thương Binh” do cựu nữ Trung Tá Hạnh Nhơn làm hội trưởng, sau này là cựu Thiếu Tá Thanh Thủy, hằng năm số tiền quyên góp trong kỳ Đại Hội cũng giúp đỡ rất nhiều cho các Thương Binh còn ở Việt Nam. Một hành động vô cùng cao đẹp, đáng vinh danh, đáng ca ngợi.

Riêng anh Quách Vĩnh Trường ngày đó, dù là Thương Binh anh cũng bị chánh quyền Cộng Sản gây khó khăn không ít. Chiếc xe đạp duy nhất của hai vợ chồng anh dùng để làm phương tiện mưu sinh hằng ngày cũng bị chiếm mất vì họ cho rằng chiếc xe đạp là tài sản của nhà nước vì đã nằm trong danh sách tài sản bị kiểm kê nhà anh. Họ còn hăm dọa không cho anh được bán bánh mì ở thành phố vì anh thuộc thành phần ác ôn, trí thức phản động, có nợ máu với nhân dân. Sau đó anh tự mua ống nước và chế ra một chiếc xe đạp đặc biệt có thể chở vợ con và hàng hóa buôn bán. Mỗi buổi sáng trên các ngã đường quanh Cư Xá Lữ Gia- Phú Thọ, hay chợ Nguyễn Tri Phương bà con gặp một cặp vợ chồng trẻ rao bán bánh mì trên chiếc xe tự chế, ai ai cũng cảm thương và hết lòng ủng hộ. Đôi vợ chồng người Thương Binh này vất vả như vậy mà còn phải cuu mang cơm áo cho cả một gia đình gồm: người cha mù lòa, mẹ bệnh hột, hai em nhỏ dại. Thật không thể tưởng tượng làm sao họ có thể sinh tồn trong cái xã hội đó được?

Thời điểm ấy cũng là lúc mà những người vợ của sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà đang lâm vào tình trạng khốn khó, đau buồn nhất vì chồng họ bị đưa vào các trại tù Cộng Sản. Những người thiếu phụ chân yếu tay mềm chưa từng thích ứng với xã hội hỗn loạn, giành giật bên ngoài thì làm sao có đủ sức chịu đựng, chống đỡ với mọi tình huống xấu có thể xảy ra? Một số chị em trước kia chỉ nương tựa vào người chồng, một số là công chức, giáo chức bị sa thải vì lý do lý lịch “vợ sĩ quan nguy”. Các chị phải ra chợ, ra đường buôn bán tảo tần, làm thuê làm mướn đủ mọi cách để kiếm tiền nuôi con thơ dại và mua lương thực tiếp tế chồng trong chốn lao tù thiếu thốn. Những nỗi đau buồn, tủi nhục vì bị xã hội bạc đãi, vì lo lắng, thương nhớ chồng của các chị ai ai cũng biết. Đã có hàng trăm bài tự viết về “Vợ Người Tù Cải Tạo” của các chị em do nhật báo Viễn Đông xuất bản năm 2003 rồi nên ở đây tôi không nhắc nhiều đến các chị nữa.

Riêng anh chị Quách Vĩnh Trường dù gian lao khổ cực, mỗi sáng với tiếng còi te te của vợ và tiếng rao “bánh mì nóng giòn” dễ thương của chồng đã cho thấy họ vẫn tìm thấy hạnh phúc trong cuộc sống đó. Sự chịu đựng, kiên trì, nhẫn nại của anh có được cũng nhờ vào tình yêu của người vợ Bò Tát đã cho anh thêm nghị lực để vượt qua những ngày tháng tối tăm, một đoạn đường đi mịt mù xa thẳm đầy hiểm nguy gian khổ, đầy mưa gió bão bùng... Cuối cùng trời quang mây tạnh, gia đình anh cũng đến được bến bờ Tự Do năm 1986 theo diện “tị nạn chính trị” vì anh đã bị nhà cầm quyền Cộng Sản ngược đãi nặng nề mặc dù do người em trai bảo lãnh.

Quách Vĩnh Trường sống ở Bắc Mỹ được sáu tháng thì di chuyển về California do anh Nguyễn Hữu Thọ và các bạn cùng Khóa 20 Võ Bị bảo trợ và tận tình giúp đỡ. Tôi nhớ rất rõ ngày anh đến Los Angeles, lão gia nhà tôi đã ra phi trường đón anh, hai người ôm nhau mà cùng rung rung nước mắt. Người ta thường nói “nam nhân không bao giờ rơi lệ” nhưng chính mắt tôi đã thấy các anh ứa lệ. Thật cảm động và quý hóa thay nghĩa đồng môn, tình chiến hữu!

Sau khi ổn định đời sống ở Nam Cali, anh Trường lại tiếp tục ghi danh đi học. Lúc nào anh cũng nghĩ đến việc mở rộng kiến thức, tăng cường sự hiểu biết của mình, anh cho rằng học vấn bao la, hiểu nhiều, biết nhiều rất cần thiết cho cuộc sống của chính cá nhân mình và còn có thể giúp đỡ cho bạn bè. Anh cũng thành công như ý nguyện và đã lấy được một số chứng chỉ các ngành về Hội Họa, Mỹ Thuật, Design...

Cũng nhờ với những kiến thức thu thập được, Quách Vĩnh Trường đã giúp rất nhiều cho hội Võ Bị Nam Cali. Chỉ với bốn ngón tay còn lại anh đã từng vẽ hình ảnh cổng trường Võ Bị, trang hoàng sân khấu trong những lần Đại Hội Võ Bị toàn trường hoặc các khóa bạn. Anh layout sách, thiệp mời hay đặc san cho bạn bè khi cần đến. Ngoài ra anh có tài vẽ tranh lụa, tu chỉnh hình ảnh cũ hư mòn, đã giúp cho rất nhiều vị hết sức vui vẻ vì đã tìm lại được bóng dáng thuở hoa niên của mình. Rất nhiều niên trường, niên đệ của trường Võ Bị và các cựu quân nhân khác đã được anh làm những tấm ảnh ngày xưa tươi trẻ lại. Chính tôi cũng được anh tu sửa một số hình khi còn 17-18 tuổi, hình trông rất đẹp giống như vừa chụp từ tiệm mang về.

Bên ngoài ngôi nhà nhỏ xinh xắn của Quách Vĩnh Trường ở vùng Huntington Beach lúc nào cũng rực rỡ đủ sắc hoa. Những lần đến nhà anh tôi thường đi một vòng xem vườn hoa của anh trước tiên, mỗi mùa mỗi thứ hoa, đặc biệt là hoa Quỳnh và hoa Lan, đủ màu đủ loại. Anh có biệt tài trồng hoa, anh chỉ cho tôi phương pháp trồng nhưng tôi không thể làm có kết quả giống như anh được.

Nhìn anh bây giờ, với cuộc sống hiện tại tôi quên mất anh là một Thương Bình bởi lẽ anh không thua kém anh em nào trong khóa về mọi mặt. Anh luôn đóng góp, giúp đỡ bạn bè còn kẹt lại ở quê nhà cũng như hậu duệ của khóa những lúc gặp khó khăn. Thật đáng khâm phục, một người Thương Bình đã trải qua bao thăng trầm dâu bể vẫn không để mất ý chí kiên cường, bất khuất và lòng vị tha, lòng nhân ái chưa bao giờ mờ phai trong tâm tưởng.

Những người trai như anh, những người đã được trui rèn, huấn luyện từ một ngôi trường danh tiếng bậc nhất Đông Nam Á: Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. Ngôi trường đã dạy, đã đào tạo những người học trò, những người con có lòng nhân ái, biết hy sinh, có trách nhiệm với non sông, tổ quốc, ngôi trường đã cho các anh sự dũng cảm, lòng tự tin, tự thắng để chỉ huy, không bao giờ gục ngã dù trong ý chí. Mong sao dù cuộc đời có trải qua bao thăng trầm biến đổi, dù cuộc thế có điên đảo, đảo điên các anh vẫn luôn thương yêu, đoàn kết, quý trọng, bênh vực nhau, đừng bao giờ quay mặt, đừng bao giờ phản bội nhau để không hổ danh là những người trai xuất thân từ ngôi trường đầy uy tín đó!

Cho dù các anh đã nằm xuống trên mảnh đất quê hương, đã gục ngã trong chốn lao tù, đang lang thang trên các vỉa hè thành phố hay ở tận phương trời nào các anh vẫn luôn là niềm hãnh diện, niềm tự hào của Trường Mẹ. Nơi đó có ngọn đồi 1515 bốn mùa lộng gió, có đỉnh Lâm Viên mây phủ chập chùng, và còn đó tiếng chuông từ ngôi giáo đường ngày cũ mỗi sáng Chúa Nhật vẫn vang vang như kêu gọi, như nhắc nhở những người con lưu lạc bốn phương hãy nghĩ về, hãy nhớ về một thời cả phố phường Đà Lạt rực màu Alfa đỏ.

Ôi, một thời gọi nhớ, gọi thương!

*Đà Lạt năm nào vẫn mộng mơ
Lâm Viên vạn kiếp mãi mong chờ
Alfa rực rỡ màu nhung nhớ
Võ Bị muôn đời đẹp ý thơ.*

VI VÂN – California

CAMBODIA TRÊN ĐƯỜNG VƯỢT BIÊN

Chuyến Xe Xuyên Màn Đêm

Trời tối dần tại bến xe Bà Hạt, chúng tôi lên đường. Tôi nhìn lại Sài Gòn lần cuối (lần nào đi vượt biên cũng có tiết mục nhìn Sài Gòn lần cuối, và lần này là... lần cuối thật sự). Xe chạy ra xa lộ hướng về Mộc Hóa, Long An, gió đêm mát rượi. Nửa khuya, tôi đang chập chờn ngủ thì xe dừng lại, mọi người nhón nháo bảo nhau: “Đã tới biên giới Cambodia.” Tôi nhảy xuống xe, náo nức muốn xem cảnh “biên giới” nhưng chỉ thấy một màu tối đen. Căn nhà trọ, cũng là quán ăn duy nhất, đèn sáng mờ mờ. Chúng tôi bị lừa vào thật nhanh. Chủ nhà đưa ra vài cái mùng, rồi chia nhau theo nhóm ngủ trên những chiếc bàn trong quán.

Sáng hôm sau thức dậy, chúng tôi ăn hủ tíu tại quán, rồi bước ra ngoài nhìn biên giới. Cảnh tượng hoang vu, buồn tênh. Quán nằm giữa đường, đồng ruộng bao quanh, bên này là trạm gác của Việt Nam, phía xa xa bên kia là trạm gác của Cambodia, đó là cột mốc ranh giới. Chúng tôi được lệnh ngồi rải rác xung quanh khu vực này, chờ đến giờ trưa, bên trạm Cambodia đổi nhóm lính gác (là nhóm sẽ ăn tiền hối lộ của ban tổ chức vượt biên) thì xe chúng tôi sẽ an toàn qua trạm. Thỉnh thoảng, có những người dân địa phương của cả hai bên, mặc xà rồng, đầu đội thùng hàng hóa, đi qua lại hai trạm gác dễ như đi chợ. Họ cười nói chào hỏi nhau bằng cả tiếng Việt lẫn tiếng Cam sành sỏi.

Trời đứng bóng, chúng tôi chia ra hai nhóm, một nửa lên xe qua trạm biên giới, tôi theo nửa còn lại, băng đường tắt trong ruộng lúa, vào đất Cam, rồi đến chỗ hẹn với chiếc xe của nhóm, bắt đầu chuyến hành trình mới, hướng về thủ đô Phnom Penh.

Xe chạy được vài cây số, tôi đã lập tức yêu mến đất nước này, bởi khung cảnh quá đỗi quen thuộc: ruộng đồng cháy khô, những căn nhà sàn nghèo nàn, những người dân đen đui gầy héo.. Hậu quả của chiến tranh còn vương vãi nơi đây, khung trời này, có khác gì miền Nam Việt Nam sau năm 1975? Cảm giác yêu thương đó, còn lặp lại nhiều lần trên hành trình tôi đi qua và khi vào trại tỵ nạn Thailand gặp gỡ những người bạn Cambodia.

Càng gần Phnom Penh đường xá đẹp hơn, phong cảnh trù phú, những khu phố hiện đại. Con đường buồn và dài hun hút bỏ lại phía sau vẫn còn ám ảnh tôi nhớ về nạn diệt chủng tàn bạo của chế độ Polpot. Tôi biết, dân tộc này, còn thấp thoáng những oan hồn, và những khắc khoải đau thương vẫn in hằn trên những khuôn mặt người sống mà tôi đã bắt gặp qua khung cửa xe.

Có Một Việt Nam Giữa Lòng Phnom Penh

Xe chúng tôi tiến vào thủ đô Phnom Penh khi trời chiều xế bóng.

Vừa qua phà, chuẩn bị lên xe đi tiếp thì từng tốp người ở đầu chạy ủa đến, hỏi chúng tôi bằng tiếng Việt: “Chị ơi, em ơi, đổi tiền Ria không?”. Tôi bối rối, ngỡ ngác vì quá bất ngờ. Nhưng chưa hết, khi xe dừng lại phía chân cây cầu mang tên Sài Gòn (thấy thương ghê nơi!), vào quán ăn chiều, chủ quán và nhân viên đón chúng tôi bằng giọng Nam kỳ ngọt như đường cát, mát như đường phen. Nhìn menu đầy hương vị quê nhà, tôi đã gọi đĩa cơm tôm càng kho tàu (vì đây là nơi dòng Mekong và Tonle Sap chảy qua, chưa kể Biển Hồ phù sa màu mỡ), ngon không thể tả! Ngày hôm sau, chúng tôi khám phá thủ đô với ngôi chợ Olympic nổi tiếng. Lại bất ngờ nổi tiếp bất ngờ, vì không khó khi đi dạo trong chợ nếu muốn tìm một vài bạn hàng nói tiếng Việt. Gian hàng ăn uống nơi cuối chợ có một xe hủ tíu đồ sộ, ông chủ người Tiều luôn tay hơn hờ mức nước lèo và đáp lời chúng tôi bằng một tràng tiếng Việt lơ lớ. Tôi đã được thưởng thức tô hủ tíu Nam Vang ngay tại... Nam Vang (tên cũ của Phnom Penh).

Là thân phận lén lút đi vượt biên, nhưng tôi đi dạo Phnom Penh với tâm trạng... du lịch. Từ chợ đi ra ngắm phố phường, người qua lại nhộn nhịp đông vui. Đến một đại lộ, có hai hàng cây cao bóng mát rất đẹp như những con đường của Sài Gòn. Quán xá tấp nập, nhất là các quán cà phê, thực khách ngồi tràn ra vỉa hè, đón gió mát, ngắm mây trời.

Và tôi có nghe nhầm không đấy? Âm thanh vọng ra từ dàn cassette từ một quán cà phê, là tiếng hát điệu đả của Nhật Trường: *“Rừng lá xanh xanh cây phủ đường đi, thành phố sau lưng ôm mộng ước gì...”* Tôi bước gần đến xem, là sạp bán băng nhạc vàng ngay trước quán, có đủ các loại băng của các ca sỹ Sài Gòn trước năm 1975 và một số băng từ hải ngoại chuyển về. Tôi băng khuâng đi hết cuối con đường, vẫn còn nghe văng vẳng, lân này là Chế Linh nhừa nhựa ngâm ngùi: *“Tôi ở miền xa, trời quen đất lạ, nhiều đông lắm hạ...”*

Tôi đang đi giữa lòng Phnom Penh đây, nhưng nào thấy “trời quen đất lạ”, mà chỉ cảm nhận âm áp vô cùng, một “trời quen, đất quen và không gian cũng rất thân quen”.

Hỏi sao tôi không yêu xứ sở này!

Nhà Trọ

Là căn nhà trọ đầu tiên chúng tôi ghé đến tại Phnom Penh. “Nhà trọ” là căn nhà lầu hai tầng, bên trong trống rỗng, là chỗ ngả lưng và chứa hàng của dân buôn chuyến. Người đi buôn, đa số từ bên Việt Nam, qua đây lấy hàng hóa của Thailand từ biên giới, hoặc đi ra đảo Baklon, nơi có các tàu viễn dương ghé qua, rồi đem về lại Phnom Penh bán lại, hoặc đem về Việt Nam. Các món hàng là thuốc lá Samit, bánh kẹo, vải vóc, vật dụng máy móc...

Bước vào nhà trọ buổi chiều tàn, tôi giật mình vì một đám người lớ nhố chật chội bên trong, và âm thanh thì hỗn độn, hầm bà lằng. Nhà trọ không có phòng, mỗi nhóm được cái mùng bự và một cái chiếu, tự tìm chỗ chen chúc mà giăng mùng, hành lý đồ đạc để vào trong mùng nếu không muốn bị mất. Đám con buôn để hàng hoá đầy mùng, hình như họ ngủ ngời hay nửa nằm nửa ngồi trên những túi đồ đạc. Họ nói chuyện với nhau rất lớn, cười thật to, cãi nhau tranh luận cũng âm ỉ không kém. Không ai phàn nàn về tiếng ồn, ai thức cứ thức, ai ngủ cứ ngủ, đèn trong nhà luôn mờ ảo. Có người còn mở nhạc, hoặc nghe radio vặn âm thanh hết cỡ.

Nửa khuya, không ngủ được, tôi bước lên lầu tìm người quen trong nhóm, giữa nhà là chiếc tivi cũ đang mở cái lương Việt Nam (chắc là video). Nhiều người vây quanh tivi, uống trà ăn bánh, bàn tán về những chuyến hàng ngày mai, tôi tự hỏi họ không ngủ sao?

Lạ lùng thay, sáng hôm sau tôi mở mắt thức giấc, cả nhà trọ im lặng, trống trơn, cảnh tượng đêm qua như là một giấc mơ. Đám con buôn đã đi rất sớm, khoảng 4-5 giờ sáng, chiếu và mùng xếp gọn nơi góc nhà. Nhóm vượt biên cũng phải rời nhà trọ để khỏi bị nghi ngờ, sẽ tìm nhà trọ khác. Bước đi vội vã trên phố Phnom Penh, tôi thấy mùi lòng. Kẻ thì bỏ quê hương tìm đường vượt biên, người thì bôn ba đất khách mưu sinh không biết ngày mai. Tất cả chúng ta là nạn nhân của cộng sản Việt Nam!

On Xà Lanh Bon Tê?

Trưa hôm đó, chúng tôi cải trang giống “gái Miên hoặc gái Miên gốc Việt”, nào áo quần cũ, nào xách giỏ cói và quàng khăn rằn Cambodia, đón xe hàng đi thành phố biển Kom Pong Som. Ở Phnom Penh thì không sao, chớ đi qua Kom Pong Som thì sẽ bị tình nghi đi vượt biên. Đúng như dự đoán, nửa đoạn đường là gặp ngay trạm lính Cam, họ dí súng vào tôi hỏi “Tàu na?” (Đi đâu?) Tôi đáp: “Tàu sa” (Đi chợ). Họ dí súng hỏi tiếp, tôi ú ớ, và bị đuổi xuống xe với hai người nữa trong nhóm. Người dẫn đường biết tiếng nên không bị đuổi, nhắc chúng tôi đừng sợ, sẽ được lo ra sớm.

Nhà giam dã chiến, sơ sài nằm giữa đồng trống, bước vào thì thấy có năm người khác, cũng đã quen từ bến xe Bà Hạt và chung nhà trọ Phnom Penh, thế là an tâm.

Người lính Cam canh chừng ngồi ngay cửa, chúng tôi ngồi, nằm lớ nhố bên trong và bắt chuyện với anh (trong nhóm có chú Trương người Việt gốc Hoa, biết tiếng Cam và tiếng Thái). Bốn đứa con gái chúng tôi (sau này qua trại ăn ở chung), xúm lại tán gẫu với anh lính trẻ, có chú Trương thông dịch. Anh lính tâm sự, gia đình anh ở miền quê rất xa, anh rất nhớ nhà và mong mau hết thời hạn nghĩa vụ quân sự để trở về nhà. Anh dạy chúng tôi mấy câu tiếng Cam, vui nhất là câu “On xà lanh bon tê?” nghĩa là “Anh có yêu em không?”. Bốn đứa con gái thay phiên nhau “thực tập” câu này với anh lính, làm anh ấy đỏ mặt mặt đỏ, còn chúng tôi được dịp cười giòn giã cả đồng vắng giữa đêm khuya.

Sáng hôm sau, anh lính mở cửa cho chúng tôi đi dạo quanh cánh đồng, rồi lại ngồi ngắm cảnh xung quanh, hoặc tán gẫu cho qua thời gian, chờ đến hai bữa cơm của ban tổ chức vượt biên mang tới. Xế chiều, có tin nhắn chuẩn bị có xe đón ra biển. Ăn tối xong, chúng tôi gói gọn hành

lý, được anh lính dẫn qua đồng, đến xa lộ ngoài đường. Lúc này, anh không còn cười nói vui vẻ nữa, mà mang bộ mặt buồn bã nghiêm trang, chúng tôi cũng vậy, vì biết sẽ chẳng bao giờ gặp lại nhau. Ai cũng im lặng, căng thẳng, chẳng biết nói gì. Trời nhập nhoạng tối, bốn chiếc xe máy từ xa phóng tới, gấp rút hồi chúng tôi hai người lên một xe. Anh lính Cam luống cuống giây phút tiễn đưa, tôi ngồi lên xe vẫn cố ngoái nhìn lại, nói một câu cho anh cười: “On Xà Lanh Bon Tê?” nhưng chỉ thấy bóng anh khuất dần phía sau bóng tối trời Kom Pong Som.

Tạm Biệt Xứ Chùa Tháp

Trước khi thật sự lên tàu ra khơi, chúng tôi còn bị bắt giam một lần nữa, trong doanh trại kiên cố của quân đội cảng Kom Pong Som. Gần một tuần bị giam nơi đây, có rất nhiều kỷ niệm đáng nhớ, ở tù mà vui như... Tết, vì cả 40 người trong phòng sẽ đi chung chuyến tàu vượt biên qua Thái.

Chuyến hải hành không êm ả chút nào vì gặp mưa bão, chúng tôi đến bờ biển Chad trong đêm tối với mệt mỏi, vật vã toàn thân ướt nước biển lạnh run. Cả nhóm lê lét trong làng chài, gặp căn nhà đầu tiên còn sáng đèn, may mắn thay, họ cho chúng tôi cả một lu nước ngoài sân để uống cho qua cơn đói khát. Người phụ nữ chủ nhà, nước da ngăm đen, mặc chiếc xà rồng hoa văn sặc sỡ, làm chúng tôi chột lo lắng, chẳng biết đây là xứ Thái hay là một làng biển nào đó của Cambodia thì quả là công toi. Chúng tôi dùng ngôn ngữ tay chân hỏi chị ấy: “Thailand or Cambodia?”. Chị cười thật tươi vì hiểu “nổi lòng” của đám người Việt xác xơ và lặp lại nhiều lần: “Thái! Thái! Thái...” cho chúng tôi yên tâm.

Đêm đó, chúng tôi ngủ vật vờ bên đống lửa ven biển để chờ sáng hôm sau được đưa đến trại cảnh sát huyện Tha Luông. Cả đêm, run lập cập vì gió biển tháng 12 lạnh cắt da, không chợp mắt được, tôi ôn lại kỷ niệm vừa qua với xứ Chùa Tháp. Từ lúc đến biên giới Mộc Hoá, cho đến chuyến xe đò dài tới Phnom Penh, những căn nhà trọ, chợ Olympic, cầu Sài Gòn, những con đường rợp bóng cây xanh, những khu ruộng khô cằn, những mặt người xa lạ nhưng dễ mến. Dù chúng tôi bị “trần lột” hai lần tại hai trại tạm giam, nhưng tôi tin họ vẫn là người tốt, chỉ vì thời cuộc mưu sinh. Nếu nói đến sự tàn ác là quân Khmer Đỏ và hải tặc Thailand kia, chứ tất cả những người dân Cam chúng tôi đã gặp đều rất thật thà, chân tình, đáng yêu!

Cứ ngỡ sẽ bỏ lại Cambodia phía bên kia bờ biển, mang theo nhớ nhung, nhưng có ngờ đâu, khi lên trại tỵ nạn Panatnikhom mới thấy cả một cộng đồng người Cam cũng đang ở trong trại. Tôi lại được dịp quen biết một số người bạn Cam rất hiền hoà, và dễ thương.

Cuộc đời có những niềm vui nỗi buồn mang tên Định Mệnh!

KIM LOAN

Edmonton, tháng 4.2021



Biết bao người không có Mùa Xuân

Frank 9/9/21

*Nếu không có tiền của đồng bào hải ngoại gửi về tiếp tế thân nhân thì đảng cộng sản VN đã chết ngấm từ thập niên 80 rồi

VÔ?
"DZÔ"!!

Em ở lại biết khô gì vượt biên,
Người vượt biên, di tản: tâm chẳng an!
Đừng phê bình, chỉ trích hay luận bàn
Không có họ, Cộng quân đã giãy chết*

Vội nhồi sọ, không tự do, sao biết
Đò một lò, Cộng nung thép ra... tro
Bất người đi bằng đầu gối, lết, bò
Xem cán bộ phê tương tư-bản-đò.

Thơ
và
minh
bút:

Ý Nga

Thép ra tro, tro lị Cộng đò lò
Nhà còn kia toàn Nhào-Nhoct-Nhân-Nô
Thờ xác Đò, hùng hổ nở Tam Vô
Dân vô sản, đảng "vô"... tiền! Chưa rõ?

Giặc rằm rộ tràn vô đầy đường phố
Em "Dzô! Dzô!" hô hô men rượu say
Cộng bày đầy ma túy giặc trao tay,
Ai chiến sĩ? Ai kinh tài, đẹp giặc?

Canada
8.4.2021
#7997

THƯƠNG BINH

Thật bản lĩnh tác phong một Người Lính
Trận Mậu Thân đã cướp mất đôi chân
Tuổi thu nay bá bệnh đã kề gần
Mắt khiếm thị mà nhìn đâu cũng sáng!

Bạn tôi bảo: "Thương binh! Không tàn phế!
Xin đừng ai gọi người lính: phế binh
Chúng tôi nghe đau xót trái tim mình
Lực chưa tàn, ai dám phế chiến binh?"
Ý Nga, 7.4.2021

MỞ CỬA SAO DỪNG RÀO?

Người "dưng": mở cửa rước vào
Trong Nhà: xây dựng hàng rào trốn chung
Nực cười giấc mộng đại đồng
Nước nào cũng nhuộm hồng hồng giống nhau.
Rõ ra khác biệt vàng thau!
Ý Nga, 3.4.2021

NỖ ĐAU THUYỀN NHÂN

Bạn ơi! Khóc tháng Tư về
Bao nhiêu sương phụ ủ ê ảnh chồng
Thả hoa về biển mênh mông
Giỗ chung, cùng hướng biển Đông khóc người.

Quê hương tàn mạt tới nơi
Đua đòi, đảng vẫn thành thoi chơi bời
Sấm soi đào bới, đổi dời
Đâu là biên giới, đất trời của dân?

*

Ai người yêu nước luận bàn
Gọi nhau bảo vệ non ngàn, biên cương,
Niềm riêng ai xót cùng thương,
Nhìn chung một hướng quê hương điêu tàn?
Ý Nga, 6.4.2021

*Sương phụ: vợ góa chồng

NỖI ĐAU THUYỀN NHÂN

*Bạn ơi! Khóc thảng Tu về
Bạc nhiều sương phụ ửê ảnh chồng
Thả hoa về biển mệnh mông
Giờ chung, cùng hưởng biển Đông khóc người.*

*Quốc hương làn mặt lời nơi
Đua đời, đàng vẫn thành thời chơi bời
Săm soi đảo bời, đời đời
Đâu là biên giới, đảo lời của dân?*

*Ái người yêu nước luận bàn
Gọi nhau bảo vệ non ngàn, biên cương,
Niềm riêng ai xót cùng thương,
Nhìn chung một hướng quốc hương đảo làn?*

Canada, 6.4.2021 #7968

*Sương phụ: vợ góa chồng.

Cho *Phong Nghi*



NGỌN LỬA BENGALÉ

(Thương kính gởi các bác, các chú/các anh chiến sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà, đã hy sinh để bảo vệ lá cờ vàng dẫu yêu...)

TháiLan-NữLan dịch

Nguyên tác: Constance Delange

Đôi tay, cánh tay, thân mình của anh bê bết máu, Anh đã men theo hàng rào kẽm gai suốt mười cây số mà không thể lượn bên dưới rào được. Anh cũng không hề thấy một nơi nào có kẻ hở để lách qua. Nhưng mà ở ngay phía bên kia, chỉ cách chừng năm mươi phân thôi, ở bên trên những vòng dây có gai nhọn hoắt làm rách toạc mọi thứ, một thế giới khác sẽ hiện ra, nơi đó nhà cửa không đổ sụp xuống, nơi đó đàn bà, trẻ con không lẫn trốn như thú vật, và đàn ông thì không còn sợ hãi, không còn chịu cảnh đối rách lạnh rét nữa.

Bằng bất cứ giá nào, anh phải làm được, phải qua được phía bên kia; anh nghe tiếng lũ chó khàn giọng vì đã sủa quá nhiều, tiếng những tên lính la hét ba người đang bị vướng vào những vòng dây quai ác làm họ bị tổn thương.

Còn anh, chúng sẽ không bắt được anh đâu. Anh không muốn. Anh đã ngán ngẫm sự kinh hoàng. Nỗi thống khổ. Niềm tuyệt vọng.

Anh sẽ trèo lên đó, bám thật chặt vào, rồi nhảy, bay lên khỏi hàng rào kẽm gai này. Những vết thương toác da làm rát buốt trên khắp thân thể sẽ không làm cho anh chùn lòng. Anh không thể nào vượt qua hành trình toàn đá giã sắc nhọn hàng ngàn cây số dưới cái nóng như thiêu như đốt, nhai quả mọng màu tím đắng ngắt nhất được trong đám cúc gai, đã phải liếm mồ hôi của chính mình để thể nước, để rồi bây giờ chịu thua, phải ngừng lại trước những cuộn dây gai sắc nhọn này. Không, không đời nào...

Lũ chó đang đến gần, anh nghe thấy chúng chạy rần rần, gầm gừ hung tợn. Ánh mặt trời quất mạnh trên gáy... Anh đã chui đầu qua được giữa hai hàng kẽm gai sắt thép, hai má rướm máu, thân mình gồng sức tột cùng, vất vả len qua đường dây chật hẹp, hàng đỉnh đâm sâu vào da thịt; giờ đây anh bị kẹt cứng rồi, anh không thể cử động được nữa, cái đầu qua được phía bên bờ tự do, hai chân thì còn mắc lại bên kinh hoàng và hận thù.

Không thể bỏ cuộc, phải tin, vẫn phải tin tưởng vào cuộc sống, vào cuộc đời xưa kia, trước khi có sự điên rồ của loài người, nghĩ đến nguồn sinh lực tràn đầy sức sống, phải nghĩ đến tiếng cười trẻ thơ, nghĩ đến tương lai, đến những điều ta có thể thực hiện được, ngay gần đây, phía bên kia đây thôi.

Thu hết sức lực, anh nâng mạnh thân trên lên khỏi hàng dây, những con dao găm sắc nhọn xé thịt anh ra, máu me đầm đìa chảy xuống chân, sự đau buốt tột cùng mang thêm sinh lực đến cho anh; bây giờ anh chỉ cần nhích thật mạnh đôi chân lên, như một người lớn tuổi bị liệt phải xử dụng sức mạnh đôi tay để cử động, anh tự đẩy mình lên.

Tiếng la to: "Kìa, một tên nữa kìa! Nhanh lên, quất vào lũ chó đi nào, để chúng chụp cho được hấn ta! Khẩn trương lên đi, hấn sắp chạy thoát rồi, hấn sẽ qua được phía bên kia mất thôi.

Và anh, trong một nỗ lực tối hậu, giương căng toàn bộ cơ bắp và chuyển đẩy toàn bộ thân mình xuống vùng đất trú an toàn. Anh nằm sập xuống, bẹp dí, thân mình vấy đầy máu mà sức nóng hầm hập đã làm khô đi.

Thoát rồi, ôi đã thoát được rồi, anh đã thành công rồi. Giã từ nỗi kinh hoàng triền miên, nỗi sợ hãi đã hết thật rồi... Anh cần vài phút để bình tâm và có sức để gượng dậy, rồi anh sẽ bước đi và đến gặp những người sẽ bảo vệ anh, đem lại nhân cách cho anh.

Rồi anh cũng quỳ xuống được, anh nghe lũ chó thở hổn hển, bọn lính quát mắng âm ỉ ở đâu đó rất gần đây.

Muộn mất rồi bọn bây ơi, bọn bây không làm gì ta được nữa rồi...

Chúng đã không bắt anh lại được! Thoát rồi! Anh đã thoát thật rồi!

Anh gượng đứng dậy, chao đảo, và lại cố đứng thẳng lên, bước một bước, rồi bước nữa trên vùng đất hứa. Trước mặt anh là con đường rải nhựa, rồi đàng xa kia, cách vài trăm thước một ngôi nhà hiện ra. Thế là không cần phải chạy nữa, không cần phải lẩn trốn nữa. Anh đã thực sự thành công.

Cơn đau tột cùng ở vùng thắt lưng làm anh quằn quại, anh không hề biết, cơn đau đã bật tung lên trong người anh như một ngọn lửa Bengale. Anh ngã quỵ xuống, không một tiếng la, rồi bao nhiêu hình ảnh nối tiếp nhau hiện ra... Anh nhìn thấy ô bánh mùng sinh nhật lúc anh vừa tròn

mười tuổi, bên trên là những ngọn nến nhiệm màu không bao giờ tắt. Anh nhìn thấy nụ cười của mẹ anh, rồi những nụ hồng trong vườn...

Đêm tối xuống dần ở mi mắt anh, cơn đau dịu nhẹ hẳn. Anh sẽ ngủ một lát, rồi sau đó mọi việc sẽ yên ổn thôi...

Thật vậy, từ nay mọi việc sẽ ổn thôi.

TháiLan/NữLan dịch

++++

*Ghi chú của tác giả DELANGE**

*(*Gửi Ban Biên Tập: TL đã liên lạc với tác giả về quyền dịch thuật, - vì đây là tác phẩm đương thời- và hỏi rõ ràng về tựa đề của đoạn văn)*

Nhân vật cảm nhận trong cơ thể như ngọn pháo bông bùng lên khi bị trúng đạn, một sự bùng nổ như thuốc súng trong pháo bông (nghĩa thứ nhì của từ Lửa Bengale)

... và ta cũng tin tưởng rằng anh sẽ thành công; ngọn lửa Bengale cũng biểu lộ nỗi mừng vui khi đạt được mục đích: TỰ DO! (nghĩa thứ nhất: pháo bông để mừng của từ Lửa Bengale).

Cho Tôi Nhắc...

Đâu ngọn lửa cho sinh tồn tộc Việt?
Bao năm qua còn âm ỉ trong lòng?
Đã bùng lên trong những lúc oán hờn,
Rồi mau chóng lụi dần theo năm tháng!
Xin hãy nhớ! Người ơi, **cho tôi nhắc:**
Ái Nam Quan đã nhích đất sang Tàu,
Cột mốc nơi biên giới đã lùi sâu,
Đất tổ mất đâu? U sầu, lệ đổ...
Thành Đô hiệp ước nhiều điều thua lỗ,
Nhượng đất, biển, rừng,... đau khổ dân Nam.

Nhắc nhờ người: Tàu nham hiểm xâm lăng,
Giết tộc Việt bằng muôn ngàn kế độc.
Cho tôi nhắc: cầm quyền vai nô bộc,
Muốn đổi thay quốc ngữ thật gớm ghê.
Cách phát âm rất ám chướng, nặng nề,
Giai đoạn chót trao nước về Trung cộng.
Cho tôi nhắc: tiếng Việt còn, còn nói giống,
Đừng thờ ơ trước quốc biến, dân ơi!
Mau tiến lên, mau giải cứu kịp thời,
Đồng lòng đánh, đem đời mình báo đáp.

Cho tôi nhắc: lửa tự do bùng cháy,
Tusinia, Egypt, cả Yemen.
Độc tài thua, đất nước chuyển số phận,
Tương lai quốc gia do dân tự chủ.
Tôi cầu khẩn, dân không thờ ơ nữa,
Nói gương ai khơi ngọn lửa đấu tranh.
Đập tan tàn chế độ Cộng hội tanh,
Gỡ xiềng xích trói tay cùng giam hãm.
Bên này đại dương tôi mong lắm,
Tiếng trống khua của Hội Nghị Diên Hồng.
Tiếng “Không hàng!”... Chân tiến bước đập dồn...
Giờ đã điểm, lửa nung hờn ái quốc.
Gió độc lập sẽ bùng to ngọn đuốc,
Nói vòng tay, mạnh dạn chặng ngại ngần.
Tôi bên này thao thức đợi mùa Xuân,
Đang chờ, sống cùng toàn dân trong nước.

Cho tôi nhắc: máu xương bồi lý tưởng,
Tự do, dân chủ: giải thưởng của hy sinh!

Nguyễn P. Thúy, 4/15/2018

Ai Cập Tự Do

Trước sự chống đối mãnh liệt của dân chúng
Ai Cập, Hosni Mubarak phải từ chức vào ngày
11 tháng 2, 2011, sau 30 năm độc quyền làm
Tổng Thống.

Vang trời những tiếng reo hò,
Công trường Chiến Thắng rừng cờ phất cao. (*)
Bao ngày giận dữ hô hào,
“Free Egypt” tiếng gào dội vang.
Khí hùng như sóng dâng tràn,
Vì dân chủ: quyết không màng hy sinh.
Kết đoàn: sức mạnh vô hình,
Độc tài phải đổ, chuyên minh vươn lên.
30 năm uất ức chèn,
Khát khao dân chủ đã lên cao rồi.
Không dùng lực, chỉ kêu đòi:
“Tương lai đất nước giao người dân đen”.
18 ngày, chí vững bền,
Độc tài đã đổ, bao niềm hân hoan.
Thành công rực rỡ, vinh quang,
Nền trời Ai Cập ngập tràn pháo bông.
Tôi mừng dân chủ thành công,
Mong làn gió mới thổi bùng Việt Nam.
Tân niên Cộng Sản phải tan,
Kỷ nguyên 21 thuộc toàn dân thôi.
Đứng lên... mau đứng dân ơi!
Đập tan xiềng xích trói đời bấy lâu.
Nghe chẳng tiếng gọi khẩn cầu?
Đáp lời sông núi, ngẩng đầu tiến lên.

Nguyễn P. Thúy, 2/11/2011

*Tahrir Square

Rời Việt Nam

Đã nhiều lần tôi muốn viết nhưng rời lại chẳng thể hoàn tất, câu chuyện vượt biên tháng 4 năm 1979. Cứ thảo được vài giòng rời xóa bỏ.

Không phải vì đã có nhiều câu chuyện về chuyến ra khơi, nhiều hoàn cảnh đi rời không đến sau tháng Tư năm 75 mà tôi từng được đọc mà vì mỗi lần nhớ về chuyện vượt biên tôi lại bị cơn ác mộng. Đến nay là đúng 41 năm rời Việt Nam, thế mà tôi vẫn thỉnh thoảng nằm mơ về ngày ấy.

Gia đình chồng ở ngay đường Nguyễn Trung Trực, trước chợ nhà lồng Rạch Giá. Căn nhà còn sót lại sau những căn mà họ đã trưng dụng để làm Ty Giáo dục, làm Bru điện thành phố và làm Đoàn trú Công an.

Sau khi chồng đi tù về chúng tôi không được ở Sài Gòn. Tổ dân phố gạch xóa hộ khẩu và yêu cầu chồng tôi về nguyên quán. Tôi về lại nhà cha mẹ ruột, thỉnh thoảng xài tờ giấy của phòng Tổ Chức trường Đại Học Sư Phạm Sài Gòn điều về trình diện ty giáo dục Kiên Giang để có tờ giấy đi đường và để mua vé xe đò đi lên đi xuống.

Khi anh về Rạch Giá theo quy chế quản thúc, công an khu vực là tên công an có hai cái răng cửa bọc vàng nên dân chúng gọi tên Năm Răng Vàng. Sáng nào cũng đến viếng rời bắt anh đi xuống vùng có tên là Miệt Thứ Chín để lao động vinh quang với gói lương khô vài ba ngày tự túc. Lao động cả năm ngày, cuối tuần anh mới được về nhà mẹ ruột. Về đó anh phải viết báo cáo: ngày nào, làm gì, giờ nào gặp ai, nguyên tuần luôn và phải thành thật khai báo mọi chi tiết.

Khi tôi xuống, mục đích là thăm chồng và tìm đường vượt biên, má chồng tôi khai tôi là cán bộ nhà nước với đầy đủ giấy tờ công tác nên tôi được yên thân. Tôi xử dụng tờ giấy của phòng Tổ Chức trường Đại Học Sư Phạm Sài Gòn đi nhận cộng tác tại Ty Giáo dục tỉnh Kiên Giang để ra phường khóm xin giấy đi đường. Cứ đi lên đi xuống nhưng tôi không trình diện và cứ thế cho đến ngày tìm được chỗ vượt biên.

Năm 1979, cao trào người Hoa bị đuổi khỏi VN. Phong trào bán chánh thức vượt biên hầu như chánh thức. Dưới Rạch Giá, người Hoa xí xô xí xào và đi lênh cả khu trung tâm Rạch Giá. Tôi bán khoán nghi ngờ về chuyện vượt biên bán chánh thức này, cho là bị gạt và những người Hoa này đang chui đầu vào rọ. Một hôm, tôi thấy trong căn nhà bên chồng mình đầy người lạ. Thì ra chủ tàu người Hoa thuê bao những căn phố lớn gần chợ để đỡ người từ Sài Gòn xuống. Căn nhà của má chồng tôi được bà chủ (bà vợ thứ ba) cùng người nhà là mười người đến ở. Bà chủ vợ thứ ba lại là người Việt Nam, bà ấy gần năm mươi tuổi, đẹp người và nom sang trọng với phong cách của người Hà Nội 54. Bà trọng người có học nên khi biết vợ chồng tôi có trình độ đại học và biết sinh ngữ Anh Pháp, bà rất quý.

Tôi nhìn thiên hạ chuẩn bị vượt biên, thấy họ vui tươi mua sắm ăn uống dạo phố công khai mà vui theo. Thật khác hẳn với chuyến vượt biên đi vào sông ông Đốc của chúng tôi cách đó không lâu: chèo xuồng suốt đêm, ngủ trong rừng với bầy muỗi nổi tiếng của rừng Cà Mau, lội sinh ngập gối rời sau đó hồi hả thối lui trong đói khát và sợ hãi.

Lúc này tôi đã tin vượt biên bán chánh thức là thật. Mỗi đầu người từ Sài Gòn xuống là 12 đến 15 cây vàng. Số tiền khổng lồ và niềm ao ước được đi bán chánh thức khiến đêm đến tôi cứ nằm mà mơ không ngủ được. Vậy mà chúng tôi bỗng nhiên trúng số khi có vài người Hoa trong thời gian ăn dầm nằm dề chờ ngày xuất trận bỗng bỏ cuộc, bỏ tiền bỏ vàng. Họ quay về Sài Gòn hoặc họ nhảy qua chuyến tàu khác được xuất hành sớm hơn? Tôi không biết, chỉ biết bà chủ gọi tôi ra hỏi có chạy được 4 cây vàng để thế chỗ? Tôi tức tốc lên Sài Gòn kể cho ba má biết và má tôi đã giúp

vàng cho vợ chồng tôi đi. Cái thân tù cải tạo và lý lịch xấu thì một hai ba bốn gì chúng tôi phải rời VN, rời càng sớm càng tốt mà nay lại được đi công khai không lo công an chặn bắt! Thế là trong hai chuyến vượt biên ba má tôi đã hy sinh gần hết vốn liếng của gia đình cho con gái. Công ơn trời biển!

Vợ chồng tôi trước ngày xuống tàu phải di chuyển từ khu chợ nhà lồng ra khu nhà sát con sông lớn, nơi tàu bè được đóng và đậu ở đó để xuất hành. Kể từ hôm đó, tôi phải ráng nhớ tên trên giấy tờ là Wồng A Muối, còn chồng tôi mang tên Pánh Pao hay bánh chà cháo quây gì đó thật tình tôi không nhớ nổi.

Khách của bà chủ thứ ba toàn là người Việt giả dạng người Hoa, tập trung vào căn nhà lớn, còn lại toàn người Tàu Chợ Lớn. Chúng tôi, nhập vào đoàn khách này, phải nói tiếng Việt lơ lớ che dấu thân phận. Họ bao thuê những căn nhà của dân ở hai bên đường, dĩ nhiên phải qua mắt lính của công an. Chúng tôi chờ đợi trong phạm phòng vì ngày nào còn nằm chờ trong tay công an, ngày đó còn hiểm nguy chào đón.

Rời ngày lên đường đã đến. Ba má tôi ở Sài Gòn còn ba má chồng ở cách đó năm mươi cây số nhưng không ai dám lộ diện sợ lòi đuôi không phải gốc Hoa nên khi bước lên cây cầu gỗ, lên tàu rời VN vĩnh viễn, không người thân đưa tiễn, tôi thật buồn thật nhớ cha mẹ anh em. Lúc đó tâm trạng tôi hướng về cha mẹ, anh em nên tôi không phạm phòng lo sợ bị bại lộ giả người Tàu khi hai tên công an kiểm soát gậy tờ trước khi đi vào bên cảng.

Lao vào thân tàu chúng tôi được cho vào tầng lửng, bên dưới đã đầy nghẹt người. Chao ơi, tôi không ngờ nhiều người đi như vậy. Mới đầu còn duỗi cặp chân, chiều tối xuống thì tôi chỉ còn ngồi bó gối. Vài tiếng đồng hồ chờ đợi người xuống thôi mà tôi thấy dài như không bao giờ chấm dứt. Cuối cùng khi trời sập tối, tàu dần dần di chuyển, nhiều người khóc trong đó có tôi vì nghĩ không bao giờ gặp lại người thân.

Tàu chạy từ sông ra biển, có công an hộ tống dẫn đường bằng ghe nhỏ. Khoảng một tiếng đồng hồ thì tàu dừng lại, nhiều người với hành lý lao vào khoang tàu. Hóa ra công an khu vực họ vớt thêm người, gom một số tiền bỏ túi riêng ngoài danh sách. Những chuyến ghe nhỏ gắn máy đuôi tôm cặp sát tàu lớn, công an chuyền vào tàu thêm năm bảy chục người nữa, sau đó tàu mới được đi. Theo thỏa thuận, công an bảo kê tàu bán chính thức vượt biên, kè theo tàu cho đến lúc ra hải phận quốc tế; tôi đoán vậy khi nghe các gia đình chủ tàu lao xao reo vui, vỗ tay bye bye. Công an biên phòng làm xong nhiệm vụ, theo lệnh chủ tàu, ai còn tiền VN trong túi dốc tặng đám công an. Tàu chạy tiếp thêm một lúc, ông bà Trương chủ tàu khui sâm banh ăn mừng, nghe tiếng “bóc bóc” nổ thì cùng lúc đó tiếng động cơ tắt lịm. Máy hư!

Cả tàu ngơ ngác nhìn nhau không tin được. Tàu mới đóng, máy động cơ mới toanh, mới ráp mà! Chúng tôi mon men leo lên trên, thấy chung quanh biển êm như mặt hồ. Anh tài công và mấy người thợ đang hò hét chửi thề liên tục. Tàu lắc nhẹ trên nước và theo gió trở mũi tàu hướng đất VN. Xa xa có vài chiếc ghe đánh cá của người Việt. Khi họ tò mò ghé vô, chủ tàu liền đưa tiền nhờ họ vào đất liền báo với công an là tàu đi bán chính thức mang số VNKG 009 bị chết máy và xin giúp đỡ.

Cuối cùng chúng tôi được công an cho ghe đánh cá loại lớn ra kéo trở vô bờ. Chủ ghe thương thảo và chúng tôi được đổ bộ xuống vùng Tà Niên. Lại tạm trú nhà dân chúng. Chủ nhà có nhiệm vụ nấu cơm ngày ba bữa cho chúng tôi và chúng tôi tiếp tục đóng tiền ăn và chờ. Tôi thuê ghe khách đi về chợ Rạch Giá, báo tin cho bên chồng hay tự sự và ra bưu điện đánh điện tín về Sài Gòn cho ba má tôi hay.

Khu Tà Niên nơi chúng tôi ở nổi tiếng về khóm. Khóm Tắc Cậu Tà Niên ngọt như ăn cục đường nên thời gian ở đó chúng tôi mượn chủ nhà làm cho mấy lon ghi gô khóm đựng mang theo, đúng là cứ tưởng như đi du lịch! Chủ nhà là người Tiều nên sáng nào tôi cũng ăn cháo trắng với cháo với cái xá bầu. Trưa chiều ông xào cho thịt ba rọi với rau, toàn là mỡ với mỡ! Ngày nào cũng ăn giống ngày nào, thật ớn!

Sau một tháng ở đó chờ sửa máy, chúng tôi mừng thật mừng khi nghe tin sẽ được ra đi. Trong thời gian tại Tà Niên, ghe lại tiếp nhận thêm vài chục người mới. Vào ở chung với chúng tôi là vợ chồng anh Ba bụng bự người Việt trăm phần trăm nhưng phong cách rất Ba Tàu, cỡi trần suốt ngày khoe chiếc bụng to như bà bầu năm tháng. Anh có rất nhiều tin tức về chuyện tàu bè bán chánh thức. Năm đứa con đã đi trước, giờ hai vợ chồng đi với một đứa con nhỏ. Anh cho biết một tin nóng hổi là các chuyên tàu bán chính thức, sau chuyên của chúng tôi ra khơi, bị đình chỉ vì lệnh từ Hà Nội. Người ta bán nhà cửa để đi nay phải lếch thếch trở lại Sài Gòn, tiền mất nhà bay! Vợ chồng anh Ba lanh lợi, dứt lốt công an nên nhảy qua được chiếc ghe của chúng tôi, thuộc loại ghe đã có giấy phép ra khơi. Sau này gia đình bên chồng tôi xác nhận đúng là mấy ngàn gia đình đóng vàng chờ ra khơi đi vượt biên bán chánh thức tại chợ Rạch Giá phải đi ngược về Sài Gòn hay nơi khác vì không một chiếc nào được rời bến nữa! Thê thảm và khôn khổ! Anh Ba có năm đứa con cho vượt biên bán chính thức trước đó nửa năm khi anh đến Nam Dương có nhờ chúng tôi hỏi thăm Cao Ủy Liên Hiệp Quốc nhưng tìm không ra tông tích.

Lần hai ra khơi, không một ai nhỏ lệ và khi ra đến hải phận quốc tế, ông bà chủ không reo hò khui rượu mừng như lần trước. Tàu cứ lầm lũi chạy. Chạy đến ngày thứ Hai thì chúng tôi gặp một ghe đánh cá Thái Lan, họ mời vài người qua ghe họ, cho nước đá đem về tàu. Tôi cũng lanh chanh xuống hốt một thau nước đá lên phát cho bà con ngồi cạnh, lòng hớn hờ vui chờ ngày tàu cập bến đến Thái Lan, không hề biết là đang đi vào nguy hiểm.

Khi trời nhá nhem tối, tàu hải tặc bắt đầu xuất hiện. Họ đến một lượt bốn năm ghe vì biết tàu chúng tôi khá đông và tàu khá lớn. Nhóm lên tàu còn rất trẻ, đứa cầm dao, đứa cầm búa và bắt đầu lục lọi cướp bóc. Tôi nhìn thấy cô thư ký của ông Trương, người đại diện ông bà chủ để truyền tin tức cho chúng tôi khi còn trên đất liền, đang xoay vòng vòng vì bị hải tặc rút cái ruột tượng chêm đầy vàng lá mà cô quấn quanh bụng. Cuộc vợ vét kéo dài mấy tiếng với thắng lợi không ngờ qua những gương mặt hớn hờ mừng vui của họ. Đợt hải tặc thứ hai kéo tới sau đó chừng một tiếng, tôi có cảm tưởng họ đã chia phiên với nhau và báo cáo tình hình khi biết trên tàu không hề chống cự và không hề có súng.

Những lần sau này, sau khi lục soát vàng vòng, họ bắt đầu kiếm gái. Đang ngồi tầng trên, khi thấy các anh báo động tôi nhảy xuống tầng lửng chen vào đám con nít, ôm ngay một đứa bé vào lòng. Bà mẹ nhìn tôi cảm thông, trấn an nó bằng tiếng Hoa nhưng thằng bé lạ người vừa khóc vừa cắn tôi đau điếng. Đèn pin của hải tặc rọi xuống, tôi hãi sợ quá, gục đầu vào đứa bé chịu trận cho đến khi đèn quay về hướng khác. Năm rời VN tôi 24 tuổi.

Tàu chứa hơn 700 người, bọn hải tặc lùng những cô gái 15, 17 tuổi. Tụi nó bắt cô nào là kéo chiếc xà rồng ra, đề lên cô gái, làm tại trận. Tiếng kêu la van lạy và thét rú kéo dài dường như vô tận. Bọn này rút đi thì nửa giờ sau bọn khác kéo đến. Tiếng kêu cha kêu mẹ, kêu anh, kêu người yêu... cứ ám ảnh tôi mãi. Ngay bây giờ khi viết về chuyện vượt biên, tiếng rú nổi lên làm đầu tôi như nhức, tôi thấy lại hình dạng các thiếu nữ máu me lê lét trên khoang tàu sau khi bọn hải tặc rút đi!

*“Nhưng gió tắt mà sao còn động cỏ
Hoa lung lay vật vả nắm hương tàn
Hay tiếng khóc dâng lên từ đáy mộ
Của muôn đời chưa nín hận lia tan”*

(Vũ Hoàng Chương)

Trong chuyến vượt biên có nhiều lúc cận kề cái chết nhưng đây là khoảnh khắc kinh sợ nhất đời tôi. Chưa bao giờ tôi sợ như lúc đó. Chồng, cha bất lực không cứu được con chứ đừng nói chỉ những cô gái ra đi không có cha, anh bên cạnh. Điều an ủi duy nhất là họ không bắt các cô gái đi theo tàu họ và về sau mất tích mãi mãi!

Đến ngày thứ ba, chồng tôi lên tiếng kêu đàn bà con nít đi xuống hầm, tất cả các đàn ông lên trên và phải chống cự nếu không sẽ chết nhưng họ không nghe. Có bà xẩm còn hét lên: “Vứt thằng cha đeo kiếng này xuống biển đi. Muốn hại chết mọi người à.” Tôi nhìn quanh, đàn ông và thanh niên Việt Nam, độ hai chục người, có vài người hưởng ứng, còn người Hoa im lìm như điếc.

Mấy ngày trên biển, không một hột cơm, không miếng nước, không thể nhắm mắt ngủ đã làm mọi người không còn sức lực.

Rồi biển động, những ngày biển động làm chúng tôi say sóng, ói mửa và nằm bẹp xuống sàn như nhóp nhớp nhưng lại mừng vì ngày biển động lại là những ngày không có hải tặc. Chúng tôi chạy thêm hai ngày trời nữa mà nhìn chung quanh vẫn mênh mông là nước... Ông tài công hình như chạy loanh quanh vịnh Thái Lan gần bờ?

Tối ngày thứ năm, rạng sáng chúng tôi thấy từ xa có bảy hay mười chấm đen nhỏ. Dần dần các chấm đen đó càng to và hiện rõ đó là ghe đánh cá Thái Lan. Hoảng hốt, tôi nhớ đến lá cờ đen trắng kẻ caro mà anh tôi, hải quân, vẽ cho nhét vô hành lý. Thế là bung lên cột cờ, lòng thì thầm khẩn nguyện đấng Thượng Đế che chở.

Các chấm đen giờ đã hiện nguyên hình các chiếc ghe Thái, không còn cách chúng tôi bao xa nữa, khoảng 30 phút. Trên tàu, đàn bà con gái đi trốn, boong tàu dành riêng cho các gia đình chủ ghe, tài công trống bóc chỉ có vài thanh niên và tôi như bị thôi miên cứ nhìn các chiếc ghe Thái chân bùn rùn đi không nổi.

Bỗng bên trái tàu chúng tôi, lừng lững một chiếc tàu sắt, họ tiến về phía chúng tôi và bọn hải tặc bắt đầu giãn dần ra hướng khác. Thì ra từ giàn khoan dầu ngoài khơi, họ đặt ống dòm và đã nhìn thấy lá cờ kêu cứu. Tàu chúng tôi được kéo vào cặp sát giàn khoan, nằm đó chờ đợi quyết định của cấp trên. The American Big Tide Tanker này đã cứu thoát chúng tôi khỏi đám hải tặc Thái Lan, nếu không có họ chắc chắn chúng tôi đã chìm vào địa ngục trước khi chìm vào lòng biển cả. Năm tiếng đồng hồ trôi qua, không động tĩnh. Bên dưới tàu, anh giáo sư người Việt, sau này là trưởng và phó trại tỵ nạn của chúng tôi, tên Trương Minh Tiến và anh Ngô Trung Trọng ngồi góp ý viết một lá thư tường trình sự việc để kêu cứu và đưa lên ban chỉ huy giàn khoan. Chúng tôi vô cùng đội ơn giàn khoan dầu ngoài khơi Malaysia đã cho chiếc tàu chở xăng của Captain Eddie Hagensen và thủy thủ đoàn giúp 732 người tỵ nạn chúng tôi vượt tiếp đại dương trên chiếc tàu sắt này để đi vào phía Nam Malaysia, đến thành phố Mersing Johor.

Suốt một đêm ngồi chờ kết quả, nhờ lá thư và nhờ lòng tốt của các vị có thẩm quyền trong giàn khoan, qua hôm sau chúng tôi được lên giàn khoan nhưng chúng tôi phải đục hư chiếc ghe này. Chiếc ghe mang biển số VNKG 009 từ từ chìm xuống đại dương. Hành lý mang theo chỉ là một xắc tay nhỏ, chúng tôi lần lượt leo thang bằng dây thừng lên tàu.

Từ trên nhìn xuống tôi thấy trên mặt biển, những thùng phi đựng dầu chạy máy, nghe nói là dưới đáy các thùng phi này có rất nhiều vàng của chủ ghe, cùng với các vật dụng hành trang nổi bập bênh trên mặt nước trong xanh.

Bình minh lên và sự sống đã về...

Biển lúc nào cũng đẹp khi biển yên, chúng tôi dù trong tâm trạng lo âu vẫn thường thức được cảnh mặt trời lên xuống. Hai bên tàu, từng đàn cá heo giỡn sóng phóng lên cao rồi lặn xuống. Thật là những hình ảnh đặc biệt, độc nhất trong đời.

Phải mất mấy ngày chúng tôi mới đến Mersing Johor, một vùng du lịch xinh đẹp của Mã Lai. Đoàn dân tỵ nạn lếch thếch lôi thôi, bần thủ và hôi hám, xếp hàng dưới cặp mắt quan sát của những du khách đang nghỉ mát tại đó. Năm 1979, thành phố này đã sang trọng, sạch sẽ và xinh đẹp với những đại lộ có hai bên hai hàng cây to bóng mát.

Sau gần mười ngày trên biển, chúng tôi đi đứng loạng choạng, được chia ra làm hai nhóm bên nam bên nữ bèn ngồi bệt trên mặt đất để cảnh sát Mã Lai đếm số. Trong hoàn cảnh còn sống, được lên đất liền ở quê người, tâm trạng mất quê hương hôm nay hiện rõ khiến lòng tôi chua chát và đau khổ cùng cực dầu rằng đây là điều mình quyết định và mong muốn.

Chúng tôi được các xe nhà binh đưa đến một sân đá banh được trưng dụng làm nơi tạm trú cho dân tỵ nạn đến từ VN. Tại đó đã có hơn ngàn người và chúng tôi tự động mạnh ai nấy lo tìm chỗ trống để cắm dùi. Đó là đêm màn trời chiếu đất đầu tiên trên đất Mã Lai.

Mỗi ngày quân đội chở cá rau và gạo đến phân phát. Họ cấm chúng tôi rời khuôn viên đá banh này nhưng vẫn có vài người Hoa bị đánh vì vi phạm nội quy, lên trốn ra phố.

Ai còn vàng, còn đô-la thì bán cho những người Mã Lai, sau đó đưa tiền nhờ lính Mã Lai mua những gì mình cần. Cách sân banh, phía nơi chúng tôi cắm dùi, là một con kinh nhỏ làm biên giới với các căn phố đối diện. Họ đều là người Hoa nói tiếng Quảng Đông, trong thời gian ở đây tôi thấy những người Hoa này rất tốt. Họ vứt qua cho chúng tôi những túi quần áo cũ hoặc khi chúng tôi muốn mua gì thì buộc tiền vô cục gạch ném qua, họ ném đồ dùng trở lại, rất sòng phẳng.

Sau đợt chúng tôi nhập vào sân đá banh này, lại có thêm vài trăm người đến sau, khiến con số người Việt tỵ nạn tại đây lên đến hơn hai ngàn người. Trong thời gian ở đây, chúng tôi không hề biết tin tức bên ngoài, mãi cho đến gần một tháng sau, có hai người Mỹ đi lén vào và báo cho chúng tôi hay là Mã Lai đang làm áp lực với Liên Hiệp Quốc và có thể chúng tôi sẽ bị ép buộc quay về VN. Khi cảnh sát Mã Lai nhìn thấy hai người Mỹ thì họ bị đuổi ra và tôi chỉ có thể nhờ họ đánh điện về Pháp cho anh tôi hay là chúng tôi đang ở Mã Lai. Họ đã làm giùm.

Tôi gặp lại vài người bạn cũ, mừng hội ngộ nơi xứ người sau cuộc hải hành nguy hiểm chưa được bao lâu thì có tin di chuyển qua trại chánh thức là Poulo Bidong, nơi có Cao Ủy Liên Hiệp Quốc. Chúng tôi chuẩn bị đồ đạc để đi ra bến tàu ngay sau đó. Lần này chúng tôi lội bộ. Trên đường đi chúng tôi thấy một số dân bản xứ gốc Hoa chạy xe đạp len sát vào và với gương mặt sầu bi, họ cho biết là chúng tôi sẽ bị đem bỏ ra biển. Tôi chợt nhớ đến hai người Mỹ đã lén vào sân banh báo tin. Chúng tôi không bao giờ ngờ là Mã Lai sẽ đem mình ra bỏ ngoài biển! Chúng tôi không còn đường thoát!

Đoàn tỵ nạn bắt phải leo xuống những chiếc ghe nhỏ chèo tay, mỗi ghe được chèo bởi hai thanh niên Việt, hình như họ ở trại tỵ nạn đã lâu vì tôi thấy tóc tai họ để dài xõa ngang vai và vẻ mặt làm lý. Họ im lặng chèo chúng tôi ra tàu, từng tốp người được chuyển qua tàu. Tổng cộng có 5 chiếc tàu, hơn hai ngàn người chia cho 5 chiếc tàu. Những chiếc tàu mà người vượt biển tới trước, tới tận nơi này bỏ lại. Tôi bước qua một chiếc tàu, dòm nước sơn còn khá mới, có đề chữ VT-268. Như vậy từ khi rời Rạch Giá, đây là chiếc tàu thứ ba tôi bước xuống. Tàu hải quân Mã Lai xâu

mũi năm chiếc tàu này vào một chùm và kéo chúng tôi đi, chúng tôi vẫn định ninh họ đưa mình qua đảo Poulo Bidong nên không ai chuẩn bị nước uống vì sang đó chỉ cần vài tiếng đồng hồ như họ nói. Dù được những người Hoa người Mỹ báo động, tôi vẫn không tin. Làm sao họ dám làm vậy trước Cao Ủy Liên Hiệp Quốc! Vậy mà họ bỏ chúng tôi ra biển thật!



Đến ranh giới mập mé biển Nam Dương, chúng tôi nghe tiếng động cơ trực thăng bay trên đầu. Tàu hải quân Mã Lai, mang số P-3144, thấy trên không trung có một chiếc máy bay của nước Singapore đang quay phim cảnh tượng năm chiếc tàu đầy nhóc người tỵ nạn bị xô thành một bó và bị tàu hải quân của Mã Lai kéo đi, họ bắn! Để che dấu hành vi man rợ này, họ đã bắn cảnh cáo và sau khi chiếc trực thăng bay xa, họ chặt đứt chùm 5 sợi dây. Tàu Mã Lai tách ra, quay ngược đầu trở lại, năm chiếc tàu tỵ nạn trôi trành trên biển. Chúng lúc đó hiểu ra và ai cũng thất kinh, tiếng kêu khóc vang trời. Các anh mò mẫm xem trên tàu có những gì thì khám phá ra tàu không còn động cơ, máy móc đã bị gỡ ra, chỉ còn bánh lái.

Khi đó tôi chỉ sợ tàu này bị lũng lổ, nước vô từ từ thì xem như chết. Mọi người đem khăn, chăn mỏng ra làm thành cột buồm, bọc gió thổi xuôi tàu xuống phương nam theo sự tính toán của lính Mã Lai về hướng gió. Khoảng ba mươi phút sau, chúng tôi đã vào lãnh hải Nam Dương. Tàu cứ trôi theo giòng nước... Qua hai ngày trên sóng nước thì bỗng tàu đứng hẳn không trôi nữa, cứ dùng dằng nhấp tới nhấp lui. May mắn cho chúng tôi là có một nhóm chuyên nghề đánh cá ở Phan Thiết trên tàu này, anh yêu cầu mọi người kiếm cho anh một con dao và anh phải uống một chén nước mắm giữ ấm thân nhiệt trước khi lặn xuống phía đáy tàu... Anh trôi lên cho biết chân vịt ghe vướng vào lưới giăng của ngư dân, chúng tỏ gần đâu đây có người ở, chúng tỏ chúng tôi không xa đất liền. Hy vọng vươn lên!

Thoát mớ lưới giăng, tàu lại tiếp tục trôi vô phương hướng!

Hai ngày một đêm đã trôi qua trên con tàu vô định, chúng tôi không đói chỉ thấy khát... Nắng chang chang trên khoang tàu nhưng làm sao yên tâm mà chui xuống hầm cho được. Lúc đó số người Việt ít ỏi trên tàu biến thành bộ chỉ huy, giống như lúc chiếc tàu thứ nhất gặp được giàn khoan. Bộ chỉ huy gồm tám người Việt biết sinh ngữ đã viết thư và sắp xếp chuyện đục tàu để mọi người được cho lên trên giàn khoan giữa biển. Các anh nhìn sao nhìn trăng cầu mong một trận mưa để có nước uống và chỉ biết phó thác con tàu cùng sinh mạng những tàu nhân cho Thượng Đế.

Sáng ngày kế tiếp, chúng tôi gặp tàu tuần dương hạm Nam Dương, lính Nam Dương bắc loa kêu chúng tôi là Cộng Sản và yêu cầu chúng tôi quay về với Cộng Sản. Thấy tàu chúng tôi vẫn nhích tới theo sóng nước, họ cho hai chiếc tàu nhỏ chạy đến, súng ống chia về phía chúng tôi. Sau đó sợi giây thừng được thả qua tàu tỵ nạn, hai người lính Nam Dương buộc dây vào mũi tàu và kéo ngược tàu chúng tôi về hướng bắc, hướng nước Mã Lai, nơi mới vừa tàn nhẫn xua đuổi chúng tôi ra biển!

Trên tàu lúc đó đã có một bé gái 10 tuổi, con của một người trong nhóm đi từ làng đánh cá tại Phan Thiết đã chết vì khát nước. Anh cho phép chúng tôi ẵm xác đứa bé đứng trước mũi tàu, giờ cao lên

cho lính hải quân Nam Dương thấy sau đó thả xuống biển thủy táng. Với tình trạng có người đã chết trên tàu, chúng tôi hy vọng tàu hải quân Nam Dương sẽ cho chúng tôi tỵ nạn. Xác cháu bé cứ trôi dạt dờ theo con tàu chúng tôi đến hơn 15 phút mới chìm trong lòng biển.

Tuy nhiên, lính Nam Dương không động lòng, tàu vẫn bị kéo, mỗi lúc một nhanh dù ngược gió. Sóng vỗ vào mạn tàu ầm ầm và lúc này mũi tàu kêu răng rắc như sắp gãy. Bộ chỉ huy trên tàu chúng tôi quyết định hoặc chặt dây hoặc chết.

Thanh Mai, cô gái đi một mình, năm đó 16 tuổi, xung phong lên mũi tàu chặt dây với lý luận của em là đàn ông lên nó bắn, đàn bà con gái lên nó nương tay. Em cầm búa lên chặt mạnh vào sợi dây thừng. Tàu Nam Dương nổ súng, đạn bay chéo chéo sát mạn tàu. Mặc họ bắn, Mai vẫn đều đặn nện búa xuống, không có gì ngăn cản được ý chí của em!

Sợi dây đứt và bên kia đạn cũng ngừng bay. Im lặng hoàn toàn... Cái loa inh ỏi đuổi về cũng im tiếng như sững sờ trước sự can đảm liều mình không sợ chết của cô gái trẻ. Cô là đại diện cho đám tàu nhân đòi quyền được sống trong tự do trong nhân ái. Cô đã cứu mấy trăm mạng trên chiếc tàu tàn phế đó.

Vị tàu trưởng nhìn qua ống dòm và ông đã động lòng không xua đuổi nữa. Sau này khi lên đất liền, quân đội đến lập khu trại cho chúng tôi xong, tàu trưởng và các sĩ quan đã đến thăm Mai, tỏ lòng kính phục.

Sau 3, 4 tiếng chờ đợi lệnh, vị tàu trưởng cho ca nô chạy đến báo tin vui là các vị có thẩm quyền trong đất liền, cho phép chúng tôi lên bờ. Mọi người chấp hai tay lạy cảm ơn chiếc tàu nhân ái đó. Khi lên đất liền chúng tôi chôn thêm hai bác lớn tuổi người Hoa, chết trên tàu nhưng các người con cố gắng không muốn làm thủy táng như cháu bé lên mười. Cái chết thủy táng của cháu bé đã giúp cho hơn bốn trăm người trên chiếc tàu không máy móc, không xăng dầu đến được bờ. Chuyến đi của chúng tôi đã có nhiều sự hy sinh và sự cứu mang nhân ái.

Tôi bước đi không vững sau những ngày ngồi trên tàu, lên tới đất tôi nằm xấp xuống hôn mặt đất tạ ơn Thượng Đế đã cho chúng tôi sống sót. Trong đầu thoáng hiện lên câu hỏi bốn chiếc ghe từng cột chùm với ghe chúng tôi nay trôi dạt về đâu. Có đến được bến bờ? Đến nay những người bạn cũ từng gặp lại trên sân banh Mã Lai ngày đó tôi vẫn chưa liên lạc được.

Chuyến đi tìm tự do của tôi tổng cộng đi trên ba chiếc tàu, qua hai đất nước và di chuyển nhiều trại tỵ nạn. Tôi sống sót đến ngày nay là tôi đã thọ ơn biết bao nhiêu người, bao nhiêu sắc dân xa lạ.

Vùng đất chúng tôi được hải quân Nam Dương cho lên là một làng đánh cá tên Teluk Dalam. Bãi cát mịn và trắng

phau, nổi bật những cây dừa cong xanh biếc, trên đảo có một giong suối đẹp. Sau này tôi mới biết Teluk Dalam là địa điểm du lịch thần tiên. Tôi đã sống những ngày tại đó mà không biết thưởng thức vì lòng ngổn ngang những lo lắng tương lai, những lo buồn cho người còn ở lại.



Anh Trương Minh Tiến và con trai khi đến Nam Dương

Mấy ngày sau đó, một vị linh mục người Pháp lặn lội đến thăm chúng tôi. Cha nói tiếng Việt rất lưu loát và qua cha, các phái đoàn cứu trợ đã nhanh chóng đến giúp đỡ chúng tôi, trong số đó có Hội Hồng Thập Tự và Hội Tere des Homes.

Phái đoàn Canada, Úc đến phỏng vấn trước. Một số được nhận vui mừng, một số bị từ chối buồn ỉn ỉu. Tôi muốn đi Mỹ nhưng chờ hoài không thấy. Đến khi trên đảo xảy ra bệnh dịch tả, tôi hoảng sợ muốn rời nơi này càng nhanh càng tốt thì đúng lúc phái đoàn Đức đến. Họ cho biết họ không cần phỏng vấn, ai muốn đi thì ghi tên ngay và hai tuần sau sẽ có chuyến bay qua Đức. Yêu tố nhận người dễ dãi không qua thanh lọc một cách nhân đạo và nhanh chóng của Đức đã khiến tôi quyết định đi Đức và đúng như lời nói của đại diện lãnh sự quán Đức, chỉ hai tuần sau khi ghi tên, đầu tháng 10 năm 1979 tôi có mặt trên nước Đức.

Cô bé chặt dây thừng đi Canada. Nhóm các anh chị em làng đánh cá Phan Thiết trong đó có cha cháu bé bị thủy táng trong lòng biển Nam Dương cũng cùng chúng tôi sang Đức. Hai giáo sư, viết lá thư tiếng Anh gửi lên các ông Mỹ trên giàn khoan, định cư tại Mỹ. Chúng tôi vẫn liên lạc và có dịp gặp lại. Gần đây nhiều anh chị đã ra đi. Những anh chị đó có người chưa hề một lần trở lại Việt Nam.

Biết bao người bỏ xác trên đường vượt biển. Chúng tôi may mắn sống sót. Tôi tâm nguyện sống sao cho xứng đáng với công ơn những người đã cứu mang giúp đỡ, sống sao cho đúng tư cách một người tỵ nạn Cộng Sản. Các cháu bé ngày xưa và cháu bé đã cần tay tôi đau điếng nay cũng đã thành gia thất. Những người con gái bị hãm hiếp trên tàu ngày ấy đều định cư bên Mỹ, hy vọng thời gian và cuộc sống mới đã nguôi ngoai vết thương đau đớn đó.

Chúng tôi không liên lạc được hết nhưng hy vọng mọi người đều có cuộc sống an bình, thịnh vượng sau chuyến hải hành gian truân và đầy sóng gió.

Đến nay, bốn mươi lăm năm rồi người Việt tại quê hương vẫn tìm mọi cách để ra đi. Vì sao? Bởi lẽ gì?

Đất nước VN giờ đối với tôi chỉ là mảnh đất của những ngày thơ ấu. Quê hương tôi bây giờ là nơi đây, đất nước bao dung Đức Quốc. Nơi tôi đã sống gần gấp đôi số năm tôi sống nơi đất Việt.

Phi Nga

Gương Sáng Hy Sinh và Lòng Thủy Chung Cao Quý

(Câu chuyện sau đây có thật đã xảy ra tại một tỉnh lớn Miền Trung nước Đức, vì tôn trọng người ra đi và thân nhân còn ở lại nên BT xin được thay đổi danh xưng và vài chi tiết. Kính mong quý độc giả thông cảm.)

Buổi chiều tan sở tôi như bị cuốn theo làn sóng người trong nhà ga xe lửa.

Tiếng cười nói huyên thuyên, tiếng đàn ca của những nghệ sỹ vỉa hè hoà lẫn mùi nước hoa, thuốc lá, thức ăn... làm giác quan tôi gần như bị tắc nghẽn.

Tôi nhanh chân bước vào toa xe lửa đang chờ sẵn. Thoáng thấy một người đàn ông Việt Nam tôi quen,

ông Kiên, đang ngồi lặng lẽ ở hàng ghế cuối cùng. Hôm nào gặp ông tôi cũng thấy ông ngồi chỗ này, gần như bất di bất dịch.

Lẽ ra tôi tìm chỗ ngồi gần người đồng hương này để trò chuyện trong thời gian cùng đi một đoạn đường tàu, nhưng tôi lại kín đáo nhón gót tìm một chỗ ngồi xa khuất, vì thấy ông Kiên như đắm chìm vào thế giới xa xăm nào đó với nét mặt buồn bã đăm chiêu, vài sợi tóc bạc lòa xòa trên trán.

Lòng tôi chùng xuống không muốn quấy rầy thế giới thâm kín riêng tư của người đồng hương, mà tôi biết cuộc đời ông phải chịu nhiều bề bộn trên đất khách...

Tháng Tư 1975 sau khi cưỡng chiếm miền Nam bằng súng đạn và phản bội những điều cam kết trước quốc tế, nhà nước CSVN bắt đầu ào ạt mở rộng chiến dịch vơ vét cướp bóc tài sản được gây dựng bằng mồ hôi nước mắt và sức lao động của người dân miền Nam qua chiến dịch đánh Tư Bản Mại Sảm, tịch thu nhà đất dinh thự ruộng vườn, cơ sở kinh doanh, tài sản tôn giáo, lưu đày Quân Cán Chính Miền Nam Việt Nam vào những trại tù khổ sai mà họ gọi là “học tập cải tạo”, và nhiều lần đột ngột mở chiến dịch đổi tiền.

Chỉ vồn vện có một đêm, sáng hôm sau người dân miền Nam đau đớn còn lại hai bàn tay trắng . Tiếng oán than thấu tận đất trời...

Cùng chung số phận với hàng triệu dân Miền Nam bất hạnh, gia đình Ông Kiên hoàn toàn kiệt quệ, trong hoàn cảnh tuyệt vọng, nỗi đau khổ vô biên, Ông Kiên liền chết cùng với gia đình bỏ nước ra đi.

Một lần nữa nhà nước CSVN lại sử dụng xảo thuật gian manh cố hữu là xuất cảnh người qua chiến dịch: “xuất cảnh bán chính thức”. Một đầu người 10 cây vàng, lên taxi 3 cây vàng (từ ghe nhỏ ra tàu lớn đậu ngoài khơi Vũng Tàu) với điều kiện người ra đi không được mang theo bất cứ tài sản nào mà phải “dâng hiến” cho nhà nước.

Sau khi năn nỉ đi vay mượn khắp nơi, gia đình ông Kiên bước lên chiếc tàu Huê Phong vào tháng 12 năm 1978 và cập bến Hồng Kông sau 5 ngày thuận buồm xuôi gió.

Tháng 2 năm 1979, gia đình ông Kiên có tên trong danh sách được tỵ nạn tại Cộng Hoà Liên Bang Đức. Chính quyền và nhân dân Đức đã mở rộng tấm lòng nhân đạo để đón nhận và cu r mang những người Việt Nam bất hạnh liền chết vượt biên, vượt biên ra đi tìm Tự Do trên quê hương mới.

Trong niềm hạnh phúc vô biên ông bà Kiên cứ ngỡ như được hồi sinh.

Mang trong lòng niềm tri ân nước Đức đã cu r mang gia đình mình nên ông Kiên đã siêng năng, cần mẫn làm việc và cả gia đình vô cùng lạc quan để làm lại cuộc đời.

Ông được Cơ Quan Xã Hội giới thiệu cho một việc làm trong Kantine của một ngân hàng lớn trong tỉnh. Bà Kiên, người vợ hiền hòa, chơn chất, đảm đang thì ở nhà chăm lo cho chồng và đàn con thơ 4 đứa.

Hạnh phúc bình dị này tưởng chừng như là mãi mãi.

Một buổi sáng Bà Kiên thức dậy thấy đau đớn và khác lạ trong người, bà hàng xóm tốt bụng người Đức vội vàng đưa bà Kiên đi khám bác sỹ. Sau khi khám xong, bác sỹ cho biết bà Kiên phải được soi bao tử để tìm ra nguyên do căn bệnh.

Ngày hẹn đã đến, bà được BS chích vào người chất Kontrastmittel để soi ruột, sau đó bà Kiên mê man không tỉnh dậy. Một tuần, hai tuần, rồi một tháng, hai tháng trôi qua... Bà Kiên đã thật sự đi vào cơn hôn mê (koma).

Ông Kiên vô cùng đau đớn trước bệnh tình nguy kịch của vợ. Cả cộng đồng Người Việt Nam Tỵ Nạn đều bàng hoàng thương xót cho gia đình ông Kiên nên xúm lại an ủi thăm nom, thay nhau giúp đỡ ông và chăm sóc đàn con nhỏ.

Một tháng sau bà Kiên được chuyển đến một bệnh viện chuyên môn chữa trị về koma, cách nhà khoảng 100 km.

Trong nghịch cảnh đau đớn và bất ngờ này, Ông Kiên bị đẩy vào hoàn cảnh “gà trống nuôi con”, vừa đi làm vừa nấu nướng chăm sóc cho đàn con dại 4 đứa và mỗi cuối tuần phải đi xa thăm viếng vợ, nên hình dáng ông mỗi ngày một tiêu tụy, hốc hác và ông trở nên lặng lẽ hơn bao giờ.

Trong nghịch cảnh này thì tình đồng hương, tình nhân loại thể hiện trọn vẹn ý nghĩa cao đẹp nhất. Ông Brinkmaler, một nhân viên xã hội, thương tình nên mỗi cuối tuần đều tận tụy, hy sinh thì giờ chờ ông Kiên đến thăm vợ trong bệnh viện.

Bác sỹ khuyên ông: sự thăm viếng và chuyện trò của ông và các con là một liều thuốc nhiệm màu, hiệu quả nhất để giúp cho bà Kiên mau hồi sinh. Nghe theo lời khuyên của bác sỹ, mỗi lần ông Kiên đến thăm bà ở bệnh viện, ông cầm tay bà tâm sự, kể về niềm nhớ thương vô biên và nỗi vất vả của ông hàng ngày khi vắng bóng vợ hiền.

Ngày qua tháng lại, ông vẫn kiên nhẫn chuyện trò cùng người vợ đang nằm bất động với niềm hy vọng vợ mình sẽ thức tỉnh sau giấc ngủ dài và trở về sum họp cùng ông và đàn con dại.

Xuân qua, hạ đến, thu tàn, đông sang... Thấm thoát mà bà Kiên đã koma hơn 5 năm dài. Tâm lòng thủy chung của ông Kiên vẫn không hề phai nhạt, ông vẫn thương yêu, kiên nhẫn thăm viếng vợ mình, vẫn ngồi bên bà kể về những nỗi niềm cô đơn quanh vắng qua dòng nước mắt và vẫn làm tròn bổn phận “gà trống nuôi con”

Có những lúc đêm về khi các con ông đã an giấc, ngồi một mình trước bức ảnh vợ, ông Kiên lầm bầm nói chuyện một mình giữa đêm khuya thanh vắng. Ông tin tưởng rằng với tình yêu tuyệt đối của ông qua thân giao cách cảm, bà Kiên ở trong bệnh viện sẽ cảm nhận được và những dòng máu đỏ sẽ được kích thích, luân lưu bình thường trở lại trong cơ thể để giúp bà Kiên được hồi sinh.

Có những đêm ông đã miên man kể về nỗi niềm xúc động cho đến khi mệt mỏi và ngủ thiếp đi lúc nào không biết...

Một ngày cuối hạ, xóm ty nạn chúng tôi bàng hoàng được tin động trời là ông Kiên sắp ra tòa xin ly dị để lấy vợ mới.

Lúc này thì những ý kiến thuận nghịch, khen chê tha hồ được bàn tán như một đề tài nóng bỏng nhất trong thành phố chúng tôi đang cư ngụ. Có người còn thêm bớt vào câu chuyện cho thêm đậm đà, gay cấn.

Việc ra tòa xin ly dị của ông Kiên được dấu kỹ, nhưng không hiểu tại sao cả xóm người Việt Nam đều hay biết rõ ràng chi tiết, rành mạch khúc nôi.

Ngày phiên tòa ấn định, không hẹn mà có rất đông đồng hương Việt Nam bỏ cả công ăn việc làm để đến tham dự. Một phiên tòa hy hữu trong tỉnh nhà.

Hôm ấy ông Kiên vẫn lặng lẽ như thường lệ, nhưng đôi mắt thì sâu và thâm quầng như người đã trải qua những đêm dài thao thức. Chúng tôi đều xúc động và hồi hộp nhìn ông như muốn gọi gắm một tấm lòng thương yêu và thông cảm.

Khi vị chánh án đọc tóm tắt tên tuổi, đời sống, nguyên nhân ly dị thì đôi mắt ông Kiên bắt đầu đỏ hoe... Người thông dịch thì dịch trong nỗi niềm xúc động.

Cuối cùng ông chánh án hỏi ông Kiên thêm một lần nữa:

- Ông Trần thân mến, ông đã suy nghĩ chính chắn chưa, có phải ông thật sự muốn ly dị vợ hay không?

Khi người thông dịch nói đến câu hỏi này, bất chợt ông Kiên òa lên khóc... Tiếng khóc của ông vang dội trong căn phòng tĩnh lặng của tòa án. Mọi người hiện diện đều lặng im trong nỗi bàng hoàng thương xót. Ông Kiên ôm mặt khóc. Trong tiếng nức nghẹn ngào, ông kể:

- Cuộc đời chúng tôi gặp muôn vàn đau khổ. Chúng tôi thương nhau từ thuở còn nghèo khó, vì lánh nạn CS nên chúng tôi phải tha phương xứ người. Chúng tôi đã chia sẻ với nhau qua bao thăng

trầm trong cuộc sống. Vợ tôi là một phụ nữ hiền lành nhân hậu, suốt cả cuộc đời làm vợ làm mẹ chưa bao giờ bà ấy có được một ngày an nhàn sung sướng. Tôi muốn chờ đợi vợ tôi ngày bà tỉnh dậy...

Thế rồi Ông Kiên khóc thật to , như chưa bao giờ được khóc:

- Em ơi cha con anh khổ lắm em có biết hay không? Thương anh và con em mau tỉnh dậy.

Ông Kiên vừa nói vừa khóc, tức tưởi nghẹn ngào. Đầu đây âm vang tiếng sụt sùi của những người dự thính và có những giòng nước mắt đã hòa theo với người đàn ông bất hạnh này.

Vị chánh án kiên nhẫn nghe ông Kiên khóc và kể lể mà nét mặt đầy nỗi xúc động. Ông Brinkmaler, người chuyên viên xã hội, thì ôm vai ông Kiên vỗ về an ủi.

Sau khi thấy ông Kiên đã tìm lại một chút bình tĩnh, vị chánh án đàng hăng và thân thiện hỏi:

- Ông Trần thân mến, tôi rất xúc động trước tâm lòng chung thủy của ông. Tôi cũng hiểu nỗi đau khổ của ông, từ khi vợ ông mắc bệnh nặng, nhưng có một điều tôi hoàn toàn không hiểu được, ông thương vợ thương con, ông đã chịu đựng hơn 5 năm dài thế thì tại sao hôm nay ông lại làm đơn xin ly dị?

Khi hiểu câu hỏi của vị chánh án, tức khắc ông Kiên chỉ tay về phía người chuyên viên xã hội, trả lời qua tiếng nấc:

- Ông Brinkmaler xúi tôi ly dị và giới thiệu tôi cưới một bà vợ mới.

Cả phòng đều ồ lên trong nỗi kinh ngạc. Một thoáng suy nghĩ, vị chánh án nhìn người nhân viên xã hội nghiêm khắc hỏi:

- Ông Brinkmaler xin ông xác nhận lời nói của ông Trần đúng hay sai và cho biết nguyên nhân tại sao?

Ông Brinkmaler với đôi mắt đỏ hoe, lúng túng trả lời trong nỗi nghẹn ngào:

- Không có ai hiểu tôi bằng ông Trần, quý vị có biết tôi cũng không tâm biết đường nào hay không? Mỗi cuối tuần tôi lái xe đưa Ông Trần đi thăm bà trong bệnh viện, vì tôi thương xót và cảm động trước hoàn cảnh trái ngang của ông ấy... nên tôi... tôi phải ngồi hàng giờ nhìn và nghe ông Trần tâm sự với vợ qua tiếng khóc. Tuy tôi không hiểu hết nhưng tôi cảm nhận được nỗi đớn đau trong lòng của người đàn ông Việt Nam này, nếu là người Đức chúng tôi thì chắc chắn rằng không có sự việc xảy ra như ngày hôm nay.

Tôi thấy ông Trần mỗi ngày càng tiều tụy ốm yếu. Các con ông thì còn quá nhỏ dại, ông Trần cần có một người vợ bên cạnh để chia sẻ với ông những nỗi nhọc nhằn trên quê hương mới, khi mà tất cả còn rất nhiều xa lạ bờ ngõ.

Tại sao chúng ta không suy nghĩ thực tế? Tại sao chúng ta không nghĩ về tương lai 4 đứa con của ông Trần. Tại sao, tại sao?

Cho đến hôm nay 5 năm đã trôi qua, ông Trần có giải quyết được vấn đề này không?

Quý vị có biết những lúc ông Trần đau ốm cũng tôi đưa ông ấy đi bác sỹ, tôi phải đi chợ và nấu cho các con ông ấy ăn, đưa các con ông ấy tới trường học, nhà trẻ...

Tôi rất vui và hạnh phúc khi giúp gia đình ông Trần, nhưng 5 năm qua bà Trần vẫn không bình phục, không hồi tỉnh, thì chúng ta phải làm sao bây giờ. Xin tất cả hiểu cho tấm lòng tôi...

Sau phiên tòa hy hữu đó thì cuộc đời ông Kiên vẫn không thay đổi, ông vẫn tự nguyện làm thân "gà trống nuôi con" như ngày nào.

Duyên tụ , nhân sinh, duyên sinh , nhân biến, duyên biến, nhân diệt.

Vài tháng sau, trong một ngày cuối đông, bà Kiên đã thật sự từ giã chồng con, âm thầm ra đi.

Ngày tang lễ của bà Kiên có rất đông bà con, bạn bè thân quen tham dự, tuy không nói ra nhưng tất cả đều xúc động và nghĩ trong lòng “như thế còn hơn...”

Riêng người chuyên viên xã hội giàu lòng nhân ái, ông Brinkmaler, sau đó cũng vĩnh viễn từ biệt chúng tôi, ra đi bởi một căn bệnh thời đại, khi tuổi đời ông còn quá trẻ.

Xóm ty nạn chúng tôi buồn hiu hắt như đã mất đi một người thân thương trong gia đình.

"Cứ ngỡ sum vầy trên đất khách,
Nào ngờ lưu lạc cõi trăm năm.
Người đi vàng đá ngời son sắt,
Kẽ ở năm canh lạnh chỗ nằm."

Thương bây con dại, nhớ người vợ hiền, nên từ đó ông Kiên nguyện làm chiếc lá úa, đơn độc giữa giòng đời xuôi ngược.

Con ông tìm được chỗ học hành hay việc làm ở đâu, ông dọn nhà theo đến đ. Ông thuê một căn nhà nhỏ sống một mình, để được gần cạnh các con.

Mỗi ngày, ông thương yêu chăm chút nấu cho con những món ăn quê hương thơm mát ngon lành, giặt ủi cho con từng manh quần áo, lo lắng thuốc men cho con lúc ốm đau, an ủi con khi chúng vấp ngã trên đường đời vạn nẻo...

Niềm hạnh phúc vô vàn và độc nhất của cuộc đời ông Kiên trên quê người là buổi chiều về mấy cha con quay quần bên mâm cơm nóng hổi, vừa ăn vừa nói chuyện trong tình thương yêu đầm ấm, và thường nhắc nhớ đến người mẹ hiền, người vợ nhân hậu đã vĩnh viễn ra đi.

Những chú gà con mổ côi mẹ năm xưa, giờ này đã đủ lông đủ cánh, thích bay nhảy trong cuộc đời đầy quyến rũ, nên có những buổi chiều về trên đất khách, trong căn nhà quạnh hiu, ông Kiên thường ôm hình vợ trong tay, chờ đợi con về bên mâm cơm mà đôi lúc tưởng chừng như mòn mỏi sắp hóa đá...

Ngày tháng qua đi... Từ lúc ông Kiên xa rời chốn cũ, chúng tôi không còn gặp gỡ ông thường xuyên nữa. Thỉnh thoảng ông mới về thăm lại thành phố xưa, nơi cất giữ kỷ niệm một quãng đời êm ấm.

Ông Kiên từ già chúng tôi dọn nhà đi xa nhưng đã để lại cho chúng tôi một gương sáng của hy sinh và thủy chung cao quý.

Phạm Thị Bích Thủy

RÕ ĐỎ!

Dịch Wuhan? Thuốc ngừa đang tiêm trước
Chẳng phải mua, được miễn phí, cứ là
Liệu chưa thừa đã lấu cá bán mua?
Ôi thần dược! Bao giờ dân tôi hưởng?
Ý Nga, 5.4.2021

Gửi Người Tù Xứ Việt

Tôi đã gặp người Tù Nhân Xứ Việt,
Ôm xanh xao lê những tấm thân tàn.
Nhưng đôi mắt, ôi! Rực niềm tha thiết,
Vững tin vào ngày Quang Phục Quê Hương.

Niềm tin đó đồng hành tôi ngàn dặm,
Sống quê người áp ủ một bình minh.

QUÀ VỪA NHẬN

Nhạc kiêu hãnh nhịp nhanh dồn trống thúc

Ai: “*Phổ thơ đã chuyển lửa đấu tranh!*”

Người vô danh nhưng đáng kính lòng thành

Thơ áp ủ, nhạc mông mênh soái cánh.

Ý Nga, 4.4.2021

AI?

Ai người yêu Nước thương Nòi

Lần ranh phân định rạch ròi Cộng, ta?

Ai thuyền nhân vẫn Quốc gia

Biển Đông biển động, xót xa nhìn về?

Ý Nga, 1.4.2021

MỞ CỬA SAO DUNG RÀO?

Người “dung”: mở cửa rước vào

Trong Nhà: xây dựng hàng rào trốn chung

Nực cười giấc mộng đại đồng

Nước nào cũng nhuộm hồng hồng giống nhau.

Rõ ra khác biệt vàng thau!

Ý Nga, 3.4.2021

CỘNG SẢN

Rác rưởi rõ rành rành

Dừng dừng dung dựa dẫm

Thối thắm tháp tòa tanh

Bái bầm bày bày biện:

Khám!

Ý Nga, 2.4.2021

Nước mắt nhà tan ôi! đau đớn nhục hình,
Sống chôn lưu vong vẫn giữ tròn tiết tháo.

Hôm nay ngày hội ngộ giữa quê người.

Gửi về Anh lòng cảm thương sâu sắc,

Gửi về Chị niềm tin yêu thán phục:

Bền chí đấu tranh bất chấp ngục tù.

Chào Anh nhé Người Tù Nhân dũng cảm,
Sáng tinh sương Anh cuốc đất nông trường.

Ươm hạt mầm trên mảnh đất Quê Hương,

Hoa Dân Chủ trái Tự Do nở rộ.

Chào Chị nhé Người Nữ Tù quyết liệt,

Yêu quê hương nên thân gái dặm trường

Xót đồng bào đói khổ khắp muôn phương,

Sống tử nhục bên công đường khiêu kiện.

Vững lòng nhé Người Tù Nhân Xứ Việt,

Có nghe chẳng lời gọi khắp non sông.

Đang gào thét đòi Tự Do, Dân Chủ,

Nặng nề rọi qua đêm dài tăm tối,

Tùng đàn chim tìm tổ ấm bay về.

Tạm biệt nhé Người Tù Nhân Xứ Việt,

Hẹn gặp nhau ngày hội lớn Quê Hương,

Hẹn gặp nhau trên ngày vạn nẻo đường,

Nam-Trung-Bắc hân hoan Ngày Quang

Phục.

Phạm Thị Bích Thủy

MIỀN NAM MẾN YÊU

Dù chỉ được sống trong chính quyền Việt Nam Cộng Hoà vồn vẹn 9 năm, nhưng ký ức về khung trời tuổi thơ yên vui tươi đẹp, của Miền Nam mến yêu vẫn sống mãi trong tâm tưởng của tôi. Thuở ấy, đầu thập niên 1970s, tôi là cô bé tí tẹo, với mái tóc fashion... “muồm dứa hời đó”, cái trán dô và nick name Bé Tẹt (vì cái mũi tẹt).

Căn nhà mặt tiền của gia đình chúng tôi dùng làm quán nước giải khát do Má và chị Cả quán xuyến, vì Ba tôi là Cảnh Sát Quốc Gia đi làm cả ngày. Phía trước nhà là Trại Đoàn Du Khương,

tức là Trại Quân Cụ (Lục Quân Công Xưởng) của chính quyền VNCH. Đối diện Quân Cụ là một Club Mỹ giữa khu dân cư và hai trại gia binh. Chỉ trong đoạn đường hơn một cây số, đi từ trại Quân Cụ, còn có Trại Truyền Tin, Quân Nhu, Quân Trang là gặp ngã ba. Nếu rẽ trái là đến Thành Cổ Loa, Khu Thiết Giáp, và rẽ phải gặp ngã năm là Kho Đạn, Trại Quân Khuyển mà bà con gọi là Ngã Năm Chuồng Chó.

Hướng ngược lại từ nhà của chúng tôi, đi vài trăm mét là ngã ba Thông Tây. Rẽ phải đi lên Xóm Mới, còn rẽ trái đi thêm sẽ gặp Nhà Thờ Hạnh Thông Tây, đi nữa sẽ thấy Nghĩa Trang Quân Đội Gò Vấp (không phải Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hòa), cạnh Làng Trẻ Mồ Côi SOS. Nếu quý vị chưa mỗi chân, thì cứ đi tiếp lên Chợ Cầu, Trung Chánh và đến Quận Trường Quang Trung của những ngày cuối tuần rộn ràng “hôm nay ngày chúa nhật, vườn tao ngộ em đến thăm anh”.

Đến tuổi đi học, tôi học tiểu học trường Nguyễn Công Trứ, nằm trong khuôn viên Khu Quân Trang, hiệu trưởng là một Sĩ Quan (Thiếu Tá) VNCH. Vì là trường học thuộc quân đội, nên lũ “học sinh là người Tổ Quốc mong cho mai sau” chúng tôi cũng được hưởng chế độ viện trợ của Mỹ. Cứ ba lần trong tuần, có xe chở sữa đẩy đến cửa từng lớp học, đến lớp nào thì cô giáo lừa học sinh ra xếp hàng, mỗi em được một ly sữa tươi và một lát bánh mì mà chúng tôi gọi là “bánh mì Mỹ”. Tôi còn nhớ đó là sữa hiệu Foremost để vào ly nhựa màu xanh lá cây, có in chữ f màu trắng thật to. Ông anh Năm của tôi, lớn hơn tôi vài tuổi, buổi sáng hay dúi vào tay tôi cái bao đựng cơm sấy của quân đội (đã dùng xong), dặn dò: “Nếu em uống sữa không hết, nhớ bỏ vào bao đem về cho anh, nghe chưa! Sữa Mỹ thơm lắm, bỏ uống!”.

Lần đó, năm học lớp Ba, chúng tôi được Giáo Sư Nhạc Sỹ Lê Văn Khoa đến trường dạy một vài tiết mục múa hát để quay trên Tivi. Tôi không nhớ đòi Má sắm cho tôi đôi giày Bata mới toanh, mua thêm cái váy xanh áo trắng để tôi ...lên sóng. Đến ngày lên Đài Truyền Hình, thầy Hiệu Trưởng cho một chiếc xe cam nhông chở cả đoàn diễn viên nhí tới Đài, cho ăn uống bồi dưỡng trên xe, thật vui. Buổi chiều thu hình xong, xe chở về lại trường, mấy anh lính ra bệ từng đưa xuống xe, có phụ huynh chờ sẵn. Riêng tôi chưa thấy người nhà thì thầy Hiệu Trưởng nắm tay tôi:

“Bé Tẹt em cô Thanh bán cà phê đây mà, để chút Thầy đưa về!”.

Tôi bé tí, nhưng cũng biết bắt chước mấy người lớn trong xóm, trả lời: “Dạ, cảm ơn chú... Thiếu Tá!”

Miền Nam bị “giải phóng” khi tôi chưa đầy 9 tuổi, nhưng những kỷ niệm ngọt ngào của những ngày tháng thanh bình (trong thời loạn) chưa hề phai nhòa. Bên cạnh những ký ức êm đềm khi đi học như vừa kể ở trên, còn là những ngày nghỉ hè, tôi đòi Má cho dậy sớm lúc 4 giờ sáng, để xem Má đổ sữa đặc vào từng ly, khoảng vài chục cái như vậy, rồi bỏ cà phê vào vợt, chuẩn bị đón những vị khách đầu tiên. Họ là những công nhân hoặc lính tráng của những trại lính xung quanh. Là những ngày Tết nắng rực vàng, tôi mặc quần áo mới, đứng khép nép nơi bàn Ba tôi uống trà ăn mứt với khách, đợi tiền lì xì, rồi chạy xuống bếp tìm món thịt đông và chè kho, chạy qua phòng khách còn nghe tivi đang mở bài ca Xuân bất hủ: “Chúc người binh sĩ lên đàng, chiến đấu công thành, sáng cuộc đời lành, mừng người vì nước quên thân mình ..”

Là những buổi chiều, lũ trẻ con chúng tôi được người khách quen của quán, trong bộ quân phục oai hùng của quân lực VNCH, đưa cả đám lên xe chiếc Jeep còn vương bụi bặm hành quân hoặc bùn lầy thao trường, chạy một vòng quanh khu phố.

Là những người lính đủ cấp bậc, đủ màu da (vì còn có lính Mỹ, Đại Hàn, Philippines ...) vào quán nhà tôi uống bia Con Cọp, điều thuốc Capstan trên tay, với ánh mắt buồn vui bất chợt mà đứa trẻ đa sầu đa cảm như tôi cũng mơ hồ hiểu được

Và chẳng hiểu sao tôi vẫn nhớ như in, buổi trưa hôm ấy, tôi theo Má trên chuyến xe lam đi Chợ Cầu dự đám tang gia đình một người quen vừa có người con tử trận tại trận địa Phước Long.

Chiếc xe lam dừng tại Trung Chánh đón khách, trong tiếng ồn ào hỗn độn mời chào mua bán, một giọng hát ma mị từ chiếc radio của quán nước gần đó, rót vào hồn tôi và ở lại cho đến tận bây giờ, đây cảm xúc chơi vơi:

“Mùa hè năm nay, anh sẽ đưa em rời phố thị đôi ngày ...”.

Có lẽ đó là chút gam màu xám buồn trên bức tranh rục rờ “Miền Nam Mến Yêu” của tuổi thơ, tôi nguyện sẽ ôm ấp suốt cuộc đời này!

Tháng Tư Đen 2021

KIM LOAN

THƯ GỬI CHỒNG CẢI TẠO Ý HỢP TÂM ĐẦU LÀ ĐÔI TA

Anh ạ, từ khi anh vắng nhà
Hộ khẩu bốn người, nay còn ba
Gạo châu củi quế, đời vất vả
Thương lắm con thơ, tội mẹ già.

Sổ lương thực, mỗi người 9 ký
Vừa gạo, vừa khoai, vừa bo bo
Qua ngày đoạn tháng đời dẫu bề
Em chạy chợ trời, cũng tạm no.

Mua miếng thịt, mớ rau, khúc củi
Xếp hàng cả ngày, vã mồ hôi
Cô mậu dịch bán hàng phách lối
Mặt xia mảy sung. Khô thêm thối.

Chất chiu, dành dùm chờ thăm nuôi
Tóp mỡ, tôm khô, nếp nấu xôi...
Lệnh đổi tiền bất ngờ giáng xuống
Mất hết gia tài rồi anh ơi.

Bạn bè, người thân ít gặp nhau
Vì ai cũng đang mang nặng sầu
Thình thoảng nghe tin người “đi thoát”
Mừng giùm họ, em lại ước ao.

Đánh tư sản, rời kinh tế mới
Xô đầy bao thân phận lao đao
Chết tức trên rừng dưới suối
Em ngâm ngùi lo sợ mai sau.

Công an khu vực, mắt cú vọ
Tạm trú tạm vắng, rình ngày đêm
Mỗi tháng hội họp tổ dân phố
Khùng bỏ tinh thần đám dân đen.

Nhận thư anh, em đọc một mạch
Chưa kịp cảm ơn người đưa tin
Dân mình mến thương tù “cải tạo”
Nhiệt tình chuyển giúp dù không quen.

Ý hợp tâm đầu, là đôi ta
“Giải phóng” vào, tan cửa nát nhà
Anh trong tù nhỏ, đành câm nín
Tù lớn ngoài đời, em xông pha.

Tai họa ập xuống khắp Miền Nam
Nào đâu một mình em gian nan
Lá ngọc cành vàng, em đã trải
Giờ phải đổi thay, em sẵn sàng.

Nên em đảm đang lắm anh ơi
Sáng cơm nước xong, chạy chợ trời
Bám trụ Nguyễn Thông, Huỳnh Thúc Kháng
Vài hộp thuốc tây bán kiếm lời.

Hợp tổ dân phố, em có mặt
Gật gù “đường lối” với “chủ trương”
Giơ tay “nhất trí” và “đồng ý”
Tranh cãi làm gì. Thời nhiều nhường.

Thủy lợi đắp đê, em không ngại
Đạt “chỉ tiêu” vỡ đất, đào kinh
Người ta làm sao, em làm vậy
Để khỏi bị “kiểm điểm, phê bình”.

Đêm đêm giấc ngủ chưa tìm đến
Em mở băng cũ nghe nhạc vàng
Những tình khúc lãng mạn thời chiến
Một thuở Sài Gòn em với anh.

Chân yếu tay mềm, nào yên thân
Phải đi thủy lợi, phải đào kênh
Con khóc, con đau cũng đành chịu
Bởi vì “lao động là quang vinh”.

Mẹ già héo hon, rồi đổ bệnh
“Xuyên tâm liên” uống mãi chẳng lành
Mẹ xuôi tay một chiều mưa lạnh
Hơi thở sắp tàn, kêu tên anh.

Và còn bao nhiêu điều khác nữa
Em không thể kể hết ra đây
Địa ngục trần gian đang vây bủa
Đồng bào Miền Nam trong đắng cay.

Anh đọc thư này cẩn thận nha
Công em dấu kỹ trong gói quà
Quản giáo bắt được thì mết đấy:
Vợ phản động! Chồng đi mút mùa!

Mai một em lại gửi thư “chui”
Nói hết những cảnh khổ khắp nơi
Anh cứ làm bộ “học tập tốt”
Chờ đọc thư em kể chuyện đời!

KIM LOAN

Edmonton, Tháng Tư Đen

Ngày mai trở dậy, lại lo toan
Châu chực mua gạo, mua khoai lang
Anh đừng lo sợ em vất vả
Em đã biết “Cả Ngày Xếp Hàng”.

Em vui vì biết anh nơi ấy
Không cúi đầu, không làm “ăng-ten”
Không bán anh em, không nịnh bợ
Giữa cuộc đời, trắng thay đen.

Phút nghỉ ngơi trong giờ lao động
Nhìn mây trời thương nhớ vợ, con
Anh đã nuốt vào lòng tiếng khóc
Buồn riêng và buồn chung nước non.

Khinh thường bọn quản giáo, cán bộ
Dốt đặc cán mai, giỏi trả thù
Ngạo mạn cười lũ khi lên phố
Anh ung dung giữa chốn lao tù.

Đợi em nhé, lần thăm nuôi tới
Mình lại gặp nhau, lén trao thơ
Anh cứ giả vờ “học tập tốt”
Thế giới bên ngoài để em lo.

Chồng ở một nơi, vợ một nơi
Vẫn gần dù khoảng cách xa xôi
Vẫn nhắn nhủ nhau cùng “phản động”
Hai đứa mình thật là xứng đôi!

KIM LOAN

Edmonton, Tháng Tư Đen

HÀNH...



1 tô phở có bao nhiêu calo?



Đọc bằng đòn gánh, củ bằng bình vôi

Ai mua hành tôi thì thương tôi với!

Thưa quý vị, củ hành lớn nhất thế giới, theo truyền kể, được tưới bằng nước tắm là một bình thuốc do Tiên tặng cho anh nông dân để trị bệnh cho dân nhưng bà vợ tò mò lại đem ra để tắm rồi trở nên đẹp như Tiên khiến Vua phải vờ vào Triều. Bụi hành nhà anh nông dân nhờ được ơn mưa móc nên đã lớn khác thường, anh bèn cắt lấy đem vào Kinh rao bán cốt để thấy mặt vợ. Đáng tiếc là ngày xưa chưa có Guinness để ghi lại thành tích củ hành vĩ đại này!

Hành là gì?

Gớm! Quý vị có giả vờ ngây thơ cụ không mà hỏi ‘hành là gì’... Ngày nào mà quý vị chả ăn hành, trừ phi là quý vị ăn chay và nhà nào mà chả có một bịch hành để nấu nướng. Hành được bán đầy ra ở chợ. Có nhiều loại hành lắm nghe quý ông - điều này Sao Khuê chỉ dám nói với quý ông thôi chứ quý bà - là những người lợi chợ - lợi hết từ chợ này đến chợ kia thì còn lạ gì hành nữa. Vậy xin phép quý bà cho Sao Khuê cà kê dê ngỗng ít điều về Hành.

Trước hết, Hành là cây hành. Có nhiều loại cây hành:

Hành ta, Tây gọi là échalote tên khoa học là *Allium ascaonian*, họ Liliaceae, thân thảo, cao chừng hai gang tay, thân rồng màu xanh mà ta quen gọi là lá hành. Đây là loại cây có củ và sinh sôi nảy nở bằng cách phân củ. Khi trưởng thành, hành được nhổ, đem bán gồm cả củ lẫn lá, ta gọi là hành lá, củ hành khi đó trắng tươi, nhỏ chỉ bằng đốt ngón tay....

Khi cây già, lá cũng... già theo, người ta nhổ lên, lấy củ, đem phơi khô, khi đó hành được gọi là hành củ.

Không phải chỉ có con lợn mới ừ ừ mua hành cho tôi mà tất cả các động vật đều đòi ... ăn hành: con gà, con thỏ, con vịt, con bò... đều cần có hành mới thành món ăn ngon được!

Ở Việt nam, trước quầy phở nào cũng có một bó hành lá, phần lá đã cắt bớt để bày lên tô phở, phần còn lại đợi khách vào và gọi: cho một tô tái nạm gầu, hành trần nước béo là ông hàng phở chỉ việc lấy một cọng hành treo tòn teng trước mặt rồi thả vào nồi nước phở đang sôi ừng ục, rồi kể đó vớt ra đặt lên tô phở, sau khi đã rải một lớp hành hoa sắt nhỏ (miền Bắc còn gọi hành lá là hành hoa)

Mì, bún, bánh xèo, bánh cuốn... cái gì cũng cần hành hết.

Oignon tức hành tây, ta gọi như thế vì củ to và chỉ trồng được nhiều ở nơi lạnh lạnh. Hành tây không phải gốc ở bên Tây như chúng ta tưởng.

Hành đã có từ 5000 năm trước, có lẽ xuất phát từ Á Châu vùng Trung Á, Palestine. Người Egypte đặc biệt rất thích ăn hành và coi hành là phẩm vật để dâng lên Thượng Đế, rồi sợ chết đi, xuống âm phủ không có hành để ăn, người ta còn trử hành trong phần mộ! Người ta tìm thấy hành trong mộ của Toutankhamon –Ai cập. Hành còn được dùng để trả lương cho nô lệ xây Kim tự tháp.

Người Gaulois thì còn tin hành có thể dự báo thời tiết, trồng hành mà được mùa thì mùa đông năm đó rét phải biết... giống như Việt nam ta có câu ‘được mùa cau đầu mùa lúa’.

Từ thời Trung Cổ, hành là gia vị chủ yếu trong nhà, nhất là ở Bắc Âu.

Hành do Christophe Colomb đem vào Mỹ sau lần du hành thứ hai, năm 1493, rồi đến ngày nay thì đâu đâu cũng ăn và trồng hành. Múc tiêu thụ của hành đứng hàng thứ nhì chỉ sau cà chua.

Hàng năm, cả thế giới ăn cỡ... 44 triệu tấn hành!

Hành có nhiều hình dáng, kích thước và màu sắc khác nhau, từ tròn tới hình trái lê, từ vàng cam đến nâu nâu, đỏ đỏ, tím tím.

Vị củ hành hăng hăng, thay đổi không những theo loại hành mà còn theo khí hậu của nơi trồng hành nữa. Người ta bảo hành Espagnol là dịu nhất.

Hành màu trắng được thu nhập vào cuối xuân, khi hành vừa mới trưởng thành, đến cuối hè lá đã úa, hành đã già, màu trở nên đậm hơn: vàng úa, cam, đỏ, tím, v.v được phơi khô và đem bán. Lớp vỏ ngoài thì khô nhưng bên trong lúc nào hành cũng còn tươi.

Bình thường, đừng sờ tới, hành không có mùi. Chất dầu trong hành dễ bay hơi, chỉ tiết ra khi ta cắt củ hành, lúc đó hành có mùi hăng hăng và làm cho chúng ta bị chảy nước mắt.

Mùi, vị củ hành là do những chất soufré - chứa gốc lưu huỳnh - có nhiều trong hành, có người thì bảo thơm, có người lại bảo là hôi.

Hành chứa nhiều sinh tố và khoáng chất, nhất là vitamine B, C, Calcium, sắt, potassium nên người ta nghĩ hành là chất bổ, giúp cho dễ tiêu hoá, làm lợi tiểu và làm hưng phấn.

Người ta còn gán cho hành tính diệt trùng (antiseptic), diệt khuẩn (antiviral), trị viêm (anti-inflammatoire), làm long đờm.

Hành có tính lợi tiểu khi ăn sống, nhuận trường khi ăn chín.

Hành trị phong thấp, làm giảm đường và bổ tim mạch.

Người ta đã dùng nước hành ép (lotion) để làm mau lành vết thương và ngay cả để làm cho tóc mọc.

Người ta treo hành trước cửa để ngừa bệnh dịch, chắc là vi trùng hay ma quỷ sợ mùi hành mà tránh xa.

Người Ấn Độ dùng hành để trị bệnh bằng cách sắc, nấu, ép lấy nước uống, ăn sống hay ăn chín củ hành, v.v.

Vì hành là loại cây rất phức tạp do chứa nhiều chất khác nhau nên đến nay người ta chưa cả quyết đâu là chất chính để cho ra những đặc tính của hành, tuy vậy Ủy ban quốc tế bảo vệ sức khỏe xác nhận là hành làm cho ăn ngon miệng và ngừa được chứng arthérosclérose.

Các nhà khoa học cũng đã bỏ ra khỏi thời gian để nghiên cứu về hành trong việc phòng bệnh và trị bệnh như:

- Ngừa bệnh tim mạch: tính làm giảm mỡ của hành – hypolipidémiantes - đã được xác nhận in vitro và in vivo, tính antiplaquetaire - chống đông máu - thường thấy rõ khi cho con vật ăn hành sống.

- Hành có chứa chất quercétine, một flavonoïde chứa có tính chống lại athérosclérose nhưng rất yếu.

- Các nhà nghiên cứu người Đức cho biết những viên thuốc chứa hành được nghiền nát với dầu olive có thể làm hạ huyết áp và làm cho máu loãng ra sau 5 giờ dùng thuốc. Nếu cho sáu bà mạnh khỏe ăn nhiều hành thì thấy hành có thể chống stress oxydatif và ngừa được bệnh tim mạch (stress oxydatif là chứng do cơ thể hoặc có nhiều radicaux libres hoặc bị giảm tính oxydantes)

- Hành có thể ngừa ung thư được không?

Vì hành có tính antioxydants nên người ta nghĩ hành có thể ngừa được ung thư như ung thư bao tử, thực quản, phổi và vú. Những tế bào ung thư mất tính chất tự phân hoá để sinh trưởng nên sinh trưởng loạn xạ ngẫu mà các nhà nghiên cứu Nhật Bản cho là Hành có thể... giáo dục những tế bào ung thư, dạy cho nó biết tự phân hóa trở lại để sinh trưởng cho đàng hoàng.

Những nhà nghiên cứu Hy Lạp, mới đây thấy rằng khi nấu chín, hành mất tính chống oxid hóa-antioxydant - nên bây giờ món salad Grec chỉ có hành sống, cà chua, olives đen với fromage feta mà thôi.

Nhờ có chứa những gốc của chất soufre - lưu huỳnh - nên hành có khả năng tiệt trùng trong chứng bệnh về răng lợi, chắc là vi khuẩn cũng biết sợ mùi hôi của hành mà chạy xa!

Tính làm giảm đường của hành đã được chứng thực trên cả chuột lẫn người. Hành hiệu nghiệm như là insuline vậy nhờ những acides aminés sulfoxydes che chở cho insuline trong cơ thể không bị hủy đồng thời còn giúp tụy tạng – pancreas - sản xuất ra insuline.

Nước ép của hành nếu được xoa trên da đầu ngày hai lần cũng giúp cho tóc mọc nhưng chớ ai dám thoa vì hôi chết!

Củ tỏi đã được sản xuất thành viên, bán ở nhà thuốc nhưng hành thì chưa, dù được tính củ hành đã được xác nhận nên cho đến nay hành chỉ được dùng để ăn. Có người cho hành là gia vị, nhưng cũng có người cho hành là hương liệu (hoá ra mùi hôi cũng là mùi hương).

Có nhiều cách để ăn hành: ăn sống hay ăn chín, ăn hành một mình hay ăn chung với các thứ khác. Có nhiều cách nấu nhưng trăm hay không bằng tay quen, cần phải... Thực hành thì mới biết làm mà ăn, vì Thực là ăn, thực hành là... ăn hành!

Quý vị lắc đầu, chán nản! viết thế mà cũng đòi viết!

Vâng! biết rồi! thực hành là phải LÀM trong thực tế. Vậy thì HÀNH còn có nghĩa là LÀM tức hành sự.

- Việc làm lung tung của một người là hành vi, hành tung, hành động, hành xử ...
- Việc làm lộn xộn của nhà nước là hành pháp, hành chính.
- Hành khiển là ông thần điều khiển việc trần gian trong năm.
- Làm điều hung ác thì gọi là hành hung, làm... hạ người ta xuống gọi là ...hành hạ, nếu tự mình hành hạ mình thì gọi là hành xác
- Giết người là hành hình hay hành quyết v.v.
- Làm điều thiện thay trời là thể thiên hành đạo

Còn nữa, muốn Làm thường phải Đi nên Hành còn có nghĩa là Đi. Quý vị đi trong nhà, từ chỗ nọ sang chỗ kia qua cái gọi là hành lang, người đi bộ ra ngoài gọi là bộ hành; người đi xe, đi thuyền được gọi là hành khách; người đi đường xa gọi là lữ hành; người đi một mình gọi là độc hành, người phi thân - ý không phải, đi bằng phi thuyền là phi hành gia; khi dẫn quân lính đi gọi là hành binh hay hành quân và khi đi đâu xa quý vị phải mang theo hành lý.

Nhà sư, khi đi bộ là hành cước, khi đi truyền giáo là hành giáo, đi xin ăn là hành giả, vừa đi vừa thiền gọi là Thiền hành.

Người ta mà đi xin ăn thì là hành khát (khát là xin).

Kim Dung có bộ truyện là “Hiệp khách hành” tức là người đi làm hiệp khách.

Trong âm nhạc, bài ca cho binh lính đi hành quân gọi là khúc quân hành hay hành - quân -ca (ai có nghe tiếng hát hành quân xa, mà không nhớ thương người mẹ già, ngồi đan áo cho con)

Mỗi nhà văn có một cách viết riêng gọi là cách hành văn. Người làm sao thì viết văn làm vậy (le style c'est l'homme).

Trong thi ca có một thể thơ gọi là Hành.

Khi nói đến thể Hành, người ta nghĩ ngay đến Tỳ bà hành của Bạch Cư Dị:

Bến Tầm Dương canh khuya đưa khách
Quạnh hơi thu lau lách đìu hiu
Người xuống ngựa, khách dừng chèo
Chén quỳnh mong cạn, nhớ chiều trúc tỉ

Vì vậy Hành trước hết phải là một bài thơ dài, phải không quý vị? nhưng phải dài tới cỡ bao nhiêu mới gọi là Hành. Cái này thì Sao Khuê mù tịt, tuy vậy Sao Khuê là người hay bắt chước - ai làm sao tôi làm vậy, ai làm vậy tôi làm theo - Tỳ bà hành dài quá, không bắt chước được nhưng còn những bài khác ngắn hơn mà cũng nổi tiếng như bài **Hành Phương Nam** của Nguyễn

Bính, tội gì mà không bắt chước. Nguyễn Bính cùng người bạn, lưu lạc ở tận... miền nam Việt Nam. Thi sĩ mới có đi từ Bắc vào Nam mà đã như đi xa lắm. Mới quý vị đọc:

Hành Phương Nam

Hai ta lưu lạc phương Nam này
Trái mấy mùa qua én nhận bay
Xuân đến khắp trời hoa rượu nở
Riêng ta với người buồn vậ thay
Lòng đắng, xá gì non hóp rượu
Mà không uống cạn, mà không say
Lời thề buổi ấy cầu Tư Mã
Mà áo khinh cừ không ai may
Người giam chí lớn vòng cơm áo
Ta trói thân vào nợ nước mây
Ai biết thương nhau từ thuở trước
Bây giờ gặp nhau trong phút giây
Nợ tình chưa trả, tròn một món
Sòng đời thua trắng đến hai tay
Quê nhà xa lắc xa lơ đó
Trông lại, tha hồ áo trắng bay.
Tâm gia mấy kẻ thì phương Bắc
Phân tán vì cơn gió bụi này
Người đi buồn lắm mà không khóc
Mà vẫn cười qua chén rượu đầy
Vẫn dám tiêu hoang cho đến hết
Ngày mai ra sao rồi hãy hay
Ngày mai sán lạn màu non nước
Cốt nhất làm sao tự buổi này
Rẫy ruộng châu ngọc, thù son phấn
Mắt đỏ lên rồi cứ chết ngay
Hỡi ơi nhiếp chính mà bặm mặt
Giữa chợ, ai người khóc nhận thầy
Kinh Kha quán lạnh sầu nghiêng chén
Ai kẻ dâng vàng, kẻ biếu tay
Mơ gì ấp Tiết, thiêu văn tự
Hài cỏ gươm cùn ta đi đây!
Ta đi nhưng biết về đâu chứ
Đã thấy phong yên lộng bốn trời
Thà cứ ở đây ngồi giữa chợ
Uống say mà gọi thế nhân ơi!
Thế nhân mắt trắng như ngân nhũ
Ta với nhà người cả tiếng cười
Người ơi! hề người ơi!
Người sang bên ấy sao mà lạnh.
Nhịp trúc ta về lạnh mấy mươi!

.....

Chúng ta, những người ở xứ người, đi xa hơn thi sĩ nhiều, nhiều lắm... và chắc trong quý vị, thể nào chả có vị giống như Sao Khuê, chúng mình có những lúc buồn, buồn ghê, buồn gớm như thi sĩ Nguyễn Bính, mà Sao Khuê thì đang ở tuốt cực Bắc của quả địa cầu nên lâu lâu cũng bị những cơn nhớ quê nó... hành mà:

Hành Phương Bắc

Chúng ta lưu lạc đến chốn này
Quá nửa đời người tuyết lạnh bay
Xuân đến mà không mai vàng nở
Rượu bánh ê hề chẳng thể thay!
Độc ẩm chiều hôm lưng ly rượu
Bạn hiền vắng bóng – làm sao say?
Nhớ lại bấy lăm người qua Mỹ
Ta thì kẹt lại phận không may
Từ đó quấn quanh vòng cơn áo
Thừa phút giây nào vợ vẫn mây.
Người đã ra đi từ buổi trước
Có nhớ tình ta trong phút giây?
Nợ ta - ai vẫn còn một món
Tình - Tiền, ta trắng cả hai tay!
Quê nhà xa lắc xa lơ đó
Người nhớ chẳng người, áo trắng bay?
Thế rồi di tản qua phương Bắc
Nhìn lại quê xưa - khổ thế này!
Nhiều đêm ta muốn ôm mặt khóc
Mà lệ không đông đủ giọt đây.
Đi không trở lại, thôi là hết.
Mẹ già, em dại, phận nào hay?
Ngoảnh lại chỉ thấy hồn non nước
Biệt ly - xa cách - từ buổi nay!
Áo com, đèn sách, quên son phấn ...
Muốn ngã nhưng rồi đứng dậy ngay!
Gió đông se lạnh, tê cả mặt.
Bão tuyết - bão đời - vẫn toàn thân.
Nam nhi, voi nổi sào: cạn chén!
Còn ta - ai là kẻ dìu tay?
Bạn cùng sách vở - kinh vô tự
Hữu với thiên nhiên - đạo đó đây....
Quê nhà: nên trở về thăm chứ?
... Sâu hận dâng lên ngút tận trời!
Bạn ta - có kẻ ngồi giữa chợ,
Gõ bòn mà gọi Việt nam ơi!
Nhưng tiền vẫn trắng như ngân nhũ
Gái, rượu, ăn chơi, rộn tiếng cười ...
Việt nam ơi! Hỡi Việt Nam ơi!
Xứ nóng nhưng tình sao lại lạnh.

Ta đứng trông về, lạnh mấy mươi!
(Sao Khuê)



Sao Khuê không hiểu đến đây thì quý vị có thể hiểu thế nào là thể thơ HÀNH không, chứ Sao Khuê thì tuy bắt chước xong rồi vẫn còn lơ mơ, lơ mờ chưa thực sự thấu đáo thế nào là Hành, chỉ thấy là Hành nó hành hạ tinh thần người ta ra phết. Quý vị có đồng ý với Sao Khuê không? Này nhé, từ Tỳ Bà Hành, tới Tống Biệt hành, tới Hành Phương Nam hay phương Bắc, hỏi có Hành nào mà không... thờ than, rên rĩ không?

Nghe nảo nuốt khác tay đàn trước
Khắp tiệc hoa sứt mướt lệ rơi
Lệ ai chan chứa hơn người
Giang Châu Tư Mã đượm mùi áo xanh
(Tỳ Bà Hành)

Vậy thế nào là thể thơ Hành?

Dĩ nhiên là Sao Khuê không biết, mà muốn biết thì phải đi tầm sư học đạo. Nói nhỏ quý vị nghe, chắc cũng có nhiều người làm... ‘Hành’ như Sao Khuê vậy, nhưng ít người biết rõ Hành đấy nhé. Hỏi ông anh của bạn, quý vị biết ông ấy đáp ra làm sao không:

- Cô ơi! trước nay thì anh chỉ biết ăn hành, hành sống, hành chín, hành trần, hành lá, hành củ, hành tây, hành ta, hành già, hành trắng, hành tím, hành nâu ... đều có ăn qua. Anh thì chả dám hành ai nhưng suốt đời được chị cô nó hành, nó có nói hành nói tỏi thì cũng ráng mà nghe, cãi lại thì chỉ có nước hành lý bị gậy mà đi hành khất thôi cô ạ!

Chán chưa cơ chứ. Rồi Sao Khuê cũng mail, meo meo mèo meo... hỏi một nhà thơ nổi tiếng mà không có hồi âm, chắc người bận việc... Tuy vậy Trời không phụ kẻ có lòng. Sao Khuê có tìm hiểu để rapport cho quý vị tường. Vậy thì Sao Khuê xin chép lại lời giải thích:

*** Người đời Đường gọi lối thơ TUYỆT CÚ (lối thơ bốn câu) và lối thơ LUẬT (lối thơ rất nghiêm chỉnh trọng niêm và luật đối) là Cận Thể hay Kim Thể để phân biệt với Cổ Thể hay Cổ Phong

Cổ Thể hay Cổ Phong bắt đầu xuất hiện vào đời Hán không hạn định số câu và cách gieo vần rất uyển chuyển, rộng rãi, có thể dùng độc vận (một vần), liên vận (nhiều vần) hay bất hiệp vận (không vần), và có thể dùng vận chính, vận thông và vận chuyển (vận có âm không giống nhau nhưng chuyển đọc thành âm giống nhau).

Có ngũ ngôn cổ phong (thơ 5 chữ) và thất ngôn cổ phong (thơ 7 chữ). Những bài thất ngôn cổ phong nào dài quá 8 câu và ngũ ngôn cổ phong nào dài quá 16 câu thì được gọi là Tràng Thiên hay Hành.

Những bài hành bất hủ trong kho tàng văn học Việt nam có thể kể: **Tổng Biệt Hành** của Thâm Tâm, **Độc Hành Ca** của Vô danh, **Trường Sa Hành** của Tô Thùy Yên, **Hành Phương Nam** của Nguyễn Bính, **Hành Phương Bắc** của u... u... của... Sao Khuê.

Ê! mà quý vị làm gì... vậy? có Nam thì phải có Bắc chứ!

Lưu ý quý vị là **Hành Phương Bắc** của Sao Khuê mà bất hủ chỉ là Sao Khuê cà rơn, lựa lúc quý vị đang vênh râu nghe mà len lén thêm vào, chứ không có thật đâu, nếu có thì chỉ là Hủ chứ không Bất Hủ hay Hủ Len đâu đấy nhé.

Rồi, đến đây thì Sao Khuê nghĩ là tạm đủ về Hành. Quý vị nào biết nhiều hơn xin nói cho mọi người biết mí để Sao Khuê còn đi thiền hành, hành khát rồi còn hành chồn, hành con nĩa chứ...

Sao Khuê